

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 374 – Chúa nhật 08.03.2020

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

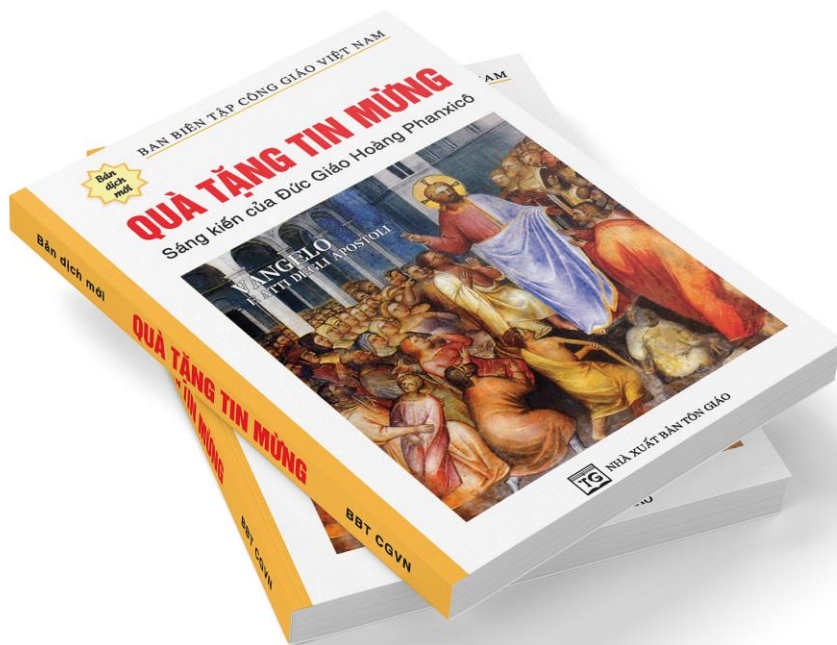
Quà Tặng Tin Mừng Máthêu (tiếp theo)	bản dịch của BBT CGVN
MÙA CHAY BIẾN ĐỔI TÂM HỒN	LM ĐAN VINH - HHTM
Nên thánh đối với người cao tuổi	+ TGM Giuse Vũ Văn Thiên
BÀI NÓI CHUYỆN CỦA ĐTC PHANXICO TẠI HỘI NGHỊ GIÁO DỤC CÔNG GIÁO Ở VATICAN....	
.....Chuyển ngữ: Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD	
MC 2,1-13. LỜI THA TỘI, LỜI CHỮA LÀNH	Lm. Giuse Lê Minh Thông, O.P.
CHẾT LÀ GÌ?	Gs. Ben. Đỗ Quang-Vinh
THÁNH GIUSE NGƯỜI CÔNG CHÍNH	Tiến Sĩ Trần Mỹ Duyệt
NHÂN MÙA CHAY THÁNH, CẦN NÓI QUA VỀ MỐI NGUY CƠ TO LỚN ĐẾN TỪ MA QUỴ KẼ	
THÙ LUÔN CÁN ĐỔ CON NGƯỜI LÀM SỰ DỮ, SỰ TỘI KHIẾN MẤT HY VỌNG ĐƯỢC CỨU	
RỒI ĐỂ VÀO NƯỚC TRỜI HƯỞNG PHÚC THIÊN ĐÀNG	Lm. Ngô Tôn Huân
CÂU CHUYỆN TRÀNG HẠT MÂN CÔI TRONG MÙA DỊCH COVID – 19.....	
.....Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp	
THÁNH THẦN, HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI (Chương 6)	
.....Gs. Nguyễn Đăng Trúc và Nguyễn Chính Kết chuyển dịch ra Việt ngữ	
SÚP LƠ XANH.....	Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức, MD
NHẬU	Chuyện Phiếm của Gã Siêu

LTS. Như chúng con đã hẹn, Quà Tặng Tin Mừng đã được phát hành rộng rãi vào đúng dịp Tết vừa qua, cũng là Chúa Nhật Lời Chúa và Năm Lời Chúa; những ai có nhu cầu nhận toàn văn bản dịch Quà Tặng Tin Mừng, cũng có thể yêu cầu BBT gửi qua email trong một file PDF hoặc Word. Những ai có nhu cầu nhận sách QTTM xin vui lòng email cho biết. Ngoài ra trên Đặc San GSVN chúng con sẽ cho đăng mỗi kỳ một phần bản dịch Kinh Thánh mới này để mọi người có thể tham khảo và góp ý. **Xin lưu ý: Bản dịch Kinh**

Thánh này chẳng những chúng con KHÔNG giữ bản quyền mà còn rất biết ơn những ai sẽ giúp phổ biến bằng mọi cách. Miễn là xin đừng tự ý sửa chữa nếu chưa thông báo cho BBT CGVN biết để xin ý kiến các Giáo Sư Thánh Kinh.

Xin chân thành cảm ơn.

BBT CGVN và Đặc San GSVN



TIN MỪNG
theo
Thánh Mátthêu

Những phân đoạn chính:

- I. Thời thơ ấu
(1:1–2:23)**
- II. Công bố Nước Trời
(3:1–7:29)**
- III. Tác vụ và sứ mạng tại Galilê
(8:1–11:1)**
- IV. Dân Israel chống đối
(11:2–13:53)**
- V. Chúa Giêsu, Nước Trời, và Giáo Hội
(13:54–18:35)**
- VI. Tác vụ tại Giuđê và Giêrusalem
(19:1–25:46)**
- VII. Thương Khó và Phục Sinh
(26:1–28:20)**

III. Tác vụ và sứ mạng tại Galilê (8:1–11:1)

Chương 8

Chữa một người bệnh phong.

¹Khi Chúa Giêsu từ trên núi xuống thì có nhiều người đi theo Ngài. ²Này đây một người bệnh phong đến thờ lạy Ngài mà thưa rằng: “Lạy Chúa, nếu Ngài muốn, Ngài có thể cho con được sạch”. ³Và Chúa Giêsu giơ tay ra, chạm đến người ấy mà nói: “Tôi muốn, anh hãy nên sạch!”; tức thì anh ta liền được sạch. ⁴Và Ngài bảo anh: “Anh hãy cẩn thận đừng nói với ai; song hãy đi trình diện với tư tế và dâng của lễ theo luật Môsê để làm chứng trước mặt họ”.

Chữa gia nhân của một viên sĩ quan.

⁵Khi Chúa Giêsu vào Capharnaum, thì một viên sĩ quan đến gặp Ngài và kêu xin: ⁶“Lạy Chúa, gia nhân của tôi đang nằm liệt bất toại ở nhà và đau đớn lắm”. ⁷Chúa Giêsu đáp: “Chính Tôi sẽ đến chữa lành cho anh ta”. ⁸Viên sĩ quan thưa lại: “Lạy Chúa, tôi không xứng đáng được Ngài vào nhà tôi, nhưng xin phán một Lời, thì gia nhân của tôi sẽ lành mạnh. ⁹Vì tôi đây tuy là cấp dưới nhưng cũng có binh sĩ dưới quyền, và tôi bảo người này: “Đi”, thì anh ta đi; và bảo người kia: “Đến”, thì anh ta đến; bảo gia nhân của tôi: “Làm cái này”, thì anh ta làm”. ¹⁰Nghe vậy, Chúa Giêsu ngạc nhiên và nói với những người theo mình: “Amen Tôi bảo anh em: Tôi không thấy người nào có Đức Tin mạnh mẽ dường ấy trong dân Israel! ¹¹Vì thế, Tôi bảo anh em rằng nhiều người sẽ từ Phương Đông và Phương Tây đến để dự tiệc với Abraham, Isaac và Giacóp trong Nước [Trời]; ¹²còn chính con cái Nước [Trời] lại bị quăng vào nơi tối tăm bên ngoài: ở đó sẽ phải khóc lóc và nghiến răng”. ¹³Đoạn Chúa Giêsu nói với viên sĩ quan: “Ông hãy đi! Ông tin sao, thì được như vậy”. Và gia nhân của ông ta được khỏi bệnh vào đúng giờ ấy.

Chữa mẹ vợ ông Phêrô.

¹⁴Chúa Giêsu đến nhà ông Phêrô, thấy bà mẹ vợ ông đang nằm trên giường và lên cơn sốt. ¹⁵Ngài chạm vào tay bà, và cơn sốt biến mất, bà trở dậy và phục vụ Ngài.

Các việc chữa lành khác.

¹⁶Khi chiều về, người ta mang đến cho Chúa Giêsu nhiều người bị quỷ ám; và Ngài xua trừ quỷ bằng lời nói và chữa lành tất cả những người đau yếu, ¹⁷thể là ứng nghiệm điều ngôn sứ Isaia đã nói xưa rằng:

“Ngài đã mang lấy các tật nguyên của chúng ta
và vác lấy các bệnh tật của chúng ta”.

Ước muốn được theo Chúa Giêsu.

¹⁸Thấy có đông dân chúng xung quanh mình, Chúa Giêsu truyền đi sang bờ bên kia. ¹⁹Một kinh sư đến thưa rằng: “Lạy Thầy, xin cho tôi theo Thầy, đi đến bất cứ nơi đâu”. ²⁰Và Chúa Giêsu bảo người ấy: “Con cáo có hang, và chim trời có tổ, nhưng Con Người* không có nơi tựa đầu”. ²¹Một môn đệ khác thưa rằng: “Lạy Chúa, xin cho phép tôi đi về chôn cất cha tôi trước đã”. ²²Nhưng Chúa Giêsu bảo người ấy: “Cứ theo Tôi và để kẻ chết chôn kẻ chết của họ”.

Đẹp yên bão biển.

²³Chúa Giêsu xuống thuyền, và các môn đệ cùng đi với Ngài. ²⁴Và này, bỗng cuồng phong nổi lên làm sóng nước tràn vào thuyền; nhưng Ngài vẫn ngủ. ²⁵Họ đánh thức Ngài mà nói: “Lạy Chúa, xin cứu chúng con, chúng con chết mất!”. ²⁶Và Ngài nói với họ: “Tại sao các con sợ hãi

* Mt 8, 20 “Con Người”: (viết hoa) là một danh xưng của Chúa Giêsu – Thiên Chúa Làm Người. (Hy Lạp: [Huioi tou anthrōpou](#); Latinh: Filius hominis; Anh: (the) Son of Man; Pháp: Fils de l’homme.

thể, hỡi những người yếu lòng tin?”. Bấy giờ Ngài trỗi dậy quét mắng gió và biển, và biển lặng như tờ. ²⁷Ai nấy đều sửng sốt và nói: “Ngài là ai, mà đến cả gió và biển cũng phải tuân lệnh?”.

Chữa người bị quỷ ám ở vùng Gadara.

²⁸Khi Chúa Giêsu vừa cập bến bờ bên kia thuộc miền Gadara, thì có hai người bị quỷ ám, từ trong mồ mả đi ra, họ rất dữ tợn nên không ai có thể qua lại đường ấy. ²⁹Họ kêu lên và nói: “Chúng tôi và ông có can chi, hỡi Con Thiên Chúa? Giờ chưa tới mà ông đến để làm khổ chúng tôi sao?”. ³⁰Cũng có đàn heo nhiều con đang ăn ở gần đó. ³¹Quỷ nài xin Ngài rằng: “Nếu ông đuổi chúng tôi, thì xin cho chúng tôi nhập vào đàn heo kia”. ³²Ngài bảo chúng: “Đi đi!”. Quỷ xuất ra khỏi hai người rồi nhập vào đàn heo; và cả đàn heo chạy ào xuống biển chết đuối hết. ³³Những người chăn heo bỏ chạy vào trong thành loan báo tất cả và kể lại chuyện những người bị quỷ ám. ³⁴Cả thành liền ra gặp Chúa Giêsu; thấy Ngài, họ xin Ngài rời khỏi xứ của họ.

Chương 9

Chữa một người bất toại.

¹Chúa Giêsu xuống thuyền sang bờ bên kia về thành của mình*. ²Và đây người ta đem đến cho Ngài một người bất toại nằm trên giường. Chúa Giêsu thấy lòng tin của họ, Ngài bảo người bất toại: “Hãy tin, hỡi con, tội con đã được tha”. ³Và này, có mấy kinh sư nói với nhau rằng: “Ông ta nói phạm thượng”. ⁴Chúa Giêsu hiểu ý họ, Ngài nói: “Tại sao các ông suy nghĩ những điều xấu xa trong lòng vậy?” ⁵Nói: “Tội con đã được tha”, hay nói: “Hãy trỗi dậy mà đi”, thì đằng nào dễ hơn? ⁶Nhưng để các ông biết Con Người có quyền tha tội dưới đất, — đoạn Ngài nói với người bất toại —: “Hãy đứng dậy, vác lấy giường mà đi về nhà”. ⁷Người ấy liền đứng dậy và đi về nhà mình. ⁸Thấy thế dân chúng thán phục và tôn vinh Thiên Chúa, Đấng đã ban cho loài người một quyền phép như thế.

Gọi Máthêu.

⁹Chúa Giêsu rời khỏi nơi đó, Ngài thấy một người ngồi ở bàn thu thuế, tên là Máthêu, và Ngài bảo ông: “Hãy theo Thầy”. Ông liền đứng dậy đi theo Ngài. ¹⁰Và xảy ra là khi Ngài đang dùng bữa trong nhà, thì có nhiều người thu thuế cùng tội lỗi đến dự tiệc với Chúa Giêsu và môn đệ Ngài. ¹¹Những người Phariseu thấy vậy liền nói với các môn đệ Ngài rằng: “Tại sao Thầy các ông lại ăn uống với những người thu thuế và tội lỗi?”. ¹²Nghe thế, Ngài nói: “Không phải người khỏe mạnh cần đến thầy thuốc nhưng là người đau yếu. ¹³Các ông hãy học cho biết điều này: “Tôi muốn Lòng Thương Xót, chứ không phải hy lễ”. Tôi không đến để kêu gọi những người công chính nhưng là những người tội lỗi”.

Thắc mắc về việc ăn chay.

¹⁴Bấy giờ các môn đệ của Gioan đến gặp Chúa Giêsu mà rằng: “Tại sao chúng tôi và những người Phariseu ăn chay, còn môn đệ Ngài lại không ăn chay?”. ¹⁵Và Chúa Giêsu bảo họ: “Khách dự tiệc có thể buồn sầu khi tân lang còn ở với họ không? Sẽ đến ngày chàng rể bị đem đi và bấy giờ họ sẽ ăn chay. ¹⁶Chẳng ai lấy miếng vải mới vá vào áo cũ; vì miếng vải mới sẽ kéo rách áo cũ, và chỗ rách sẽ to hơn. ¹⁷Cũng không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ, làm vậy bầu da nứt, rượu chảy ra, và bầu da hỏng; nhưng rượu mới phải đựng trong bầu da mới, như thế sẽ giữ được cả hai”.

Con gái viên thủ lãnh và người đàn bà bị rong huyết.

¹⁸Khi Chúa Giêsu còn đang nói với họ, thì này đây một thủ lãnh trong dân đến thờ lạy Ngài và thưa: “Con gái tôi vừa mới chết; nhưng xin Ngài đến đặt tay trên cháu, và cháu sẽ sống”. ¹⁹Chúa Giêsu đứng dậy và đi theo ông ấy cùng với các môn đệ của Ngài. ²⁰Một người đàn bà bị bệnh rong huyết đã mười hai năm tiến lại đằng sau mà sờ vào tua áo choàng của Ngài. ²¹Vì bà tự nhủ trong lòng: “Nếu tôi sờ vào áo choàng của Ngài, tôi cũng sẽ được chữa

* Mt 9, 1 “Thành của mình”: tức là thành Capharnaum.

lành”.²²Chúa Giêsu quay lại nhìn bà ấy và nói: “Hãy tin, hỡi bà, Đức Tin của bà đã cứu chữa bà”. Và người đàn bà đã được chữa khỏi từ giờ đó.

²³Khi Chúa Giêsu đến nhà ông thủ lãnh, thấy kèn trống inh ỏi và đám đông dân chúng ồn ào xông xáo, ²⁴Ngài nói: “Hãy lui ra; con bé không chết đâu: nó đang ngủ đó”. Và họ cười nhạo Ngài. ²⁵Khi đám đông đã ra ngoài, thì Ngài vào và cầm tay bé gái, em liền đứng dậy. ²⁶Và việc ấy đã đồn ra khắp cả vùng ấy.

Chữa hai người mù.

²⁷Khi Chúa Giêsu ra khỏi đó, có hai người mù theo sau kêu lên rằng: “Xin thương xót chúng tôi, lạy Con Vua Đavít”. ²⁸Ngài vào nhà rồi, họ tiến đến nài xin, và Ngài nói với họ: “Các anh có tin Tôi làm được điều ấy không?”. Họ đáp: “Có, lạy Chúa”. ²⁹Bấy giờ Chúa sờ vào mắt họ mà nói: “Các anh đã tin sao thì được vậy”. ³⁰Và mắt họ liền mở ra. Chúa Giêsu nghiêm mặt nói với họ rằng: “Coi chừng, đừng để ai biết được”. ³¹Nhưng họ ra đi liền loan tin về Ngài trong khắp cả miền ấy.

Chữa một người câm.

³²Họ vừa ra khỏi, thì này người ta đem đến cho Chúa Giêsu một người bị quỷ ám không thể nói được. ³³Khi quỷ vừa bị trục xuất, người câm liền nói được. Và dân chúng kinh ngạc nói rằng: “Chưa hề thấy như thế bao giờ trong dân Israel!”. ³⁴Những người Phariseu thì nói: “Ông ấy nhờ tướng quỷ mà trừ được lũ quỷ”.

Lòng Thương Xót của Chúa Giêsu.

³⁵Chúa Giêsu rảo khắp các thành và các làng mạc, giảng dạy trong các hội đường của họ, loan báo Tin Mừng về Nước [Trời] và chữa lành hết mọi bệnh hoạn tật nguyền. ³⁶Thấy đám đông, Ngài chạnh lòng thương xót, vì họ bị ngược đãi và vất vưởng như những con chiên không người chăn. ³⁷Bấy giờ Ngài bảo các môn đệ mình: “Mùa màng thì nhiều, thợ thì ít; ³⁸vậy các con hãy xin Chủ Mùa* sai thợ đến làm việc trong đồng lúa của Ngài”.

Chương 10

Sứ mạng Nhóm Mười Hai.

¹Và Chúa Giêsu triệu tập Mười Hai môn đệ của Ngài lại, ban cho họ quyền trên các thần ô uế, để họ xua trừ chúng và chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyền. ²Mười Hai Tông Đồ* có tên như sau: trước hết là Simon, gọi là Phêrô, và Andrê em ông, rồi đến hai con của Dêbêđê là Giacôbê và Gioan em ông; ³Philipphê và Bartôlômêô, Tôma và Máthêu người thu thuế, Giacôbê con ông Alphê và Tađêô, ⁴Simon Nhiệt Thành và Giuđa Iscariốt, kẻ giao nộp Ngài.

Sai Nhóm Mười Hai ra đi.

⁵Chúa Giêsu đã sai Mười Hai người ấy đi và truyền cho họ rằng: “Các con đừng đi lối đường của dân ngoại hoặc vào thành người Samari; ⁶nhưng hãy đến cùng các chiên lạc của nhà Israel. ⁷Hãy đi và loan báo rằng: “Nước Trời đã gần đến”. ⁸Hãy chữa lành người bệnh, cho kẻ chết sống lại, cho người bệnh phong được lành sạch, xua trừ Quỷ; các con đã nhận nhưng không, thì hãy cho nhưng không*. ⁹Các con đừng giắt lưng vàng bạc hay tiền nong, ¹⁰đừng mang hai áo và bao bị đi đường, cũng đừng mang giày dép gậy gộc; vì người làm thợ thì đáng được nuôi ăn. ¹¹Các con vào thành hay làng nào, hãy tìm người nào xứng đáng; và hãy ở lại đó cho đến lúc ra đi. ¹²Các con vào nhà nào, hãy chúc bình an cho họ; ¹³nếu nhà nào xứng đáng, thì bình an của các con sẽ đến trên nhà đó; nếu nhà nào không xứng đáng, thì bình an của các con sẽ trở lại với các con. ¹⁴Ai không đón nhận và nghe lời các con giảng, hãy ra khỏi nhà đó, thành đó và giữ bụi khỏi chân các con. ¹⁵Amen Thầy bảo các con: đến ngày phán xét, đất Sôđôm và Gômôra sẽ được xử khoan dung hơn thành ấy.

* Mt 9, 38 “Chủ Mùa”: chính là Thiên Chúa Cha, Đấng là chủ mọi loài và mọi điều tốt đẹp.

* Mt 10, 2 “Tông Đồ”: còn gọi là “Sứ Đồ”, có nghĩa là người được sai đi.

* Mt 10, 8 “Nhưng không”: có nghĩa là không có điều kiện gì.

Những bách hại sắp tới.

¹⁶Này, Thầy sai các con đi như chiên vào giữa sói; hãy khôn ngoan như con rắn và đơn sơ như chim bồ câu. ¹⁷Hãy coi chừng người đời; họ sẽ nộp các con cho công nghị, và đánh đòn các con trong hội đường của họ; ¹⁸vì Thầy, các con sẽ bị điệu đến trước các quan quyền, để làm chứng trước mặt họ và dân ngoại. ¹⁹Khi bị người ta nộp, các con đừng lo phải làm sao hay nói gì; vào giờ đó các con sẽ được cho biết phải nói gì. ²⁰Bởi không phải các con nói, nhưng Thần Khí của Cha sẽ nói trong các con. ²¹Anh em sẽ nộp nhau để bị giết, cha sẽ nộp con; và con cái chống đối cha mẹ và làm cho cha mẹ phải chết. ²²Các con sẽ bị mọi người ghét bỏ vì Danh Thầy; nhưng ai trung kiên đến cùng thì sẽ được cứu rỗi. ²³Khi người ta bắt bớ các con trong thành này, thì hãy trốn sang thành khác; Amen Thầy bảo các con: các con chưa đi hết các thành của nước Israel, thì Con Người đã đến. ²⁴Môn đệ không trọng hơn thầy, gia nhân không trọng hơn chủ mình. ²⁵Môn đệ được như thầy mình, và gia nhân được như chủ nhà là đủ lắm rồi. Nếu người ta đã gọi chủ nhà là Bêelzêbul, thì những người trong nhà sẽ còn bị xử tệ hơn!

Can đảm chịu bách hại.

²⁶Vì thế các con đừng sợ họ. Vì không có gì kín ẩn mà không biểu lộ ra, và không bí mật nào mà không được biết*. ²⁷Điều Thầy nói với các con trong bóng tối, các con hãy nói ra nơi ánh sáng; và điều các con nghe rỉ tai, hãy rao truyền trên sân thượng. ²⁸Đừng sợ những người giết được thân xác, mà lại không giết được linh hồn; nhưng hãy sợ Đấng có thể hủy diệt cả hồn và xác nơi hỏa ngục. ²⁹Có phải hai con chim sẽ chỉ bán được một đồng xu* không? Thế mà chẳng con nào rơi xuống đất ngoài ý Cha các con. ³⁰Những sợi tóc trên đầu các con đều đã được đếm rồi. ³¹Vậy các con đừng sợ. Các con quý trọng hơn chim sẻ bội phần. ³²Vậy ai tuyên xưng Thầy trước mặt người đời, Thầy cũng xưng kẻ đó trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời; ³³còn ai chối Thầy trước mặt người đời, Thầy cũng sẽ chối người đó trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời.

Chúa Giêsu: nguyên nhân gây chia rẽ.

³⁴Các con đừng tưởng Thầy đến đem bình an xuống mặt đất; không, Thầy không đến để đem bình an, nhưng là gươm giáo. ³⁵Thầy đến để phân rẽ:

con trai chống đối cha mình,

con gái chống đối mẹ mình

và nàng dâu chống đối mẹ chồng mình:

³⁶và kẻ thù của người ta là những người nhà mình.

Điều kiện làm môn đệ.

³⁷Ai yêu cha mẹ hơn Thầy thì không xứng với Thầy; và ai yêu con trai con gái hơn Thầy cũng không xứng với Thầy; ³⁸ai không vác thập giá mình mà theo Thầy, thì không xứng với Thầy. ³⁹Ai tìm sự sống mình thì sẽ mất; còn ai mất sự sống mình vì Thầy thì sẽ tìm được.

Phản thưởng.

⁴⁰Ai tiếp đón các con là tiếp đón Thầy; và ai tiếp đón Thầy là tiếp đón Đấng đã sai Thầy. ⁴¹Ai tiếp đón một ngôn sứ vì người đó là một ngôn sứ, thì sẽ nhận được phần thưởng ngôn sứ; và ai tiếp đón người công chính vì người đó là một người công chính, thì sẽ nhận được phần thưởng người công chính. ⁴²Ai cho một trong những kẻ bé mọn này uống một chén nước lã vì người đó là môn đệ Thầy, amen Thầy bảo các con: người ấy sẽ không mất phần thưởng đâu*.

Còn tiếp nhiều kỳ

* Mt 10, 26 Ở đây có nghĩa là các môn đệ hãy can đảm rao giảng toàn bộ Tin Mừng.

* Mt 10, 29 “Đồng xu”: ở đây là đồng assarion có giá trị bằng một phần mười của một đênari. (x. Lc 12, 6; Đênari: x. Mt 20, 2).

MÙA CHAY BIẾN ĐỔI TÂM HỒN

HIỆP SỐNG TIN MỪNG

CHÚA NHẬT 2 MÙA CHAY A

St 12,1-4a ; 2 Tm 1,8b-10 ; Mt 17,1-9

I. HỌC LỜI CHÚA

1. TIN MỪNG: Mt 17,1-9.

(1) Sáu ngày sau, Đức Giê-su đem các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an là em ông Gia-cô-bê đi theo mình. Người đưa các ông đi riêng ra một chỗ, tới một ngọn núi cao. (2) Rồi Người biến đổi hình dạng trước mặt các ông. Dung nhan Người chói lọi như mặt trời, và y phục Người trở nên trắng tinh như ánh sáng. (3) Và kìa các ông thấy ông Mô-sê và ông Ê-li-a hiện ra đàm đạo với Người. (4) Bấy giờ ông Phê-rô thưa với Đức Giê-su rằng: “Lạy Ngài, chúng con ở đây, thật là hay ! Nếu Ngài muốn, con xin dựng tại đây ba cái lều. Ngài một cái, ông Mô-sê một cái, và ông Ê-li-a một cái”. (5) Ông còn đang nói, thì kìa có đám mây sáng ngời bao phủ các ông, và kìa có tiếng từ đám mây phán rằng: “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người. Các người hãy vâng nghe lời Người!”. (6) Nghe vậy, các môn đệ kinh hoàng, ngã sấp mặt xuống đất. (7) Bấy giờ Đức Giê-su lại gần, chạm vào các ông và bảo: “Trỗi dậy đi, đừng sợ!”. (8) Các ông ngước mắt lên, không thấy ai nữa, chỉ còn một mình Đức Giê-su mà thôi. Đang khi thầy trò từ trên núi xuống, Đức Giê-su truyền cho các ông rằng: “Đừng nói cho ai hay thị kiến ấy, cho đến khi Con Người từ cõi chết trỗi dậy”.

2. Ý CHÍNH:

Bài Tin Mừng thuật lại việc Đức Giê-su biến hình trên một núi cao trước mặt ba môn đệ thân tín là Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an. Mặt Người chiếu sáng như mặt trời. Áo người trở nên trắng như tuyết. Có hai nhân vật Cựu Ước là Mô-sê và Ê-li-a hiện ra đàm đạo với Người, có tiếng Chúa Cha giới thiệu Người là Con yêu dấu và đòi các môn đệ phải vâng nghe lời Người. Ba môn đệ từ vui mừng đến khiếp sợ khi đối diện với vinh quang Thiên Chúa.

3. CHÚ THÍCH:

- **C 1-2: +Các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an là em ông Gia-cô-bê:** Đây là ba môn đệ thân tín nhất của Đức Giê-su. Các ông là những người nhiệt thành yêu mến Thầy, và được

trao các nhiệm vụ then chốt, nên Đức Giê-su đã cho các ông thấy trước vinh quang của Người, để thêm lòng tin, hầu đủ sức vượt qua giờ phút đau thương trong cuộc khổ nạn của Người (x. Mt 26,37). + **Một ngọn núi cao:** Theo truyền thống xa xưa, thì đó là ngọn Ta-bo. Tuy núi này chỉ cao 360 m so với Địa Trung Hải, nhưng nằm trên cánh đồng rộng lớn Êt-rê-lon, cũng gây cho người ta cảm tưởng một ngọn núi cao. Ngày nay nhiều người nghĩ tới ngọn Khéc-môn cao 2.795 m gần thành Xê-da-rê của Phi-líp-phê. Đi từ Xê-da-rê tới nơi mất khoảng 5 ngày đường như Tin Mừng đã viết. Tuy nhiên có lẽ khi viết câu này, Mát-thêu chỉ chú trọng đến ý nghĩa tượng trưng của Núi: Núi là nơi khởi đầu và kết thúc mặc khải của Thiên Chúa đối với Mô-sê thời Cựu Ước hay với Đức Giê-su thời Tân Ước (x. Mt 5,1; 28,16). Núi cũng là nơi quy tụ muôn người nên một trong Nước Trời trong thời cánh chung (x. Mt 15,29; Is 2,2-3). + **Người biến đổi hình dạng trước mặt các ông:** Đức Giê-su tỏ bày Thiên tính vinh quang của Người cho các môn đệ thấy. Trong thời Xuất Hành, sau mỗi lần đàm đạo với Đức Chúa, mặt Mô-sê sáng chói, đến nỗi dân Ít-ra-en sợ không dám lại gần ông (x. Xh 34,29-30). + **Dung nhan Người chói lọi như mặt trời, và y phục Người trở nên trắng tinh như ánh sáng:** “Chói lọi như mặt trời” là biểu hiện của sự thuộc về thiên quốc (x. Mt 28,3; Cv 9,3) và thời cánh chung (x. Kh 1,14; 4,4). Theo thể văn khai huyền thì y phục trắng tinh giống như ánh sáng là biểu hiện vinh quang thiên giới dành cho những người được Thiên Chúa tuyển chọn.

- **C 3-4: + Ông Mô-sê và ông Ê-li-a:** Hai ông này tượng trưng cho Luật Mô-sê và các ngôn sứ, nghĩa là cho toàn bộ Cựu Ước. Như thế tất cả Cựu Ước đều hiện diện để làm chứng và tôn vinh Đức Giê-su. Hai vị này đàm đạo với Đức Giê-su về cái chết của Người sắp được thực hiện tại Giê-ru-sa-lem như một cuộc Xuất Hành Mới (x. Lc 9,31). Như vậy, toàn bộ khung cảnh biến hình này đều qui hướng về cuộc Thương Khó và Phục Sinh của Đức Giê-su. + **Dựng ba cái lều:** Theo truyền thống Do thái thì Thiên Đàng được gọi là “Lều vĩnh cửu” hay “Nhà tạm đời đời” (x. Lc 16,9). Vào thời cuối cùng, Thiên Chúa sẽ ngự giữa dân Người trong lều vinh quang của Người, và dân chúng sẽ cắm lều quanh Đấng Cứu Thế (x. Ga 1,14).

- **C 5-6: + Đám mây sáng ngời bao phủ các ông:** Trong Cựu Ước, khi tiếp xúc với dân Ít-ra-en, Đức Chúa thường xuất hiện trong đám mây (x. Xh 24,15-16). Ở đây, Thiên Chúa dùng mây che phủ các ông, để nói lên sự can thiệp đặc biệt như Người đã từng che chở cho dân Ít-ra-en xưa (x. Xh 13,21; 14,19-20), hay “rợp bóng” trên Đức Ma-ri-a vào ngày sứ thần truyền tin sau này (x. Lc 1,35). + **Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người. Các ngươi hãy vâng nghe lời Người:** Lời này nhắc lại lời Chúa Cha phán khi Đức Giê-su chịu phép rửa (x. Mt 3,17). Nhưng ở đây còn thêm mệnh lệnh cho các môn đệ: “Các ngươi hãy vâng nghe lời Người”. Qua đó, cho thấy Đức Giê-su chính là vị Mô-sê Mới thời cánh chung sẽ xuất hiện thay thế cho Mô-sê cũ thời Xuất Hành (x. Đnl 18,15). + **Các môn đệ kinh hoàng, ngã sấp mặt xuống đất:** Thái độ và cử chỉ của các môn đệ là phản ứng người ta thường có khi tiếp xúc với Thiên Chúa (x. Xh 19,21; Is 6,5).

- **C 7-9: + “Trỗi dậy đi, đừng sợ!”:** Đức Giê-su đã ra lệnh các môn đệ giống như khi Người phục sinh đưa bé gái con viên thủ lãnh (x. Mt 9,25). + **Chỉ còn một mình Đức Giê-su mà thôi:** Khi tiếng nói vừa dứt, thì mọi sự cũng tan biến theo. Từ đây, chỉ còn một mình Đức

Giê-su là Thầy dạy của Luật mới, Luật hoàn hảo và vĩnh viễn. + **“Đừng nói cho ai hay thị kiến ấy, cho đến khi Con Người từ cõi chết trỗi dậy”**: Lệnh truyền: “Đừng nói cho ai hay thị kiến ấy” cho thấy một mầu nhiệm lớn lao vừa được mặc khải (x. Đn 12,4.9). Có lẽ Đức Giê-su muốn tránh sự xáo trộn về chính trị, vì dân Do thái lúc bấy giờ đang trông chờ một Đấng Thiên Sai đến giải phóng họ khỏi ách thống trị của Rô-ma. Chỉ sau khi Chúa Giê-su sống lại thì vai trò của Người mới được hiểu cách đúng đắn theo thánh ý Thiên Chúa.

4. CÂU HỎI:

1) Tại sao ba ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an lại được Đức Giê-su cho chứng kiến cảnh Người biến hình? 2) Núi cao nói đây là núi nào? Thực ra, Núi ở đây ám chỉ điều gì? 3) Thời Xuất Hành, nhân vật nào cũng được biến hình giống như Đức Giê-su? 4) Việc Đức Giê-su biến đổi dung nhan và áo mặc mang ý nghĩa gì? 5) Hai ông Mô-sê và Ê-li-a là đại diện điều gì? Nội dung hai ông đàm đạo với Đức Giê-su xoay quanh đề tài nào? 6) Lều là hình ảnh tượng trưng điều gì? 7) Đám mây bao phủ các môn đệ tượng trưng gì? 8) Lời Chúa từ đám mây khẳng định thế nào về Đức Giê-su? 8) Tại sao Đức Giê-su đòi ba môn đệ phải giữ kín điều họ mới được chứng kiến?

II. SỐNG LỜI CHÚA

1. LỜI CHÚA: “Rồi Người biến đổi hình dạng trước mặt các ông. Dung nhan Người chói lọi như mặt trời, và y phục Người trở nên trắng tinh như ánh sáng” (Mt 17,2).

2. CÂU CHUYỆN:

1) HOÀNG TỬ GÙ LƯNG:

Tập nhân đức trái với thói hư là phương thế giúp nên hoàn thiện.

Có một hoàng tử kia đẹp trai lại văn võ song toàn. Nhất là luôn khiêm tốn hòa nhã, nên rất được vua cha và bá quan trong triều nể phục. Hoàng tử chỉ có một khuyết điểm duy nhất là cái tật gù lưng từ lúc mới sinh. Chính vì mang dị tật ấy mà chàng bị mặc cảm tự ti và không dám xuất hiện trước công chúng. Triều đình có cái lệ này là tạc tượng các nhân vật trong hoàng tộc khi họ được 20 tuổi. Bức tượng ấy sẽ được trưng bày tại viện bảo tàng quốc gia cho thần dân chiêm ngưỡng. Năm đó, hoàng tử vừa tròn 20 tuổi. Dù không muốn cho người ta tạc tượng, nhưng không dám trái lệnh vua cha, chàng chỉ yêu cầu hai điều và được vua cha chấp thuận: Một là bức tượng của chàng phải được tạc trong tư thế đứng thẳng chứ không bị gù lưng. Hai là bao lâu chàng còn sống thì chỉ được đặt bức tượng ấy tại phòng riêng của chàng.

Từ khi có bức tượng trong phòng, mỗi ngày hoàng tử đều đến trước tượng ngắm nhìn hình ảnh của mình. Chàng rất thích dáng vẻ hiên ngang của bức tượng, và cố bắt chước tư thế của bức tượng. Sau một thời gian, mọi người đều ngạc nhiên nhận thấy hoàng tử đã được biến đổi không còn bị gù lưng như trước nữa. Trái lại chàng có dáng vẻ hiên ngang oai vệ giống hệt bức tượng trong phòng của chàng. Sau khi sửa được cái tật gù lưng, hoàng tử đã đồng ý cho

trưng bày bức tượng của mình tại viện bảo tàng quốc gia cho thần dân mặc sức chiêm ngưỡng.

Trong Mùa Chay này, chúng ta cần tìm ra mối tội đầu là thói xấu quan trọng đang mắc phải và quyết tâm làm các việc cụ thể thuộc nhân đức đối lập để khắc phục thói hư.

2) TU THÂN, TÈ GIA, TRỊ QUỐC, BÌNH THIÊN HẠ:

Cần thay đổi bản thân trước hết. Một nhà giáo dục nổi tiếng người Pháp đã tâm sự về cuộc đời của ông như sau: Khi còn trẻ, tôi có tinh thần cách mạng và mỗi khi cầu nguyện, tôi luôn cầu xin Chúa một điều là: "Lạy Chúa, xin ban cho con nghị lực để biến đổi thế giới này".

Khi đã lớn tuổi và nhận thấy gần quá nửa đời người trôi qua mà tôi không thay đổi được một người nào hết, nên tôi đã thay đổi lời cầu nguyện của tôi như sau: "Lạy Chúa, xin ban cho con nghị lực để biến đổi những người trong gia đình của con."

Giờ đây tôi đã già và những ngày còn lại chỉ đếm được trên đầu ngón tay, nên lời cầu nguyện của tôi lại được thay đổi một lần nữa như sau: "Lạy Chúa, xin ban cho con nghị lực để biến đổi chính mình con."

Và ông kết luận: "Nếu tôi biết cầu nguyện như thế này từ ngày còn trẻ thì tôi đã không uổng phí cả cuộc đời."

(Anthony de Mello, Trích trong "The Song of the Bird")

3) SỰ TỬ NGẠO MẠN ĐÃ TỰ HẠI MÌNH:

"cái tôi" ích kỷ tự mãn là kẻ thù lớn nhất. Có một câu chuyện ngụ ngôn kể rằng: Ngày xưa thỏ và sư tử sống gần nhau, nhưng sư tử rất kiêu ngạo, vẫn cho mình là to khỏe nên xem thường loài thỏ. Sư tử thường mắng thỏ và dọa nạt thỏ suốt ngày. Thỏ tức mình không chịu nổi mới nghĩ ra cách báo thù.

Một lần kia nó nói với sư tử rằng: "Thưa ông anh, em vừa gặp một thằng to lớn và trông giống anh lắm. Nó bảo em rằng: "Trên đời này nó chưa sợ ai, và cũng chưa ai dám đối mặt với nó". Thằng cha này không coi ai ra gì cả!

Sư tử tức giận và bảo rằng: "Thế mà có nhắc đến tên tao không?"

Thỏ trả lời: "Sao lại không? Em vừa nhắc đến tên anh thì nó lồng lộn lên và bảo rằng anh chỉ đáng đàn em nó thôi".

Sư tử càng tức điên người lên và hỏi: "Nó ở đâu? dẫn tao đến ngay".

Thỏ liền dẫn sư tử ra phía sau núi, và chỉ một cái giếng sâu và bảo: "Đấy, nó ở trong đó đấy!". Sư tử đi lại gần giếng về mặt cảm tức nhìn xuống đáy giếng. Quả thực, nó trông thấy một

tên sư tử cặp mắt giận dữ đang trừng trừng nhìn nó. Sư tử liền rống lên một tiếng ra oai và tên kia cũng rống lên một tiếng giống như nó. Sư tử xù lông cổ lên và tên kia cũng xù lông cổ lên không sợ hãi. Sư tử nhe nanh múa vuốt đe dọa, tên kia cũng hăm dọa lại. Sư tử căm tức đến tột độ liền dồn hết sức nhảy phốc xuống giếng để cho thằng khốn nạn kia một bài học. Thế là, con sư tử ngạo mạn đã tự huỷ diệt đời mình dưới giếng sâu không sao trèo lên được nữa...

Trong các thói hư thì thói kiêu ngạo đứng hàng đầu, thể hiện qua thái độ luôn tự mãn về cái tôi ích kỷ của mình, thích được người khác khen ngợi xu nịnh hoặc hay tự đề cao mình lên và coi thường người khác, luôn lấn át những người thân cô thế cô hoặc những ai yếu thế hơn mình.

4) BIẾN TỪ NGƯỜI TỐT THÀNH KẺ XẤU CHỈ SAU VÀI NĂM PHÓNG ĐĂNG:

Nhiều người đã được trông thấy bức ảnh rất nổi tiếng của nhà danh họa LEONARD DE VINCI, trong đó có các hình ảnh của Chúa Giê-su với 12 tông đồ đang ăn Bữa Tiệc Ly. Sau đây là câu chuyện về sự hình thành của bức tranh này:

Sau khi sơ phác bức tranh, họa sĩ Leonard muốn tìm một khuôn mặt nhân hậu bao dung và đẹp đẽ, để làm mẫu vẽ khuôn mặt cực thánh của Chúa Giê-su, thì may mắn làm sao: một ngày nọ khi tham dự thánh lễ tại một nhà thờ nọ, ông nhìn thấy trong đám ca viên hát lễ, có một thanh niên tên Pietro Bandenelli, có nét mặt khôi ngô phi thường. Sau một hồi tiếp xúc, cậu ta đã bằng lòng theo họa sĩ về xưởng tranh để làm mẫu cho ông vẽ khuôn mặt của Chúa Giê-su.

Sau đó, họa sĩ tiếp tục dành nhiều thời gian để vẽ các khuôn mặt 12 tông đồ. Khi vẽ khuôn mặt của Giu-đa phản bội, ông tìm mãi mà không thể tìm ra một con người có nét mặt vừa gian ác vừa xấu xí để làm mẫu vẽ tông đồ này. Một hôm khi đi qua một khu chợ, tình cờ họa sĩ nhìn thấy một gã ăn mày bên lề đường có khuôn mặt rất gian ác xấu xa, quần áo rách nát bẩn thỉu, đang giơ chiếc nón ra xin ông làm phúc bố thí. Họa sĩ thầm nghĩ: Có lẽ đây chính là kẻ mình muốn tìm. Dù có đi hết các phố chợ trong thành phố cũng chẳng thể tìm ra kẻ nào có khuôn mặt xấu xa gian ác hơn gã ăn mày này. Ông đề nghị anh ta làm người mẫu với một số tiền thù lao khá hậu hĩnh và anh ta đã vui vẻ theo ông về xưởng vẽ, giúp ông hoàn thành bức họa chỉ còn thiếu khuôn mặt của Giu-đa phản bội.

Sau khi đã ngồi làm người mẫu và nhận tiền thù lao, trước khi ra về, gã ăn mày yêu cầu và được họa sĩ cho xem bức tranh hoàn tất. Đột nhiên gã ta bật khóc, và khi được hỏi lý do thì gã đã tâm sự như sau: “Ông quên tôi rồi sao? Cách đây mấy năm, tôi cũng được ông mời đến đây làm người mẫu giống như hôm nay. Lúc đó ông đã khen tôi có khuôn mặt đẹp như thiên thần và ông lấy tôi làm mẫu vẽ khuôn mặt của Chúa Giê-su... Nhưng sau đó, tôi đã lỡ dại nghe theo bạn bè, sa đà vào các thói hư như rượu chè, hút chích, chơi bời trác táng và nợ nần chồng chất. Tôi đã phải đi trộm cướp rồi bị cảnh sát bắt đi tù. Khi được thả, sức khỏe bị suy yếu và không nghề nghiệp, tôi rơi vào cảnh đói khát bần cùng, phải đi ăn xin như ông đã thấy”.

Phải. Đây chính là câu chuyện điển hình của một cuộc biến đổi hình dạng: từ một khuôn mặt tốt đẹp thánh thiện ban đầu trở thành xấu xa gian ác chỉ sau mấy năm chơi bời trác táng!

3. SUY NIỆM:

1) CÂU CHUYỆN BIẾN HÌNH CỦA ĐỨC GIÊ-SU:

Tin Mừng thuật lại câu chuyện Đức Giê-su biến hình trước mặt ba môn đệ thân tín là các ông: Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an. Chính khi ở trên núi cao và trong lúc Đức Giê-su đang cầu nguyện sốt sắng, mà các môn đệ đã nhìn thấy khuôn mặt của Người biến đổi: Dung nhan Người trở nên sáng ngời như Mô-sê xưa kia, sau khi ông được gặp gỡ Đức Chúa (x. Xh 34,29-35); Y phục của Đức Giê-su trở thành trắng tinh như ánh sáng là biểu hiện vinh quang thiên giới dành cho các người được Thiên Chúa tuyển chọn; Đồng thời có hai nhân vật đại diện Lề Luật và ngôn sứ thời Cựu Ước là ông Mô-sê và ông Ê-li-a hiện ra đàm đạo với Người. Như vậy tất cả Cựu Ước đều hiện diện để làm chứng và tôn vinh Đức Giê-su. Điều đáng lưu ý là giữa vinh quang ấy, hai vị này đã đàm đạo về cái chết của Đức Giê-su, như một cuộc Vượt Qua Mới mà Người sắp trải qua tại thủ đô Giê-ru-sa-lem. Ngoài ra còn có đám mây tượng trưng cho sự hiện diện của Thiên Chúa, và tiếng phán của Chúa Cha từ trong đám mây xác nhận Đức Giê-su là Mô-sê Mới của thời Cánh Chung, như ông Mô-sê đã từng tuyên sấm (x. Đnl 18,15).

2) ĐI THEO CON ĐƯỜNG: “QUA ĐAU KHỔ VÀO TRONG VINH QUANG”:

Đức Giê-su được biến hình sau khi đã chấp nhận cuộc Thương Khó và đã chiến thắng Xa-tan cám dỗ qua lời can của ông Phê-rô (x. Mt 16,22-23). Người cương quyết đi con đường “Qua đau khổ vào trong vinh quang” theo thánh ý Chúa Cha.

Trong Mùa Chay này, để được thay hình đổi dạng như Đức Giê-su, chúng ta cần kiên trì tập luyện, chấp nhận đường thập giá nhỏ hẹp leo dốc.

Phải siêng năng cầu nguyện, lắng nghe lời Chúa, và sẵn sàng từ bỏ ý riêng để vác thập giá mình hằng ngày mà theo chân Chúa. Nhờ đó, chúng ta hy vọng sẽ được vào trong vinh quang phục sinh với Người.

3) MÙA CHAY LÀ THỜI GIAN THUẬN TIỆN ĐỂ BIẾN ĐỔI NÊN TỐT HƠN:

Muốn được “biến hình” nên “con yêu dấu của Thiên Chúa”, trong Mùa Chay này chúng ta cần thực hành lời Chúa Cha dạy các môn đệ là vâng nghe lời Đức Giê-su. Không chỉ nghe bằng tai, bằng mắt mà còn nghe bằng lòng trí và bằng cuộc sống quy chiếu theo gương mẫu và lời Chúa dạy cụ thể như sau:

- Năng tham dự thánh lễ để được gặp Chúa Giê-su trong phụng vụ Lời Chúa và phụng vụ Thánh Thể. Năng đọc và suy niệm Lời Chúa trong giờ kinh tối hằng ngày, tham dự các buổi “học sống Lời Chúa” theo Nhóm nhỏ hằng tuần...

- Trong ngày hãy năng cầu nguyện như trẻ Sa-mu-en trong đền thờ khi xưa: “Lạy Đức Chúa, xin Ngài phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe” (I Sm 3,9), hoặc như Sau-lô sau khi bị ngã ngựa ở thành Đa-mát: “Lạy Chúa, con phải làm gì?” (x. Cv 22,10).

- Mỗi khi gặp hoàn cảnh thực tế không biết phải ứng xử thế nào cho phù hợp với thánh ý Thiên Chúa, chúng ta hãy thưa với Chúa Giê-su: “Lạy Chúa, nếu Chúa ở trong hoàn cảnh của con bây giờ thì Chúa sẽ làm gì?”. Rồi lắng nghe Lời Chúa phán trong lòng trí và quyết tâm thực hành lời Chúa dạy.

- Ngoài ra còn phải sống Lời Chúa cụ thể bằng việc: thăm viếng bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện, nhà nuôi người già, nhà tình thương... để chia sẻ cơm bánh cụ thể; Đến với anh em lương dân muốn theo đạo để truyền giảng Tin Mừng cho họ...

4. THẢO LUẬN:

Mùa Chay là mùa biến đổi: loại bỏ tội lỗi xấu xa để nên tốt lành hơn. Vậy trong Mùa Chay này chúng ta cần biến đổi điều gì trong lối sống đạo, để trở nên Con rất yêu dấu của Chúa Cha như Chúa Giê-su?

5. LỜI CẦU:

LẠY CHÚA GIÊ-SU. Chúa muốn chúng con thực thi giới răn quan trọng nhất là sống tình yêu thương tha nhân. Tuy nhiên nói thì dễ, nhưng thực hành lại không dễ chút nào. Thực vậy: Làm sao chúng con có thể yêu thương được một người hàng xóm lắm điều xấu tính; Một ông chồng khó ưa hay bần gắt nạt nộ vợ con; Một người mua hàng tham lam gian dối; Một bà hàng xóm ưa tò mò tọc mạch, hay nói xấu thêm bớt để hạ uy tín của chúng con... ? Xin giúp chúng con biết nhẫn nhịn chịu đựng, cầu nguyện điều lành cho họ, làm điều tốt để đáp lại điều xấu. Ước gì chúng con luôn nói những lời an ủi động viên những người gặp đau khổ rủi ro. Ước gì chúng con biết quảng đại chia sẻ tiền bạc vật chất cho những bệnh nhân nghèo đói mắc chứng bệnh nan y. Ước gì chúng con biết mở rộng vòng tay thân ái đón nhận tha nhân và nhìn họ là anh chị em, là con của một Cha Chung trên trời là Thiên Chúa.

X) HIỆP CÙNG MẸ MA-RI-A.- Đ) XIN CHÚA NHẬM LỜI CHÚNG CON

LM ĐAN VINH - HHTM

VỀ MỤC LỤC

Nên thánh đối với người cao tuổi

04/03/2020

Tuổi già là tuổi có phúc, vì không phải ai cũng được sống đến già và có tuổi thọ. Tuổi già là tuổi mãn nguyện, vì được sống đến ngày nhìn "con đàn cháu đống" sum vầy hạnh phúc. Tuổi già là tuổi an nhàn, vì chỉ ở tuổi già mới được nghỉ ngơi, không vướng bận chuyện sinh nhai, cơm, áo, gạo, tiền. Tuổi già là tuổi vượt lên tất cả, khi không còn loanh quanh trong vòng cương toả của "tham, sân, si", không mù loà trên mê lộ tranh giành, bon chen, đấu đá. Tuổi già là tuổi tự tại, vì đã nếm đủ mùi nhân sinh, trải nghiệm đủ ngọt, bùi, đắng, cay của kiếp người, ra vào đủ cửa sinh tử của đời người thăng trầm, ngang dọc.

Theo truyền thống Thánh Kinh, tuổi già là phúc lành của Thiên Chúa. Người đầu bạc là người đáng kính trọng. Ý thức sự sống là quà tặng của Trời sẽ giúp ta chân nhận tuổi già là tuổi vàng quý giá mà không phải ai muốn cũng được, dù có "tiền rừng bạc bể". Nhận ra tuổi sống là ơn huệ của Trời, con người mới thực sự trân quý tuổi già với niềm tri ân sâu xa và niềm vui được sống thọ.

Tuổi già cao quý như thế, nhưng tuổi già cũng nhiều đắng cay. Có nhiều người cao niên sống an nhiên tự tại, vui với thiên nhiên đất trời, bỏ ngoài tai mọi thị phi tính toán. Tuy vậy, cũng có nhiều người tuổi xế chiều còn nhiều toan tính, chưa tìm được một bến đỗ bình an. Nên thánh đối với người cao niên chính là tìm ra ý nghĩa của cuộc sống vào lúc tuổi già, để sống tốt lành và an bình trước mặt Chúa và đối với mọi người.

1. Tuổi già và ơn gọi nên thánh

Nên thánh ở đây phải được hiểu là cuộc sống tốt lành trước mặt Chúa và thái độ sống mang tính nhân văn cao, có giá trị gương mẫu cho hậu thế. Ta có thể ghi nhận một vài nét thánh thiện cần thiết ở tuổi già:

a - Thánh thiện ở tuổi già là cảm nhận ơn Trời trong suốt hành trình của cuộc sống

Nhìn theo lăng kính đức tin, cuộc sống của chúng ta được dệt nên bởi biết bao ơn lành Chúa ban. Dù cuộc sống có nhiều thăng trầm trôi nổi, không ai phủ nhận, họ đã lãnh nhận được nhiều ơn từ Trời, từ Thượng Đế, tự Tạo Hóa. Người Kitô hữu gọi đó Ngài là Thiên Chúa, là Cha yêu thương và là Đấng Quan phòng.

Càng có tuổi, người ta càng có tâm tình tôn giáo, mặc dù quan niệm và sự hiểu biết về tôn giáo có khác nhau. Tâm tình tôn giáo là tâm tình chính đáng và quan trọng trong đời sống con người. Con người là con người tôn giáo, nên khó có thể khước từ tâm tình tôn giáo rất tự nhiên và tiềm tàng sâu thẳm này. Lấy đi tâm tình tôn giáo, đánh mất lòng tri ân Trời là làm tê liệt cơ năng hướng thượng cao quý nơi con người. Ở vào tuổi sắp về Trời, người già càng cảm nhận mãnh liệt hơn ơn Trời luôn tuôn đổ phủ kín cuộc đời họ.

Từ tâm tình tri ân, người già làm sinh động tháng ngày già của mình bằng cầu nguyện. Cứ nhìn các cụ thăm thĩ cầu nguyện, tay mân mê tràng hạt, mắt nhắm nghiền sốt sắng cầu kinh, ta sẽ thấy tâm tình tôn giáo là nhân tố quan trọng làm cho tuổi già được quân bình, tự tại.

b - Thánh thiện ở tuổi già là xác tín: không bao giờ mất khả năng yêu thương

Bước vào tuổi già, người già có thể mất nhiều khả năng, trong đó có khả năng làm việc, khả năng tự lo cho mình, khả năng suy tư, khả năng sáng tạo, nhưng riêng khả năng yêu thương thì không bao giờ mất; bởi đây là khả năng đời đời sẽ theo con người đi qua thế giới bên kia. Chính vì thế, già vẫn yêu và già vẫn phải tiếp tục yêu. Không yêu, tuổi già sẽ vô nghĩa, vô vị, vì trống vắng chính căn tính của con người, đó là sinh ra để yêu thương.

Tình yêu thương giúp tuổi già không đầu hàng trước sức tàn phá kinh khủng của bệnh tật. Tình yêu đã làm cho tuổi già kiên cường, mạnh mẽ và cho tuổi già niềm vui sống, cũng như khát vọng được tiếp tục sống. Vì thế, thánh thiện của tuổi già là vẫn nồng nàn yêu người, vẫn say mê yêu đời, vẫn thấy mình đáng yêu để tình yêu dào dạt trong trái tim tuổi già sẽ tràn xuống đời con cháu và cho con cháu hưởng vị ngọt quý báu của tình yêu tận hiến hy sinh mà tuổi già đã suốt đời ban tặng. Ở người già thánh thiện, da có nhăn nheo, mắt có mù loà, chân tay có run rẩy thì tình yêu vẫn thiết tha, mặn nồng, tinh ròng và với tình yêu "càng già càng quý", tuổi già tiếp tục là mùa xuân yêu thương cho mọi người, nắng xuân rạng rỡ cho thế giới.

c - Thánh thiện ở tuổi già là thanh thản nhìn lên cao và nhận ra đường về Thượng Giới

Tuổi già là tuổi trên đường về cội nguồn và một ngày trôi qua là một ngày gần đích tới. Có những người già không muốn nhắc đến ngày về và sợ một ngày nhắm mắt xuôi tay. Dù sao thì chết cũng vẫn là một thực tại không thể tránh, một đe dọa không miễn trừ ai, một sự thực không gì có thể thực hơn mà con người phải đối diện. Người già thánh thiện vui vẻ đón nhận cái chết như định luật tất yếu của kiếp người: có sinh có tử, có đi có về. Chết với những người già thánh thiện là khoảnh khắc cần thiết và phải can đảm vượt qua. Chết là bước chân vượt qua ngưỡng cửa nối liền hai cuộc sống: bên này và bên kia, tạm bợ với vĩnh cửu, giới hạn với đời đời.

Thánh nhân là người không sợ chết, vì hiểu được ý nghĩa và giá trị của sự chết. Người già để là thánh nhân, để được gọi là tuổi già thánh thiện cũng phải sấm cho mình thái độ tự tại, thanh thản, an bình trước cái chết như các bậc thánh nhân này. Chấp nhận mình sẽ chết là cách sống đẹp nhất, vì có biết mình sẽ chết, người ta mới biết sống ngày hôm nay đẹp hơn hôm qua, và ngày mai sẽ đẹp hơn hôm nay.

2 - Lòng bao dung của tuổi già

a - Tuổi già bao dung và chấp nhận và phó thác

Bao dung là nét đẹp cao quý của tâm hồn yêu thương, quảng đại, hào sảng, cao thượng ... Bao dung làm tăng giá trị nhân cách và đem lại an bình sâu thẳm trong trái tim cư mang nó. Người có lòng bao dung là người dễ thương vì tình thương của họ được đặt trên đầu óc, môi mắt, tay chân. Chính vì tràn ngập yêu thương mà người bao dung toả sáng yêu thương một cách đơn sơ, dễ dàng, không vẽ vời, lễ nghi, kiêu cách. Tất một lời, bao dung là tình thương ở độ cao, là yêu thương ở mức bền bỉ, là cảm thương ở trạng thái cực kỳ bén nhạy.

Cùng với sự đổi thay của tuổi tác, thế giới cũng đang thay đổi từng ngày. Những quan niệm, lối sống, sở thích của thế hệ trẻ không còn giống như thời của các cụ ngày xưa. Người cao tuổi cần phải nhận ra điều ấy, để có lối ứng xử phù hợp, không bảo thủ và khư khư giữ quan niệm thói quen của mình, nhưng biết chấp nhận quan điểm và lối sống của người khác, tạo nên mối hài hòa trong đời sống gia đình. Như thế, những khác biệt của các thế hệ không phải là lý do để sinh mâu thuẫn và xung đột, nhưng làm cho cuộc sống thêm phong phú đa dạng và tốt đẹp hơn.

Trước những tiếc nuối quá khứ, những bấp bênh hiện tại, những lo lắng tương lai, tuổi già cần phó thác cho Thiên Chúa. Phó thác để được bình an. Phó thác để được thư thái và mạnh dạn bước đi những cây số cuối cùng của hành trình đời người. Phó thác để vui sống khi biết mình sẽ không bao giờ chết nữa sau ngưỡng cửa của sự chết sắp phải bước qua. Phó thác để trở thành tình yêu sống động có sức đổi mới, hoà giải, nối kết mọi người. Phó thác để tìm gặp chính mình trong vòng tay đời đời của Thiên Chúa. Và phó thác để đọc được trong mỗi chiếc lá vàng của tuổi già sức sống mơn mớn trong mùa xuân dĩ vãng và cả màu xanh ngát của nó trong mùa hè vừa mới qua đi.

b - Khi bao dung với mình, bao dung với người, tuổi già sẽ biết ơn Thượng Đế

Khi bao dung với mình, bao dung với người, tuổi già sẽ biết ơn Thượng Đế; bởi tâm tình biết ơn Trời sẽ chỉ xuất phát từ lòng bao dung trước đó đã dành cho mình và cho người khác. Lòng biết ơn Trời không thể tự nhiên thành hình và ngẫu nhiên xuất hiện, nhưng cần lòng bao dung như đất tốt để hạt biết ơn nảy mầm và lớn lên. Biết ơn Trời là thái độ xứng đáng, cao đẹp của tuổi già "tri thiên mệnh"; nghĩa là tương quan giữa người già với Trời lúc này phải là tương quan thân thiết, tương quan yêu thương, tương quan hợp tác, tương quan ơn nghĩa sâu đậm. Và biết ơn biểu hiện sống động tương quan cao quý, thánh thiện này.

Đàng khác, biết ơn Trời sẽ nói lên gắn bó ân tình giữa Trời và người già. Tuổi già hôm nay không còn lo sợ ngày mai không đường về, tương lai vô vọng, không quê hương, đất hứa; nhưng có Trời gần bên, có Trời hiện diện, có Trời trong đời sống, người già cảm thấy an tâm,

vững dạ khi ngày mai, ở cuối đường đời là vòng tay yêu thương đời đời của Trời chờ đón. Hạnh phúc được yêu thương bởi Trời, niềm vui được biết ơn Trời sẽ đảm bảo thiên đàng của tuổi già và cho người già niềm hy vọng ngày mai thuyền đời chắc chắn sẽ cập bến bờ Vĩnh Phúc.

c - Sống mẫu mực để noi gương cho con cháu

Người cao tuổi đã có nhiều kinh nghiệm đúc kết trong cuộc sống. Những suy tư và quyết định của họ đều mang tính chất chín chắn và từng trải. Thế hệ trẻ hôm nay rất mong đón nhận những bài học thiết thực từ thế hệ đi trước. Cách ứng xử của các bậc ông bà, cha mẹ luôn luôn phải là những mẫu gương, góp phần hình thành nhân cách nơi người trẻ. Nhờ những người cao tuổi, thế hệ trẻ hiểu được truyền thống văn hóa và chất lọc những tinh hoa của cuộc sống, đồng thời áp dụng trong cách đối nhân xử thế hằng ngày. Cũng nhờ thế hệ cao niên, giới trẻ và thiếu nhi Công giáo thừa hưởng truyền thống đức tin được tôi luyện trong thử thách của một thời khó khăn khốc liệt của Giáo Hội miền Bắc, trong những năm tháng thiếu thốn nhân sự và những hạn chế của xã hội đối với những sinh hoạt của các cộng đoàn.

Khi thao thức chuyển tải cho các thế hệ tương lai truyền thống văn hóa và đức tin, người cao tuổi cảm thấy đời mình có ý nghĩa, ngay cả lúc “da mồi tóc bạc” và gần đất xa trời. Qua những việc làm có ý nghĩa này, những người cao niên đang cộng tác vào sứ mạng truyền giáo của Giáo Hội, đem lại cho tuổi già niềm vui.

Kết luận

Ngày 31 tháng 1 năm 2020, trong buổi tiếp kiến dành cho Đại hội quốc tế về mục vụ cho người cao tuổi tại Vatican, Đức Thánh Cha Phanxicô đã viết “Tuổi già là sự phong phú của những người đã trải qua những năm tháng kinh nghiệm và lịch sử. Đó chính là kho tàng quý giá được hình thành trong hành trình cuộc sống của mỗi người, nam cũng như nữ, bất kể họ thuộc nguồn gốc, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nào. Bởi vì cuộc sống là một ân huệ, khi cuộc sống kéo dài, đó tức là một đặc ân, cho bản thân của như cho những người khác”.

Chúng ta hãy trân trọng tuổi già, vì tuổi già là hồng phúc Thiên Chúa ban tặng. Những ai còn ông bà, cha mẹ hãy nhận ra nơi các ngài là suối nguồn ơn phúc của Chúa. Một khi nhận ra giá trị của tuổi cao niên, chúng ta vừa tạ ơn Chúa, đồng thời sống cho trọn đạo làm con. Ước mong những người cao niên luôn sống phó thác, thanh thản và làm gương sáng cho các thế hệ tương lai. Đó chính là bí quyết để nên thánh.

+ TGM Giuse Vũ Văn Thiên

VỀ MỤC LỤC

BÀI NÓI CHUYỆN CỦA ĐTC PHANXICO TẠI HỘI NGHỊ GIÁO DỤC CÔNG GIÁO Ở VATICAN

Chuyển ngữ: Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Copyright: Vatican Media



“Tôi cảm ơn quý vị vì công việc mà quý vị đã cống hiến hàng ngày cho ngành giáo dục; tôi cũng cầu xin Chúa Thánh Thần ban sức mạnh cho quý vị trong xứ vụ khó khăn này...”

Đó là lời phát biểu của ĐTC Phanxico ngày 20-2-2020 trước toàn thể chủ tọa đoàn Hội Nghị Giáo Dục Công Giáo tại Vatican (gồm các chủng viện và các viện nghiên cứu).

Nhiệm vụ này có quyền hạn ở ba phạm vi khác nhau:

-Tất cả các chủng viện (trừ những chủng viện nằm dưới quyền Thánh Bộ truyền bá Phúc Âm và Giáo Hội Đông Phương) và tu viện đào tạo nữ tu và viện đào tạo tu sĩ triều.

-Tất cả các Đại Học và các phân khoa, các viện và các ngành nghiên cứu cao hơn hoặc về giáo hội hay dân sự nhưng dưới sự điều khiển của giáo quyền.

-Tất cả các trường học và viện giáo dục nằm dưới sự kiểm soát của Giáo quyền.

ĐTC đã cảm ơn những cố gắng của Hội Nghị, đặc biệt chủ tọa đoàn trong những ngày này đã cho hội nghị cơ hội “ôn lại nhiều việc đã làm trong ba năm trước và đề ra những kế hoạch cho tương lai với tâm hồn cởi mở và hy vọng.”

“Thẩm quyền đã đặt quý vị vào khung trời giáo dục tuyệt vời, một công tác không bao giờ được phép lặp lại, nhưng là một nghệ thuật phát triển và trưởng thành. Vì vậy nó không bao giờ đứng yên tại chỗ như cũ”- ĐTC nói.

Nghệ thuật nhắc lại trong nghề giáo dục là một thực tế sinh động. ĐTC đã quyết định phản ánh về nhiều phương diện khác nhau, đặc biệt tình trạng tương quan sinh thái, xã hội và làm việc theo nhóm. Ngài cũng nói về Ngày Hiệp Ước Giáo Dục Phổ Quát sắp tới vào ngày 14 tháng 5, và tại sao ngài lại cảm thấy buộc phải khuyến khích và cổ động nó.

“Đó là lời kêu gọi -ngài nói- tất cả những người làm chính trị, hành chánh, tôn giáo và giáo dục có trách nhiệm tái lập “làng giáo dục”. Mục đích cùng ngồi lại với nhau không phải để khai triển chương trình nhưng để tìm ra những bước đi chung hầu làm sống lại những cam kết cho và vì thế hệ trẻ, canh tân đam mê giáo dục và cởi mở hơn, kiên nhẫn lắng nghe, đối thoại xây dựng và tìm hiểu nhau.

“Hiệp ước giáo dục không đơn giản là luật, nó cũng không phải là “luật tu chính” về thực nghiệm chủ nghĩa mà chúng ta nhận được từ một nền giáo dục khai sáng. Nó phải là một cách mạng.”

ĐTC cảm ơn tất cả những nhà giáo dục Công Giáo hiện diện vì những cam kết mà họ đặt nơi công việc hàng ngày của họ.

Dưới đây là toàn bài nói chuyện của ĐTC được lược dịch từ bản tiếng Anh của Deborah Castellano Lubov / Zenit:

Các Hồng Y thân mến,

Anh Em trong Giám Mục Đoàn và Linh Mục Đoàn thân mến,

Anh Chị em giáo dân thân yêu,

Tôi cảm ơn Đức HY Versaldi đã có những lời giới thiệu tôi rất thân yêu. Tôi cũng thân ái chào mừng tất cả quý vị. Quý vị tụ họp tại hội nghị này là cơ hội để quý vị, trong những ngày này, duyệt lại những công trình nặng nhọc mà quý vị đã thực hiện được trong ba năm qua, đồng thời đưa ra những cam kết cho tương lai với một tâm hồn cởi mở và hy vọng. Thẩm quyền đã đặt quý vị vào khung trời giáo dục tuyệt vời, một công tác không bao giờ được phép lặp lại, nhưng là một nghệ thuật phát triển và trưởng thành. Vì vậy nó không bao giờ được phép đứng yên tại chỗ như cũ”.

Giáo dục là một thực tế sinh động. Nó là một phong trào mang lại ánh sáng cho con người. Nó là một loại phong trào đặc biệt với những tính đặc thù có thể làm cho nó phát triển

theo chủ thuyết động lực, đến chỗ con người phát triển một cách toàn diện cả về chiều kích cá nhân lẫn xã hội. Tôi muốn nói đến những nét đặc biệt của nó.

Một phương diện của giáo dục là phong trào tương quan sinh thái. Đây là một trong những lực dẫn đưa tới mục đích tạo thành một cách hoàn hảo. Giáo dục mà trọng tâm của nó là con người như một tổng thể có mục đích mang lại cho mình kiến thức về chính mình, về ngôi nhà chung trong đó có con người đang sống, và trên hết để khám phá ra tình huynh đệ là sợi dây liên kết phát sinh ra một tổ hợp nhân loại đa văn hóa, một suối nguồn làm phong phú cho nhau.

Phong trào giáo dục này, -như tôi viết trong Tông Thư Bảo Vệ Ngôi Nhà chung của chúng ta / *Laudato si'*- góp phần tu sửa “việc cân bằng sinh thái ở những mức độ khác nhau, tạo lập hòa hợp giữa chúng ta và tha nhân, thiên nhiên và các sinh vật khác, và với Thiên Chúa”. Việc này đương nhiên đòi hỏi những nhà giáo dục là những vị có “khả năng phát triển đạo đức sinh thái và giúp con người -qua kỹ thuật sư phạm tốt- phát triển trong tình đoàn kết, trách nhiệm và sẵn sàng với lòng trắc ẩn” (210).

Về phương pháp, giáo dục là một phong trào bao gồm. Việc bao gồm có thể vươn tới tất cả những gì bị loại trừ như những kẻ bị hắt hủi vì nghèo khó, khổ khổ do chiến tranh, đói nghèo và thảm họa thiên nhiên, vì giai cấp xã hội chênh lệch, vì khó khăn gia đình và đời sống. Việc bao gồm là những gì rõ ràng thấy trong khi giáo huấn những người tỵ nạn, những nạn nhân của những vụ buôn người, và những di dân không phân biệt giới tính, tôn giáo hay chủng tộc. Bao gồm không phải là một khám phá tân kỳ, nhưng là một phần trong toàn bộ của sứ điệp cứu chuộc của chúa Kitô. Hiện nay nó cần phải gia tăng phong trào bao gồm về giáo dục để chống lại nền văn hóa hư hỏng bắt nguồn từ chỗ chối bỏ tình huynh đệ là một nguyên tố tạo thành của tình nhân loại.

Một phương diện khác của giáo dục là phong trào kiến tạo hòa bình. Nó thì hòa điệu -tôi sẽ nói về vấn đề này- một phong trào hòa bình. Chính những người trẻ là chứng nhân về nó; với những cam kết và khao khát sự thật, họ liên tục nhắc nhở chúng ta rằng “hy vọng không phải là cái gì viễn vông và hòa bình thì luôn luôn tốt và có thể đạt được” (Bài nói chuyện với Phái Đoàn Ngoại Giao trình ủy nhiệm thư lên Tòa Thánh ngày 9-1-2020). Phong trào giáo dục xây dựng hòa bình là một lực được nuôi dưỡng để chống lại chủ nghĩa “cái tôi”, một chủ nghĩa không thể phát sinh hòa bình, là khe nứt giữa các thể hệ, giữa những người dân, giữa các nền văn hóa, giữa người giàu và nghèo, giữa đàn ông và đàn bà, giữa kinh tế và luân lý đạo đức, giữa nhân loại và môi trường (x.Hội nghị Giáo dục Công Giáo, *Global Educational Pact. Instrumentum Laboris*, 2020). Những tan vỡ và đối nghịch này làm cho tình liên đới bị tổn thương, che kín nỗi sợ hãi đa dạng và khác biệt. Vì lý do này, giáo dục cần phải có, với sức mạnh thiết lập hòa bình để tạo dựng con người có khả năng hiểu biết là đa dạng thì không cản trở hiệp nhất; ngược lại nó cần thiết để làm phong phú cho căn tính của mỗi người và của tất cả mọi người.

Một yếu tố đặc thù khác về giáo dục là phong trào nhóm. Nó không bao giờ hành động riêng rẽ cá nhân hay tổ chức. Tuyên cáo của Công Đồng Gravissimum educationis xác quyết rằng học đường được “thiết lập như là trung tâm mà việc làm và tiến trình của nó phải được chia sẻ cùng nhau giữa các gia đình, các thầy cô giáo, đoàn thể các loại từng nuôi dưỡng đời sống tôn giáo, công dân và văn hóa cũng như giữa các xã hội dân sự và toàn thể cộng đồng nhân loại”(5). Vì một phần đó, Tông Hiến Ex corde Ecclesiae mà năm nay là năm kỷ niệm thứ 30 ngày ban hành- đã xác quyết là “mục đích của Đại Học Công Giáo là đào tạo một cộng đồng con người đích thực và sinh hoạt theo tinh thần Chúa Kitô” (21). Nhưng mỗi đại học lại được kêu gọi để nghiên cứu riêng về “một cộng đồng, về nghiên cứu và về đào tạo” (Tông Hiến Veritatis gaudium, art.11, 1).

Phong trào nhóm này từ nhiều năm nay đã bị khủng khoảng nhiều nên tôi cảm thấy cần phải khuyến khích bằng một Hiệp Định Ngày Giáo Dục Phổ Quát / The Global Educational Pact Day vào ngày 14 tháng 5 tới đây, ủy thác cho tổ chức các Hội Nghị Giáo Dục Công Giáo. Đó là một thỉnh cầu đến những người có trách nhiệm chính trị, hành chánh, tôn giáo và giáo dục để tái thiết “ngôi làng giáo dục”. Mục đích là cùng nhau ngồi lại, không phải để phát triển những chương trình nhưng để tìm ra những bước đi chung hầu làm “sống lại những cam kết vì giới trẻ và với giới trẻ, canh tân giáo dục hăng say và cởi mở hơn, ngõ hầu kiên quyết đối thoại, lắng nghe, xây dựng và tìm hiểu nhau. “Hiệp ước giáo dục không đơn giản là luật, nó cũng không phải là “luật tu chính” về thực nghiệm chủ nghĩa mà chúng ta nhận được từ một nền giáo dục khai sáng. Nó phải là một cách mạng.”

Trước đây không bao giờ có một nhu cầu hiệp nhất những cố gắng như vậy trong một liên minh giáo dục rộng rãi để xây dựng những con người trưởng thành có khả năng vượt thắng mọi chia rẽ và chống đối, đồng thời tái lập sợi giây liên đới tình huynh đệ con người với nhau. Để hoàn thành những mục đích đó thì cần phải can đảm: “Can đảm để đặt con người nhân loại vào trung tâm điểm (...). Can đảm để coi những nghị lực tuyệt vời của chúng ta là chính (...). Can đảm để huấn luyện những ai sẵn sàng tự hiến mình để phục vụ cộng đồng” (Sứ điệp Educational Pact, 12 Sept 2019). Can đảm để trả học phí tốt cho những nhà giáo dục.

Tôi cũng nhận thấy, trong khi thiết lập một hiệp ước giáo dục phổ quát, thì sẽ dễ dàng phát triển kỷ luật nội bộ và liên minh mà Tông Hiến Veritatis gaudium mới đây đã ấn định để nghiên cứu về Giáo Hội như là “nguyên tắc chính về hiệp nhất trong khác biệt hiểu biết và nể trọng nhau trong phương cách diễn tả đa chiều, tương quan và qui tụ, (...) cũng như sự liên hệ của từng ngành nghiên cứu trong khung cảnh tổng quát của đại học đương thời và thuyết đa nguyên -không chắc chắn, tương phản và tương đối- về văn hóa niềm tin và văn hóa lựa chọn” (Foreword, 4c).

Trong một viễn cảnh rộng lớn về giáo dục này, tôi hy vọng quý vị sẽ tiếp tục hoàn thành có hiệu quả chương trình cho những năm tới, đặc biệt trong việc phác họa một Hội Đồng Quản Trị, thiết lập Ban Giám Sát Thế Giới, đánh giá và cập nhật những nghiên cứu về Giáo Hội và những ưu tư lớn lao hơn về việc săn sóc mục vụ ở đại học như là khí cụ của việc tân phúc âm

hóa. Đây là tất cả những cam kết có thể giúp phần vào việc làm cho hiệp định vững mạnh và có hiệu quả, trong ý nghĩa Lời Chúa được truyền dạy cho chúng ta: “giao ước giữa Thiên Chúa và con người, giao ước giữa các thế hệ, giao ước giữa người dân và văn hóa, giao ước -trong nhà trường- giữa thầy giáo và học sinh và cả giữa cha mẹ -giao ước giữa con người, súc vật, cây cỏ và cả những thực thể bất động tạo thành ngôi nhà chung tươi đẹp muôn màu sắc. Tất cả mọi sự đều liên hệ với nhau, tất cả mọi sự đều được tạo dựng để thành một hình ảnh sống của Thiên Chúa là Đấng Ba Ngôi Tình Yêu!” (Address to the Academic Community of the Sophia University Institute of Loppiano, 14 Nov 2019).

Anh chị em thân mến,

Tôi cảm ơn tất cả các anh chị em vì công việc anh chị em đã làm mỗi ngày để cống hiến cho ngành giáo dục. Tôi cầu xin Chúa Thánh Thần ban sức mạnh cho anh chị em trong công tác mục vụ giáo dục khó khăn này. Và, tôi cũng xin anh chị em cầu nguyện cho tôi. Cảm ơn.

Francis

Vatican Feb. 20, 2020 16:16

Chuyển ngữ: Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Zenit Bản Anh ngữ của Deborah Castellano Lubov

VỀ MỤC LỤC

MC 2,1-13. LỜI THA TỘI, LỜI CHỮA LÀNH

Tác giả: Giuse Lê Minh Thông, O.P.

Email: josleminhthong@gmail.com

Ngày 07 tháng 03 năm 2020.

Nội dung

Dẫn nhập

I. Bản văn và bối cảnh Mc 2,1-13



1. Bản văn Mc 2,1-13

2. Bối cảnh văn chương

a) Cấu trúc Mc 2,1–3,6

b) Ba chi tiết liên hệ trước đoạn văn 2,1-13

c) Hai ý tưởng liên hệ sau đoạn văn 2,1-13

d) Một đề tài liên hệ trước và sau đoạn văn 2,1-13

II. Đặc điểm văn chương và cấu trúc Mc 2,1-13

1. Đặc điểm văn chương

2. Cấu trúc Mc 2,1-13

III. Phân tích một số đề tài

1. “Này con, các tội của con đã được tha” (2,5b)

2. Một mình Thiên Chúa có quyền tha tội (2,7c)

3. Hãy trỗi dậy, vác lấy chống và đi về nhà (2,11)

4. Sùng sớt và tôn vinh Thiên Chúa (2,12b)

Kết luận

Dẫn nhập

Trình thuật Mc 2,1-13 thường được gọi là “Đức Giê-su chữa lành người bại liệt”. Cách gọi này không đầy đủ và có nguy cơ che khuất đề tài chính yếu của đoạn văn: tranh luận về quyền tha tội và Đức Giê-su bày tỏ Lời quyền năng qua việc chữa lành. Bài viết tìm hiểu “lời tha tội” và “lời chữa lành” trong đoạn văn trên qua ba mục: (I) bản văn và bối cảnh Mc 2,1-13; (II) đặc điểm văn chương và cấu trúc Mc 2,1-13; (III) phân tích một số đề tài.

I. Bản văn và bối cảnh Mc 2,1-13

Trước hết là phần trích dẫn bản văn Mc 2,1-13, sau đó đặt đoạn văn này vào bối cảnh văn chương qua việc tìm hiểu cấu trúc đoạn văn dài 2,1–3,6 cũng như các liên hệ trước và sau đoạn văn 2,1-13.

1. Bản văn Mc 2,1-13

Người thuật chuyện kể ở 2,1-13: “2,1 Sau nhiều ngày, Người (Đức Giê-su) lại vào Ca-phác-na-um. Nghe biết Người ở nhà, 2 người ta tụ tập lại đông đến nỗi không có chỗ chứa, ở cửa cũng không còn chỗ, và Người nói Lời cho họ. 3 Người ta đem đến cho Người một kẻ bại liệt do bốn người khiêng. 4 Không thể đưa đến cho Người vì đám đông, họ dỡ mái nhà, phía trên chỗ của Người, thành một lỗ hổng, họ thả người bại liệt nằm trên chõng xuống. 5 Thấy lòng tin của họ, Đức Giê-su nói với người bại liệt: ‘Này con, các tội của con đã được tha.’ 6 Nhưng có mấy kinh sư đang ngồi đó, họ nghĩ trong lòng họ: 7 ‘Tại sao Ông này nói như vậy? Ông ta nói phạm thượng. Ai có thể tha tội, ngoài một mình Thiên Chúa?’ 8 Ngay lập tức, Đức Giê-su biết trong tâm trí của Người là họ đang nghĩ trong lòng họ như thế, Người nói với họ: ‘Tại sao các ông nghĩ những điều ấy trong lòng các ông? 9 Điều nào dễ hơn: Nói với người bại liệt: ‘Các tội của con đã được tha’, hay nói: ‘Hãy đứng dậy, hãy vác chõng của con và hãy bước đi?’ 10 Nhưng để các ông biết rằng: Con Người có quyền tha tội dưới đất – người nói với người bại liệt –, 11 Ta bảo con, hãy đứng dậy, hãy vác lấy chõng của con và hãy đi về nhà của con.’ 12 Anh ta trỗi dậy và lập tức vác chõng đi ra trước mặt mọi người, khiến mọi người sửng sốt và tôn vinh Thiên Chúa. Họ nói rằng: ‘Chúng ta chưa bao giờ thấy như thế.’ 13 Người lại đi ra bờ Biển Hồ. Tất cả đám đông đến với Người, và Người dạy dỗ họ.” (Xem Tin Mừng Mác-cô Hy Lạp – Việt).

2. Bối cảnh văn chương

Đoạn văn 2,1-13 thuật lại cuộc tranh luận đầu tiên trong năm tranh luận với những kẻ chống đối Đức Giê-su trong phần 2,1–3,6. Đoạn văn 2,1-13 có nhiều chi tiết liên kết với những đoạn văn trước và sau nó. Bối cảnh văn chương đoạn văn này được trình bày qua bốn điểm: (a) cấu trúc tổng quát năm tranh luận 2,1–3,6; (b) ba chi tiết liên hệ trước đoạn văn 2,1-13; (c) hai ý tưởng liên hệ sau đoạn văn 2,1-13; (d) một đề tài liên hệ trước và sau đoạn văn 2,1-13.

a) Cấu trúc Mc 2,1–3,6

Đoạn văn dài 2,1–3,6 trình bày năm tranh luận ở Ga-li-lê có cấu trúc tổng quát và chi tiết như sau:

- Về cấu trúc tổng quát, đoạn văn 2,1–3,6 chia thành 5 đoạn văn và cấu trúc theo dạng đồng tâm A, B, C, B', A', (xem C. Focant, L'évangile selon Marc, (CB.NT 2), Paris, Le Cerf, 2004, p. 104-106):

Cấu trúc tổng quát Mc 2,1–3,6

- A. 2,1-13: **Chữa lành** người bại liệt và quyền tha tội
- B. 2,14-17: **Ăn uống** với người thu thuế và tội lỗi
- C. 2,18-22: **Ăn chay** và chú rể, cũ và mới
- B'. 2,23-28: **Ăn uống**, bứt gié lúa ngày sa-bát
- A'. 3,1-6: **Chữa lành** vào ngày sa-bát

- Về chi tiết, mỗi trình thuật trong năm đoạn văn trên có dàn bài chung với 5 yếu tố: “sự kiện”, “cách phản đối”, “người bị phản đối”, “lý do”, “người chống đối”. Qua năm cuộc tranh luận, tác giả trình bày giáo huấn của Đức Giê-su (ĐGS) cho độc giả:

Cấu trúc chi tiết Mc 2,1-3,6

A. 2,1-13: Người bại liệt được tha tội và chữa lành

Sự kiện	Quyền tha tội và chữa lành
Cách phản đối	Nghĩ trong lòng
Người bị phản đối	Đức Giê-su
Lý do	Tha tội
Người chống đối	Các kinh sư

B. 2,14-17: Ăn uống với người thu thuế và tội lỗi

Sự kiện	Ăn uống với người thu thuế - tội lỗi
Cách phản đối	Nói với các môn đệ, chống lại ĐGS
Người bị phản đối	Đức Giê-su và các môn đệ
Lý do	Đi với người tội lỗi
Người chống đối	Các kinh sư

C. 2,18-22: Ăn chay và chú rể, cũ và mới

Sự kiện	Đang ăn chay (không kể chi tiết)
Cách phản đối	Nói với ĐGS, phản đối các môn đệ
Người bị phản đối	Các môn đệ
Lý do	Không ăn chay
Người chống đối	Người ta

B'. 2,23-28: Các môn đệ bứt lúa ngày sa-bát

Sự kiện	Các môn đệ bứt lúa ngày sa-bát
Cách phản đối	Nói với ĐGS, phản đối các môn đệ
Người bị phản đối	Các môn đệ
Lý do	Không giữ ngày sa-bát
Người chống đối	Những người Pha-ri-sêu

A'. 3,1-6: Cứu sống hay giết chết trong ngày sa-bát

Sự kiện	Chữa lành
Cách phản đối	Im lặng (cứng lòng)
Người bị phản đối	Đức Giê-su
Lý do	Không giữ ngày sa-bát
Người chống đối	Những người Pha-ri-sêu

Đoạn văn 2,1-13 là tranh luận đầu tiên với các kinh sư về quyền tha tội. Các kinh sư chưa nói ra, chỉ mới suy nghĩ trong lòng mà Đức Giê-su đã biết. Chi tiết này đề cao sự hiểu biết của Đức Giê-su.

b) Ba chi tiết liên hệ trước đoạn văn 2,1-13

Đoạn văn 2,1-13 có liên hệ với trình thuật trước đó qua ba chi tiết: địa danh Ca-phác-na-um, danh từ “nhà” và thành công của Đức Giê-su.

+ Ca-phác-na-um (Kapharnaoum). Địa danh này xuất hiện 3 lần trong Tin Mừng Mác-cô (1,21; 2,1; 9,33). Lần nhất ở 1,21 và thứ hai ở 2,1 cho phép phân đoạn các đoạn văn. Ca-phác-na-um mở đầu hai đoạn văn: (a) 1,21-45: hoạt động và thành công của Đức Giê-su và (b) 2,1-3,6: năm tranh luận ở Ga-li-lê.

+ Danh từ “nhà” (oikia). Từ này nói về nhà mẹ vợ Si-môn bên cạnh hội đường mà Đức Giê-su và các môn đệ đã vào (1,29). Mở đầu ch. 2, Đức Giê-su và các môn đệ trở về “nhà (oikos)” (2,1), có thể đây là “nhà” đã nói đến ở 1,29. Tin Mừng Mác-cô dùng hai danh từ khác nhau có nghĩa “nhà” với số lần đáng kể: (1) Danh từ “nhà” (oikia), giống cái, xuất hiện 18 lần: 1,29; 2,15; 3,25a.25b.27a.27b; 6,4.10; 7,24; 9,33; 10,10.29.30; 12,40; 13,15.34.35; 14,3. (2) Danh từ “nhà” (oikos), giống đực, xuất hiện 13 lần: 2,1.11.26; 3,20; 5,19.38; 7,17.30; 8,3.26; 9,28; 11,17a.17b. Từ “nhà” (oikia) ở 9,33; 7,24; 10,10 cho biết “Đức Giê-su vào nhà”, nhưng không nói rõ nhà của ai. Riêng ở 9,33, nói đến “nhà ở Ca-phác-na-um”, có thể là nhà Si-môn. Ở các câu 7,24; 10,10, bản văn chỉ nói: “về đến nhà”.

+ Thành công của Đức Giê-su. Đoạn văn 2,1-13 tiếp nối đề tài thành công của Đức Giê-su ở 1,21-45. Nếu như người thuật chuyện kể ở 1,32-33: “32 Chiều đến, khi mặt trời đã lặn, người ta đem đến cho Người mọi kẻ ốm đau và những người bị quỷ ám, 33 cả thành tụ họp lại trước cửa (thura)” thì ở 2,1-2 “cửa nhà” đã trở thành chật hẹp và thiếu chỗ. Người thuật chuyện cho biết ở 2,2: “Nghe tin Người [Đức Giê-su] ở nhà, người ta tụ tập lại, đông đến nỗi không có chỗ chứa, ở cửa cũng không còn chỗ.” Ở 1,33, cửa nhà là nơi dân chúng tụ lại, đến 2,2, người ta tràn vào trong nhà mà vẫn thiếu chỗ, đến nỗi bít cả lối đi. Điều này diễn tả thành công của Đức Giê-su, đồng thời tạo ra một khoảng không gian khép kín, không ai có thể đi lại hay ra vào. Không gian kín này ở trong tình trạng bế tắc, bế quan tỏa cảng. Sự bế tắc sẽ được khai mở vào cuối trình thuật khi người bại liệt “đứng dậy và lập tức vác chống đi ra trước mặt mọi người” (2,12).

c) Hai ý tưởng liên hệ sau đoạn văn 2,1-13

Hai đề tài được bàn đến sau đoạn văn 2,1-13 là danh từ “cửa” (thura) và động từ “trỗi dậy” (egeirô).

+ “Cửa nhà” và “cửa mộ”. Danh từ “cửa” (thura), xuất hiện 6 lần trong Tin Mừng Mác-cô: 1,33; 2,2; 11,4; 13,29; 15,46; 16,3. Trong đó 4 lần chỉ cửa nhà (1,33; 2,2; 11,4; 13,29) và 2 lần chỉ

cửa mộ (15,46; 16,3). Đầu Tin Mừng Mác-cô cửa nhà bị bít kín, nối kết với cuối Tin Mừng cửa mộ được bít kín bằng một tảng đá lớn. Đầu Tin Mừng, Đức Giê-su với uy quyền của Người, khai mở lối đi từ trong nhà đi ngang qua cửa để ra bên ngoài, thì cuối Tin Mừng Đức Giê-su Phục Sinh đã mở tung cửa mộ để chính Người đi ra khỏi mộ.

+ Động từ “egeirô” (trỗi dậy). Người bại liệt “trỗi dậy” từ sự bại liệt của mình và Đức Giê-su “trỗi dậy” từ sự chết của Người. Động từ “egeirô” có nghĩa: “trỗi dậy”, “đứng dậy”, “thức dậy”. Tin Mừng Mác-cô dùng 19 lần động này: 1,31; 2,9.11.12; 3,3; 4,27.38; 5,41; 6,14.16; 9,27; 10,49; 12,26; 13,8.22; 14,28.42; 16,6.14 với 6 nghĩa: (1) Trỗi dậy khỏi cơn bệnh, 4 lần: Mẹ vợ của Phê-rô trỗi dậy (1,31); người bại liệt trỗi dậy (2,9.11.12). (2) Trỗi dậy sau khi thần cảm điếu xuất ra, 1 lần: đứa bé trỗi dậy (9,27). (3) Đứng dậy, thay đổi tư thế, 3 lần: Người có tay bị bại đứng dậy (3,3); anh mù Ba-ti-mê đứng dậy (10,49); các môn đệ đứng dậy (14,42). (4) Trỗi dậy khỏi giấc ngủ, 2 lần: Người gieo giống trỗi dậy (4,27); Đức Giê-su trỗi dậy (4,38). (5) Nổi lên, dấy lên, 2 lần: các dân tộc dấy lên (13,8); ki-tô giả, ngôn sứ giả nổi lên (13,22). (6) Trỗi dậy là sống lại, 7 lần: Gio-an Tẩy giả trỗi dậy (6,14.16); bé gái đã chết trỗi dậy (5,41); Đức Giê-su trỗi dậy (12,26; 14,28; 16,6.14). Động từ “egeirô” diễn tả Đức Giê-su Phục Sinh. Điều này cho phép hiểu sự kiện người bại liệt “trỗi dậy” (2,12) ám chỉ sự sống mới Đức Giê-su ban tặng. Con người được trỗi dậy, nối kết với sự sống lại, sự trỗi dậy của Đức Giê-su trong biến cố Phục Sinh. Như thế, được Đức Giê-su chữa lành, được Đức Giê-su làm cho trỗi dậy là nhận được từ nơi Người sự sống mới, sự sống đích thực.

d) Một đề tài liên hệ trước và sau đoạn văn 2,1-13

Đề tài “giảng dạy”, nói đến ở đầu (2,2) và cuối (2,13) đoạn văn 2,1-13, là đề tài xuyên suốt Tin Mừng Mác-cô. Danh từ “giảng dạy” (didakhê) xuất hiện 5 lần: 1,22.27; 4,2; 11,18; 12,38 và động từ “dạy” (didaskô) xuất hiện 17 lần: 1,21.22; 2,13; 4,1.2; 6,2.6.30.34; 7,7; 8,31; 9,31; 10,1; 11,17; 12,14.35; 14,49. Đặc biệt kiểu diễn tả: “Người nói Lời (logos) cho” (2,2) mô tả cách giảng dạy (cf. 4,33; 8,32). Nếu như người phong hủi được chữa lành ra đi loan truyền khắp nơi “Lời” (logos) của Đức Giê-su (1,45), thì bây giờ chính Đức Giê-su nói Lời (logos) cho các thánh giả. “Lời” (logos) là nội dung rao giảng. Trong Tin Mừng Gio-an “Lời” là chính Đức Giê-su: “Lời (logos) có lúc khởi đầu, và Lời (logos) ở với Thiên Chúa, và Lời (logos) là Thiên Chúa” (Ga 1,1).

II. Đặc điểm văn chương và cấu trúc Mc 2,1-13

Phần này trình bày đặc điểm văn chương và cấu trúc chi tiết đoạn văn Mc 2,1-13.

1. Đặc điểm văn chương

Ba đặc điểm văn chương đoạn văn 2,1-13: (1) giống nhau giữa 1,21-28 và 2,1-13, (2) nhân vật các kinh sư, (3) đề tài “phạm thượng”.

(1) Mc 2,1-13 giống đoạn văn 1,21-28 (trực xuất thần ô uế) về ba chi tiết: (a) 2,1-13 bắt đầu (2,2) và kết thúc (2,13) bằng lời giảng dạy của Đức Giê-su. (b) Nội dung giảng dạy không được nói rõ trong đoạn văn 2,1-13. (c) Nhấn mạnh quyền năng giảng dạy của Đức Giê-su (1,22.27 // 2,10.12).

(2) Ở 1,22, các kinh sư được so sánh với Đức Giê-su vì Người giảng dạy dân chúng “như một Đấng có uy quyền chứ không như các kinh sư” (1,22). Tuy nhiên ở 1,21-28 các kinh sư mới chỉ được nói đến chứ chưa xuất hiện trong bản văn. Trong đoạn văn 2,1-13, lần đầu tiên các kinh sư xuất hiện trong tư thế đối lập với Đức Giê-su, dù họ mới chỉ chống đối bằng cách “nghĩ trong lòng” (2,6-7) chứ chưa lên tiếng. Trong đoạn văn tiếp theo (2,14-17) các kinh sư sẽ lên tiếng chống đối Đức Giê-su (2,16), nhưng họ sẽ nói với các môn đệ để chống lại Đức Giê-su, chứ chưa trực tiếp bắt bẻ Người. Kể từ ch. 2, khoảng thời gian Đức Giê-su rao giảng mà không gặp khó khăn đã kết thúc (cuối ch. 1). Trong những tranh luận tiếp theo đoạn văn 2,1-13 (2,20; 3,6), những kẻ chống đối (các kinh sư và những người Pha-ri-sêu) kết tội Đức Giê-su ngày càng gay gắt hơn.

(3) Động từ “nói phạm thượng” (blasphêmeô) xuất hiện 4 lần trong Tin Mừng Mác-cô (2,7; 3,28b.29; 15,29). Danh từ “lời nói phạm thượng” (hê blasphemía) xuất hiện 3 lần trong Mác-cô (3,28a; 7,22; 14,64). Đức Giê-su bị kết tội “nói phạm thượng” ở đầu sứ vụ (2,7) và đến cuối sứ vụ của Người, vị thượng tế kết luận là Đức Giê-su có “lời nói phạm thượng” (14,64). Ở đoạn văn 3,28-30, Đức Giê-su nói về mọi tội nói phạm thượng của con người thì được tha, nhưng ai nói phạm thượng đến Thánh Thần thì chẳng được tha cho đến đời đời (3,28a.28b.29). Ở 15,29, sau khi Đức Giê-su bị đóng đinh trên thập giá, những người qua lại “nói phạm thượng” (blasphêmeô) đến Người, theo nghĩa “nhục mạ” Người.

2. Cấu trúc Mc 2,1-13

Tìm hiểu cấu trúc sẽ giúp xác định đề tài chính đoạn văn. 2,1-13 có cấu trúc đồng tâm: A, B, C, D, D', B', C', A' như sau: phần dẫn nhập (A. 2,1-2: giới thiệu nơi chốn và hoàn cảnh) và phần kết rõ ràng (A'. 12,13: thay đổi nơi chốn). Câu kết 2,13 gọi là câu kết mở vì vừa là câu chuyển tiếp, dẫn vào trình thuật Đức Giê-su kêu gọi ông Lê-vi (2,14), vừa song song với phần dẫn nhập, mô tả hoạt động của Đức Giê-su xuyên suốt Tin Mừng Mác-cô với 3 yếu tố: (a // a') Đức Giê-su hiện diện; (b // b') mọi người đến với Người và (c // c') Người giảng dạy hay “nói Lời” cho họ.

Phần nội dung 2,3-12 tiến triển qua sáu bước song song B // B'; C // C' và D // D' như sau: B. 2,3-4: người bại liệt xuất hiện; C. 2,5: lời tuyên bố tha tội của Đức Giê-su; D. 2,6-7: sự phản đối thảm lạng của các kinh sư; D'. 2,8-10: Đức Giê-su nói với các kinh sư; C'. 2,11: Đức Giê-su nói với người bại liệt; B'. 2,12: chữa lành người bại liệt và phản ứng của đám đông. Sau đây là bảng cấu trúc chi tiết đoạn văn 2,1-13:

Cấu trúc Mc 2,1-13

- A. 2,1-2: Mở đầu, giới thiệu nơi chốn và hoàn cảnh
a. Thời gian - nơi chốn: ngày, Ca-pha-na-um, nhà
b. Hoàn cảnh: người ta tụ tập lại
c. Công việc: Đức Giê-su nói Lời cho họ
- B. 2,3-4: Người bại liệt xuất hiện
nằm ngang được đưa đến với Đức Giê-su
theo chiều dọc từ trên xuống
- C. 2,5: **Lời tuyên bố tha tội**
“Này con, các tội của con đã được tha”
- D. 2,6-7: **Các kinh sư phản đối trong lòng**
ĐGS tha tội là phạm thượng.
Chỉ Thiên Chúa có quyền tha tội
- D'. 2,8-10: **Đức Giê-su trả lời**
Tại sao? Tha tội và chữa lành
điều nào dễ hơn?
- C'. 2,11: **Lời tuyên bố chữa lành**
Ta bảo con, hãy trỗi dậy,
hãy vác lấy chõng của con
hãy đi về nhà của con
- B'. 2,12: Người bại liệt được chữa lành
Trỗi dậy theo chiều dọc - đi ra theo chiều ngang,
khiến mọi người sửng sốt tôn vinh Thiên Chúa
- A'. 2,13: Kết thúc mở
a'. Thời gian - nơi chốn: Người lại đi ra bờ Biển Hồ
b'. Hoàn cảnh: Tất cả đám đông đến với Người
c'. Công việc: Người dạy dỗ họ

Cấu trúc trên cho thấy không chỉ người bất toại được tha tội và chữa lành, nhưng biến cố tác động lên tất cả những người đang chứng kiến. Mới đầu họ là những người riêng lẻ tụ tập lại (2,2) đông đảo, đến cuối đoạn văn họ trở thành một đám đông đồng lòng, tất cả đồng thanh tôn vinh Thiên Chúa (2,12). Khởi đầu trình thuật, đám đông ngưỡng mộ Đức Giê-su, đến với Người nhưng lại thụ động, không lên tiếng, thiếu hợp tác và trở thành yếu tố gây trở ngại cho người bại liệt vì họ bít kín cửa vào nhà. Cuối trình thuật đám đông nhận ra sự can thiệp của Thiên Chúa nơi Đức Giê-su và lên tiếng tôn vinh Thiên Chúa.

III. Phân tích một số đề tài

Phần sau phân tích bốn đề tài: (1) “Này con, các tội của con đã được tha” (2,5b); (2) một mình Thiên Chúa có quyền tha tội (2,7c); (3) hãy trỗi dậy, vác lấy chống và đi về nhà (2,11); (4) xưng sót và tôn vinh Thiên Chúa (2,12b).

1. “Này con, các tội của con đã được tha” (2,5b)

Phần đầu trình thuật (2,1-5) kết bằng lời tha tội (2,5b), dẫn vào phần tố cáo của các kinh sư (2,6-7). Để hiểu tình huống của lời tuyên bố tha tội phần sau tìm hiểu ba điểm: (1) cách thức giảng dạy của Đức Giê-su: “nói Lời cho họ” (2,2c); (2) “thấy lòng tin của họ” (2,5a) và (3) lời tuyên bố tha tội.

(1) Bản văn diễn tả cách rao giảng của Đức Giê-su bằng câu: “Người nói Lời (logos) cho họ” (2,2c). Cụm từ “nói lời” (laleô ton logon) còn tìm thấy ở 4,33; 8,32, nhắc đến hai cách Đức Giê-su giảng dạy: Giảng dạy bằng “dụ ngôn” (parabolê) và giảng dạy bằng “Lời” (logos), bao gồm lời báo trước biến cố Thương Khó và Phục Sinh. Có thể hiểu từ “Lời” là thuật ngữ Hội Thánh tiên khởi dùng để nói về công cuộc rao giảng của các nhà truyền giáo (Cv 4,29.31; 8,25; 11,19; 13,46; 14,25; 16,6.32; Pl 1,14; Hr 13,7). Điều làm người đọc ngạc nhiên là từ đầu Tin Mừng đến câu 2,2, độc giả chưa biết nội dung “lời” giảng dạy của Đức Giê-su là gì. Người thuật chuyện cổ tình chưa cho biết nội dung, vì đây là giai đoạn giới thiệu cho độc giả về con người Đức Giê-su. Phần này giúp độc giả trả lời ba câu hỏi: Đức Giê-su là ai? Hoạt động của Người là gì? Phản ứng của người nghe ra sao? Nội dung lời rao giảng của Đức Giê-su sẽ được nói đến trong các trình thuật tiếp theo. Trong đoạn văn 2,1-13, giáo huấn của Đức Giê-su có khả năng làm biến đổi thái độ của dân chúng. Thật vậy, khởi đầu đám đông thụ động, không hợp tác, họ không để người bại liệt đến với Đức Giê-su theo cách bình thường nghĩa là theo chiều ngang. Người bại liệt phải đến với Đức Giê-su theo cách không bình thường (theo chiều dọc): dỡ mái nhà và thả người bại liệt nằm trên chống xuống, cách này đòi hỏi nhiều công sức và nguy hiểm. Đám đông hoàn toàn thay đổi theo chiều tích cực ở cuối đoạn văn (2,12b).

(2) Trước khi tuyên bố lời tha tội, người thuật chuyện cho biết là Đức Giê-su “thấy lòng tin của họ” (2,5a). Đây là lần duy nhất trong Tin Mừng Mác-cô, Đức Giê-su nhìn nhận lòng tin (hê pistis) của người khỏe mạnh và người bệnh. Ở đây là lòng tin của bốn người khiêng và người bại liệt. Vậy người bại liệt được tha tội và chữa lành là nhờ lòng tin của mình và của bốn người khiêng. Lòng tin và sự giúp đỡ của bốn người khiêng phân biệt với đám đông thụ động gọi đến hoạt động bác ái của cộng đoàn tín hữu lúc Tin Mừng được viết ra. Họ quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ những người ốm đau. Trong câu chuyện anh mù Ba-ti-mê (10,47-48), đám đông không những không hợp tác mà còn quất nạt anh mù để anh ta im lặng, trong khi anh ta cố gắng kêu xin Đức Giê-su. Trong cả hai trình thuật trên (2,1-13; 10,46-52) đám đông là yếu tố gây trở ngại. (Xem bài viết: “Tác giả đối thoại với độc giả”).

Tin Mừng Mác-cô thuật lại một số trường hợp chữa lành nhờ lòng tin: (1) lòng tin của bốn người khiêng và người bại liệt (2,5); (2) lòng tin của người phụ nữ bị băng huyết mười hai năm (5,34); (3) lòng tin của Gia-ia trưởng hội đường góp phần cứu sống con gái của ông ấy (5,36);

(4) lòng tin của cha đưa bé bị thần câm nhập (9,24); (5) lòng tin của anh mù Ba-ti-mê đã cứu anh (10,52).

(3) Đức Giê-su nói lời tha tội ở 2,5b: “Này con, các tội của con đã được tha.” Đây là lần duy nhất trong Tin Mừng Mác-cô Đức Giê-su gọi một người không phải là môn đệ bằng “con” (teknon). Lối xưng hô này diễn tả tương quan gia đình hay người lớn tuổi nói với người trẻ. Ở 10,24, Đức Giê-su gọi các môn đệ là “hỡi các con (tekna)” (10,24). Cách xưng hô này gợi lại tương quan giữa các Ki-tô hữu với Đức Giê-su trong cộng đoàn vào cuối thế kỷ I, lúc mà Đức Giê-su được tuyên xưng là Chúa, là Con Thiên Chúa theo nghĩa mạnh, Đức Giê-su là Thiên Chúa (Ga 1,1; 20,28).

Câu chuyện diễn tiến lạ lùng vì không ai xin được chữa lành cả. Hành động của bốn người khiêng diễn tả ý muốn Đức Giê-su chữa lành người bại liệt, nhưng thay vì chữa lành Đức Giê-su lại tuyên bố lời tha tội: “Các tội của con đã được tha” (2,5b). Với lời này, người thuật chuyện chuyển hướng câu chuyện và dẫn người đọc vào đề tài chính: sự phản kháng của các kinh sư.

2. Một mình Thiên Chúa có quyền tha tội (2,7c)

Lời phản kháng của các kinh sư ở 2,7: “Tại sao Ông này nói như vậy? Ông ta nói phạm thượng. Ai có thể tha tội, ngoài một mình Thiên Chúa?” là trọng tâm câu chuyện nhằm cho độc giả biết Đức Giê-su là ai và quyền năng của Người tới đâu. Suy nghĩa của các kinh sư (2,6-7) và trả lời của Đức Giê-su (2,8-10) được phân tích qua ba điểm: (1) sự xuất hiện và phản ứng của các kinh sư; (2) nghịch lý làm tỏ lộ căn tính Đức Giê-su; (3) tha tội và chữa lành, điều nào dễ hơn? (2,9)

(1) Nội dung chính của trình thuật là sự phảng kháng của các kinh sư, qua đó Đức Giê-su bày tỏ quyền năng và căn tính của Người. Người thuật chuyện giới thiệu những kẻ chống đối: “Có mấy kinh sư đang ngồi đó” (2,6a). Đây là lần đầu tiên các kinh sư xuất hiện trong Tin Mừng Mác-cô và cũng là lần đầu tiên Đức Giê-su bị họ phản đối. Các kinh sư xuất hiện trong bản văn cách lạ lùng. Tại sao đang ở trong nhà, giả thiết là nhà của mẹ vợ Si-môn mà lại có sự hiện diện của các kinh sư? Tại sao đến 2,6 các kinh sư mới xuất hiện? Theo mạch văn, các kinh sư này thuộc nhóm những người đã nói ở 2,2: “Người ta tụ tập lại, đông đến nỗi không có chỗ chứa, ở cửa cũng không còn chỗ, và Người nói Lời cho họ.” Nhưng ở 2,2 không có dấu hiệu cho thấy có người chống đối trong nhóm này.

Hơn nữa các kinh sư ở trong tư thế “ngồi” (kathêmai). Trong bối cảnh người đông đúc, chật chội, mô tả ở 2,2, tư thế “ngồi” gợi đến chỗ danh dự, dành cho nhân vật quan trọng. Tuy mạch văn, động từ “ngồi” (kathêmai) còn chỉ tư thế của các bậc thầy khi giảng dạy, chẳng hạn ở 4,1, Đức Giê-su ngồi trên thuyền để giảng dạy. Ở 16,42, Đức Giê-su trả lời vị thượng tế: “Các ông sẽ thấy Con Người ngự (ngồi, kathêmai) bên hữu Đấng Toàn Năng và đến với mây trời.”

Theo các kinh sư, khi tha tội cho người bại liệt, Đức Giê-su nói phạm thượng (2,7b) bởi vì “Ai có quyền tha tội, ngoài một mình Thiên Chúa?” (2,7c) Điều thú vị trong trình thuật là người

thuật chuyện dùng quyền của mình để cho độc giả biết thông tin này. Cứ sự thường, nghĩ trong lòng, không nói ra thì không nghe, không biết. Nhưng ở đây, người thuật chuyện có khả năng đọc được suy nghĩ của các kinh sư!

(2) Câu chuyện diễn ra cách lạ lùng, vì theo diễn tiến từ đầu đến cuối, những người hiện diện chỉ nghe Đức Giê-su nói ba câu: (1) lời tuyên bố tha tội (2,5); (2) lời chất vấn các kinh sư (2,9-10); (3) lời ra lệnh cho người bại liệt (2,11). Câu chuyện kết thúc với lời diễn tả sự sửng sốt kinh ngạc của mọi người: “Chúng ta chưa bao giờ thấy như thế” (2,12). Như thế, chỉ một mình Đức Giê-su lên tiếng trong nội dung trình thuật cùng với nhiều chi tiết lạ lùng nhằm đề cao nhân vật chính là Đức Giê-su và lời của Người.

Điều nghịch lý trong đề tài tranh luận là suy nghĩa của các kinh sư là đúng: “Chỉ một mình Thiên Chúa có quyền tha tội” (2,7c). Vì thế khi Đức Giê-su xuất hiện như một con người, Người tuyên bố lời tha tội và chữa lành để minh chứng Người có quyền tha tội là điều nghịch lý: Đức Giê-su bày tỏ quyền hành trong dáng vẻ không có quyền hành. Thực vậy, như là con người thì Đức Giê-su không có quyền tha tội, nhưng Người đã tha tội. Nghĩa là quyền tha tội thuộc về Thiên Chúa lại ở nơi con người Đức Giê-su. Nghịch lý này giúp độc giả hiểu căn tính của Đức Giê-su. Qua trình thuật, người thuật chuyện muốn độc giả nhận ra rằng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa theo nghĩa mạnh và Người có quyền tha tội như Thiên Chúa. Như thế, lập luận của các kinh sư theo quan niệm Cựu Ước: “Chỉ một mình Thiên Chúa có quyền tha tội” không phù hợp nữa. Với sự xuất hiện của Đức Giê-su, phải nói: Chỉ có Thiên Chúa và Con Thiên Chúa là Đức Giê-su mới có quyền tha tội.

(3) Người thuật chuyện kể lại lời Đức Giê-su nói với các kinh sư trước sự hiện diện của đám đông ở 2,9: “Điều nào dễ hơn: Nói với người bại liệt: ‘Các tội của con đã được tha’, hay nói: ‘Hãy đứng dậy, hãy vác chông của con và hãy bước đi’? Câu hỏi “điều nào dễ hơn?” gọi đến sách Đệ Nhị Luật về phân biệt Ngôn sứ thật và ngôn sứ giả ở Đnl 18,20-22: “20 Nhưng ngôn sứ nào cả gan nhân danh Ta mà nói lời Ta đã không truyền cho nói, hoặc nhân danh những thần khác mà nói, thì ngôn sứ đó phải chết.” 21 Có khi anh sẽ tự hỏi: ‘Làm sao chúng tôi biết được lời nào là lời ĐỨC CHÚA đã không phán?’ 22 Nếu điều ngôn sứ nói nhân danh ĐỨC CHÚA không ứng nghiệm, không xảy ra, thì không phải là lời ĐỨC CHÚA đã phán; ngôn sứ đã nói càn, anh không phải sợ ngôn sứ ấy.”

Theo lời Đức Giê-su ở Mc 2,10: “Nhưng để các ông biết rằng: Con Người có quyền tha tội dưới đất – người nói với người bại liệt –...”, việc chữa lành minh họa quyền tha tội, nhưng điều này không minh nhiên. Việc chữa lành xác nhận Đức Giê-su là ngôn sứ vì lời nói được ứng nghiệm (Đnl 18,20-22), nhưng không minh chứng rõ ràng Người có quyền tha tội. Thực ra, cả hai điều, “tha tội” và “chữa lành”, không có điều nào dễ cả và chỉ “đức tin” mới cho phép nối kết hai điều: “chữa lành” và “quyền tha tội”. Cụ thể là các kinh sư không tin vào Đức Giê-su nên việc chữa lành không thuyết phục được họ là Đức Giê-su có quyền tha tội.

3. Hãy trỗi dậy, vác lấy chông và đi về nhà (2,11)

Ở 2,11, Đức Giê-su chữa lành người bại liệt bằng lời mở đầu đề cao uy quyền của Người: “Ta bảo con” kèm theo ba động từ ở lối mệnh lệnh: “hãy trỗi dậy”, “hãy vác lấy chống của con” và “hãy đi về nhà của con”. Động từ “vác” (airô) xuất hiện 4 lần (2,3.9.11.12) trong đoạn văn 2,1-13. Ở 2,3, động từ này ở dạng thụ động (airomenon), nghĩa là được khiêng (được vác) bởi bốn người. Cuối trình thuật trình trạng đã thay đổi, từ chỗ được người khác vác chống của mình, chuyển sang trạng thái chính anh vác chống của anh. Đây là dấu chỉ sự khoẻ mạnh và phục hồi về thể lý (chữa lành) và tâm linh (được tha tội). Từ chỗ bị lệ thuộc người khác đến khả năng tự lập, anh ta có thể tự lo cho đời mình, sống trong tương quan và gắn bó với Thiên Chúa.

4. Sững sốt và tôn vinh Thiên Chúa (2,12b)

Phản ứng của đám đông ở 2,12 diễn tả qua ba giai đoạn: (1) Thái độ “sững sốt” trước những gì đang xảy ra, cho thấy điều Đức Giê-su làm vừa lớn lao, vừa lạ lùng, vừa mới mẻ. Trong mạch văn sự sững sốt diễn tả niềm vui, câu chuyện mời gọi độc giả cùng chia sẻ sự ngạc nhiên và vui mừng cùng với dân chúng. Tin Mừng Mác-cô dùng đề tài ngạc nhiên, sững sốt để diễn tả niềm vui trước lời nói và việc làm của Đức Giê-su. Xem bài viết: “Mác-cô, Tin Mừng của sự ngạc nhiên”. (2) Tiếp theo là hành động “tôn vinh”. Dân chúng không tôn vinh Đức Giê-su mà “tôn vinh Thiên Chúa”, nghĩa là họ nhận ra phép lạ Đức Giê-su làm đến từ Thiên Chúa, nên Người là Đấng Thiên Chúa sai đến. Khi “tôn vinh Thiên Chúa”, họ gián tiếp xác nhận quyền tha tội của Đức Giê-su. Người không “nói phạm thượng” như các kinh sư đã nghĩ. (3) Phản ứng kết thúc bằng một lời nói: “Chúng ta chưa bao giờ thấy như thế”. Họ đã chứng kiến điều mắt chưa hề thấy tai chưa hề nghe. Lời này đề cao quyền năng Đức Giê-su về hai điều: “lời” tha tội và “lời” chữa lành, minh hoạ cho cách thức giảng dạy của Đức Giê-su nói đến ở đầu trình thuật: Đức Giê-su “nói Lời” cho họ (2,2b).

Hành động và lời nói của dân chúng tương phản với nhóm kinh sư. Họ tố cáo Đức Giê-su trong suy nghĩ trước, và sau đó là im lặng. Ngược lại dân chúng im lặng khi câu chuyện bắt đầu, nhưng lời quyền năng của Đức Giê-su làm cho phản ứng của họ trở thành khôn mẫu cho độc giả khi đọc câu chuyện này.

Kết luận

Bài viết cho thấy phần nào kiểu hành văn sinh động của Tin Mừng Mác-cô. Đoạn văn 2,1-13 liên kết chặt chẽ với các đoạn văn trước và sau với những đặc điểm riêng. Phần cấu trúc đoạn văn cho thấy trong tâm của đoạn văn (D // D') là điều các kinh sư phản đối trong lòng và câu trả lời của Đức Giê-su. Phần trọng tâm này ở giữa hai lời Đức Giê-su: lời tha tội (2,5) và lời chữa lành (2,11). Đây là lần đầu tiên trong Tin Mừng Đức Giê-su gặp sự chống đối của giới lãnh đạo Do Thái liên quan đến căn tính của Người.

Bản văn không đưa ra câu trả lời cho câu hỏi của Đức Giê-su ở 2,9: “Điều nào dễ hơn? Bối cảnh trình thuật cho phép độc giả hiểu rằng không có điều nào dễ cả. Trong mạch văn, chữa lành minh hoạ cho quyền tha tội, tuy nhiên điều này không minh nhiên nên chưa thuyết phục được những kẻ chống đối. Chỉ niềm tin mới cho phép nối kết quyền tha tội và quyền năng chữa

lành. Bản văn mở đầu bằng đề cao lòng tin của người bại liệt và những người khiêng anh ta. Nhờ “lòng tin của họ” (2,5a) mà người bại liệt được tha tội và chữa lành.

Bản văn kết thúc trong tích cực với sự ngạc nhiên thán phục và tôn vinh Thiên Chúa của dân chúng. Trình thuật 2,1-13 muốn độc giả biết hai điều về Đức Giê-su: Người có quyền tha tội và có quyền năng làm phép lạ. Nghĩa là Người là Con Thiên Chúa như đã khẳng định trong câu đầu tiên của sách Tin Mừng ở 1,1: “Khởi đầu tin mừng của Đức Giê-su Ki-tô [Con Thiên Chúa].” Đoạn văn 2,1-13 định nghĩa “Con Thiên Chúa” qua quyền tha tội và lời chữa lành. Đức Giê-su là Thiên Chúa vì chỉ có Thiên Chúa mới có quyền tha tội. Người thuật chuyện mời gọi độc giả nhận ra Đức Giê-su là ai và phản ứng như dân chúng trong câu chuyện./.

Nguồn: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2020/03/mc-21-13-loi-tha-toi-loi-chua-lanh.html>

VỀ MỤC LỤC

CHẾT LÀ GÌ?

Đừng bao giờ nói chết! Hãy nói: được sinh ra! Tin tôi đi!
Người ta thấy những gì tôi thấy và những gì bạn thấy,
Bạn cũng như họ, ta đều xấu xa, hết thấy buồn tuồng.
Chúng ta hối-hả quay cuồng,
Đi tìm lạc thú tiệc tùng truy hoan;
Chúng ta quên kẻ thấp hèn,
Quên bao cạm bẫy gấn liền lâm chung.
Bóng đen đều phủ chập-chùng
Trên bao tội ác xếp cùng áo quan.
Dù giàu có nhất hay hoàn toàn nghèo khổ,
Mọi người đều có một cha,
Đều từ con mắt tuôn ra lệ nhòa,
Bao ngày ta sống xa hoa,
Thoả lòng kiêu ngạo xấu xa mù loà
Ta đi, ta chạy, mộng hoa,
Khổ đau, nghiêng ngả, ngã sa sóng soài,
Ta đang tiến tới điện đài,
Bình minh là đó hay là mộ đây?
Tôi đang đâu đó, chốn này?
Ở trong cái chết, phải đây? Đúng rồi!
Hãy đến đi! Một cơn gió từ nơi vô định
Ném bạn đến ngay chính cửa trời,

Ta run sợ, ta thấy mình nằm phơi trần trụi,
Ô-uế, gớm ghiếc như cùi hủi,
Ta bị trói bằng nghìn mối thắt tang
Bởi những việc làm sai quấy trái ngang,
Bởi những tội xấu hoang đường nhục tũ,
Bởi đã để bóng đen đóng cũi cuộc đời.
Bỗng từ nơi vô tận ta nghe vang trời tiếng hát
Tiếng ai hát cho ta thấy chất ngát hồng ân,
Một bàn tay vô hình hững hờ ta tham sân, độc ác
Ôi, tình yêu! Ta chẳng biết giọng hát ai đây!
Kìa, họ đang đến đây này:
Người người, băng tuyết, thấy đầy khăn tang,
Chúng tôi cảm thấy rõ ràng
Đám đông ào tới, một đoàn kéo lê;
Chảy tan, sống lại, đê-mê
Xuất thần, ngây-ngất tràn trề không trung.
Ta từ quái vật sợ run,
Biến hình thành bóng thiên thần ánh quang.

Ben. Đỗ Quang Vinh diễn dịch bài thơ Pháp-ngữ sau đây

của Victor Hugo:

CE QUE C'EST QUE LA MORT

Ne dites pas : mourir ; dites : naître. Croyez.
On voit ce que je vois et ce que vous voyez ;
On est l'homme mauvais que je suis, que vous êtes ;
On se rue aux plaisirs, aux tourbillons, aux fêtes ;
On tâche d'oublier le bas, la fin, l'écueil,
La sombre égalité du mal et du cercueil ;
Quoique le plus petit vaille le plus prospère ;
Car tous les hommes sont les fils du même père ;
Ils sont la même larme et sortent du même oeil.
On vit, usant ses jours à se remplir d'orgueil ;
On marche, on court, on rêve, on souffre, on penche, on tombe,
On monte. Quelle est donc cette aube ? C'est la tombe.
Où suis-je ? Dans la mort. Viens ! Un vent inconnu
Vous jette au seuil des cieux. On tremble ; on se voit nu,
Impur, hideux, noué des mille noeuds funèbres
De ses torts, de ses maux honteux, de ses ténèbres ;
Et soudain on entend quelqu'un dans l'infini
Qui chante, et par quelqu'un on sent qu'on est béni,

Sans voir la main d'où tombe à notre âme méchante
L'amour, et sans savoir quelle est la voix qui chante.
On arrive homme, deuil, glaçon, neige ; on se sent
Fondre et vivre ; et, d'extase et d'azur s'emplissant,
Tout notre être frémit de la défaite étrange
Du monstre qui devient dans la lumière un ange.

Victor Hugo

(Recueil : Les Contemplations)

CẢM NGHĨ

Suy tư về cái chết, tác giả nhận biết cuộc sống con người nơi trần thế là hữu hạn và bày tỏ niềm tin vào tình yêu và ánh sáng, ánh sáng của sự Phục Sinh. Con người, ai cũng như nhau, đều không tránh khỏi sự chết, nhưng theo ông, chết không phải là hết, mà là khởi đầu cho một cuộc sống mới sẽ tái sinh:

* Con người thường nuôi ảo tưởng tìm hạnh phúc nơi sự thoả mãn những đam mê xác thịt, những khoái lạc phàm tục, tranh thủ « hồi hải, quay cuồng » sống cuộc sống « buông tuồng », tin rằng sẽ dẫn đến « bình minh » của hạnh phúc, mà chẳng biết rằng :

« Bao ngày ta sống xa hoa,
Thoả lòng kiêu ngạo xấu xa mù loà
Ta đi, ta chạy, mộng hoa,
Khổ đau, nghiêng ngã, ngã sa sóng soài,
Ta đang tiến tới điện đài,
Bình minh là đó hay là mộ đây? »

* Nhưng con người đã thất bại. Con người sẽ thấy «chất ngất hồng-ân», khi có "Một cơn gió vô danh ném bạn đến ngưỡng cửa thiên đàng », lúc ấy «Một bàn tay vô hình hứng hồn ta tham sân, độc ác». Thân xác «chảy tan» sẽ được «sống lại» «xuất thần, ngây ngất» và:

« Ta từ quái vật sợ run,
Biến hình thành bóng thiên thần ánh quang.»

Kết luận:

Victor Hugo thể hiện đức tin Kitô giáo, tin có sự sống đời sau, tin ở sự khoan dung của Thượng Đế đầy tình yêu thương. Chính tình yêu ấy đã chiến thắng Sự Chết, và Thần Tử của những cám dỗ từng xui nên tội ác, giờ như con quái vật phải run rẩy sợ hãi chấp nhận sự thất bại lạ lùng của nó; ánh sáng của tình yêu đã hạ gục sự « kiêu ngạo xấu xa mù loà » nay được canh tân nên hình ảnh của thiên thần ngập trong ánh sáng phục sinh, ánh sáng của tình yêu và sự

sống:

(Tout notre être frémit de la défaite étrange

Du monstre qui devient dans la lumière un ange.)

Ben. Đỗ Quang-Vinh

VỀ MỤC LỤC

THÁNH GIUSE NGƯỜI CÔNG CHÍNH

Trần Mỹ Duyệt

Để tôn vinh Thiên Chúa, và để đề cao nhân đức của Thánh Giuse, Thánh Giuse - Bạn trăm năm Đức Trinh Nữ Maria, ngày 19.06.2013, Bộ Phụng tự và Kỷ luật các Bí tích công bố một Sắc lệnh đã được Đức hồng y Bộ trưởng Antonius Cañizares Llovera và Đức Tổng Giám Mục Thư ký Arturus Roche ký vào ngày lễ Thánh Giuse Thợ 01.05.2013. Sắc lệnh quyết định đưa tên Thánh Giuse vào các Kinh nguyện Thánh Thể II, III và IV, sau tên của Đức Trinh Nữ Maria. Trước đây, tên Thánh Giuse chỉ được đọc trong Kinh nguyện Thánh Thể I (Lễ quy Rôma). Sắc lệnh viết:

“Qua việc làm cha chăm sóc Chúa Giêsu, Thánh Giuse làng Nazareth, khi được đặt lên trông coi gia đình của Chúa, đã hoàn thành nhiệm vụ đã nhận được nhờ ân sủng. Do gắn bó chặt chẽ với các mẫu nhiệm khởi đầu trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa, Ngài trở nên mẫu gương về lòng khiêm nhường và nhân ái, những điều làm cho đức tin Kitô giáo có được những phẩm giá cao cả; và thể hiện những nhân đức nhân bản và đơn sơ, cần cho con người trở nên môn đệ tốt lành và đích thực của Chúa Kitô. Nhờ các nhân đức đó, Người Công Chính này, sau khi đã hết sức trù mẩn chăm sóc Mẹ Thiên Chúa và vui vẻ tận tình dạy dỗ Chúa Giêsu Kitô, đã trở nên người quản lý kho tàng quý giá của Thiên Chúa Cha và qua các thế hệ được Dân Thiên Chúa không ngừng tôn kính như đáng bảo trợ thân thể mẫu nhiệm của Chúa Kitô, nghĩa là Hội Thánh” (Lm. Phêrô Lê Tấn Bảo dịch). (Lm.Giuse Nguyễn Hữu An, Vietcatholic.net, 17/Mar/2018)

Vậy Giuse là ai?

Không có một tài liệu nào nói rõ ràng, đầy đủ về ngài. Thánh Kinh cũng chỉ nhắc đến ngài thuộc hoàng tộc David, “Giuse là con vua David”, nhưng từ David đến Chúa Giêsu đã 28 đời. Theo thánh sử Mátthêu: “Từ David đến thời lưu đày ở Babylon là mười bốn đời, và từ thời lưu đày ở Babylon đến Đức Kitô, cũng là mười bốn đời” (Mátthêu 1:17). Cho nên có thể nói rằng nếu Giuse sống bằng nghề thợ mộc thì cũng không gì khó hiểu, vì cái gốc gác hoàng tộc ấy đến ngài cũng đã quá xa.

Cuộc hôn nhân giữa Giuse và Đức Maria, theo Ngụ Kinh (Apocryphal Gospel) của Giacôbê có ghi, khi Maria đến tuổi dậy thì, các thượng tế đã nghĩ đến chuyện thành hôn cho Maria, vì sợ rằng với tuổi ấy những chuyện không tốt có thể xảy đến cho Đức Maria và liên quan đến đền thờ. Câu chuyện bắt đầu bằng việc các thượng tế kêu gọi những trai tráng có đủ điều kiện, mỗi người phải mang một nhánh cây hoặc một cây gậy lên Đền Thờ cầu nguyện. Nếu nhánh cây hoặc gậy của người nào có dấu hiệu lạ xảy ra, người đó sẽ là chồng của Maria. Cuộc hôn nhân này được tác thành bởi các thượng tế vì Maria đã được cha mẹ là Gioankim và Anna gửi vào Đền Thờ lúc còn rất trẻ.

Giữa những cây gậy, nhánh cây của các thanh niên, trai tráng mang đến, gậy của Giuse bỗng nở hoa. Giuse đã được chọn làm chồng của Maria. Và đó cũng là lý do tại sao trong các ảnh vẽ, các tượng của thánh Giuse sau này đều có cầm một cây gậy nở hoa. Nó cũng là dấu hiệu đời sống thánh thiện, trinh khiết của ngài khi kết hôn và sống với Đức Nữ Trinh Maria trong đời sống hôn nhân sau này.

Để tỏ sự tôn kính Đức Trinh Nữ Maria và Chúa Giêsu, các dịch giả hoặc trước tác Việt Nam cố gắng tránh danh từ “chồng” khi nói về Giuse đối với Đức Maria, thay vào đó dịch là “bạn” bạn trăm năm, bạn thanh sạch của Đức Mẹ. Danh từ “cha” của ngài đối với Chúa Giêsu được dịch là “bố nuôi”, “cha nuôi”, “dưỡng phụ”, hoặc “nghĩa phụ”. Nhưng chính Đức Maria đã cải chính và sửa lại quan niệm này. Mẹ không ngần ngại nhận Giuse là chồng, và là bố của Giêsu. Thánh Kinh ghi lại điều này khi gia đình lạc nhau lúc trẻ Giêsu lên 12 tuổi. Trong đền thờ: “Khi thấy con, hai ông bà sửng sốt, và mẹ Người nói với Người: “Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con!” (Luca 2:48).

Dĩ nhiên, người chồng và người cha ở đây không chỉ hiểu theo một nghĩa thông thường, và Thánh Giuse cũng không phải người bình thường bởi vì Đức Maria là Trinh Nữ rất thánh, đồng trinh trước, đang, và sau khi sinh con. Thánh Giuse đã phải đối diện với vấn nạn này và ngài quyết tâm ly dị người hôn phu của mình vì nàng có thai mà không rõ lý do? Suy nghĩ và quyết định này phải cần đến sự can thiệp của Thiên Chúa. Ngài đã mặc khải cho ông về ý định của Ngài như sau: “Nhưng khi ông đang suy nghĩ về những chuyện này, thiên thần Chúa xuất hiện với ông trong giấc ngủ và bảo, “Giuse con David, đừng sợ nhận Maria làm vợ: vì người con trong lòng bà là bởi phép Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai, và ông đặt tên người là Giêsu” (Mátthêu 1:20-21). Người con ấy là do Chúa Thánh Thần, tên là Giêsu cũng là người con của ông, vì ông là người đặt tên cho người con đó. Ngoài ông ra, ai có quyền đặt tên cho đứa trẻ? Và người mà đặt tên cho con, đương nhiên phải là người cha.

Trong những giao tiếp thường ngày, người ta thường chào nhau bằng những danh hiệu phù hợp với địa vị xã hội và trình độ học vấn. Thí dụ, bác sĩ, dược sĩ, luật sư, giáo sư, bộ trưởng, tổng trưởng, dân biểu, nghị sĩ, hoặc tổng thống. Giới giới tu hành, thì được xưng hô là tu sĩ, linh mục, mục sư, giám mục, hồng y, giáo hoàng, thượng phụ giáo chủ, hoặc thượng tọa, hòa thượng, đại đức, tăng thống... Nhưng không thấy có ai được xưng tụng bằng danh hiệu “công chính”. Lý do vì không ai dám tự nhận cho mình danh hiệu này. Điều con người không

dám làm và không làm được, thì Thiên Chúa lại làm. Trước đây 2000 năm, Ngài đã cho gọi đích danh một người, và ban cho người ấy danh hiệu “công chính”: **“Giuse là người công chính”** (Mátthêu 1:19). Và cũng từ đó, danh tính ấy và con người ấy đã gắn liền với cuộc đời và sứ mạng cứu thế của Đức Giêsu, cũng như của mẹ Ngài là Trinh Nữ Maria.

Mặc dù Thánh Kinh không nói nhiều về ngài - cũng như Đức Maria - Thánh Kinh đã nói đủ để ta biết ngài là ai, làm gì, và sống như thế nào. Tiểu sử của ngài thực ra không phải là không được nhắc tới. Cùng với Maria, người vợ đồng trinh của mình, Giuse cũng được nhắc đến một cách vừa đủ để không bị ảnh hưởng đến những gì mà Thánh Kinh cần viết, và cần nói về Chúa Giêsu, Ngài mới là nhân vật chính.

Tóm lại, Thánh Giuse theo Thánh Kinh thuộc hoàng tộc Đavít. Quê quán tại Belem, sinh sống và hành nghề thợ mộc tại Nazareth (x. Lc 2:4). Ngài kết hôn với Maria, con Gioan Kim và Ana. Ngài có người con trai là Giêsu. Ngoài những bạn bè, những người thân thương trong làng xóm, ngài cũng đã từng gặp gỡ các mục đồng trong đêm Ngôi Hai Thiên Chúa giáng trần, tiên tri Simêon và Ana khi đem Chúa Giêsu đi cắt bì tại Giêrusalem. Nhất là được hân hạnh đón tiếp những nhân vật lỗi lạc như 3 nhà đạo sĩ trong thời gian Hai Nhi Giêsu vừa mới sinh tại Belem: *“Sau khi Chúa Giêsu sinh tại Belem xứ Giuđêa thời vua Hêrôđê, các đạo sĩ từ Đông Phương đã tới Giêrusalem và hỏi: “Vua Do Thái mới sinh ra ở đâu? Chúng tôi đã thấy ngôi sao Ngài xuất hiện và chúng tôi đến để triều bái Ngài”* (Mátthêu 2:1-2).

Về ngày sinh và ngày qua đời của ngài không ai biết rõ, nhưng phần đông các học giả Thánh Kinh vẫn cho rằng ngài qua đời trước khi Chúa Giêsu bước vào con đường hành động công khai. Trên thập giá, không thấy Đức Giêsu nói về người cha đáng kính ấy của mình, nhưng đã trời mẹ của mình lại cho Gioan, môn đệ yêu dấu: *“Gần thập giá Chúa Giêsu, đứng đó có mẹ Ngài, và chị họ mẹ Ngài là Maria vợ ông Clôpas, và Maria Mađalêna. Trông thấy mẹ mình cùng với môn đệ Ngài yêu dấu, Chúa Giêsu nói với mẹ Ngài: “Hỡi bà, này là con bà”. Rồi nói với môn đệ: “Này là mẹ con”. Và từ giờ đó, môn đệ đem người về nhà mình”* (Gioan 19:25-27).

Tiểu sử của ngài như vừa được tóm lược một cách đơn giản trong Thánh Kinh, tuy ít, nhưng cũng đủ để ta hiểu về ngài chỉ trong một câu đơn giản: “Giuse là người công chính”. Sự công chính là thuộc về Thiên Chúa. Do đó, khi thiên thần gọi Giuse là công chính, là ngụ ý rằng Thiên Chúa đã sẵn lòng thông ban cho ngài một phần vinh quang, một phần sự tốt lành, và một phần thánh đức của Ba Ngôi Thiên Chúa.

Nhưng thánh Giuse đã sống và hành động như thế nào để xứng đáng với danh hiệu công chính?

ĐỒNG TRINH

Nhân đức nổi bật, lạ lùng, cao siêu nhất của Thánh Giuse là “đồng trinh”. Không thấy Giáo Hội và truyền thống Giáo Hội nói gì về sự đồng trinh nguyên thủy của ngài như đã từng

nói về Bạ̣n Đồng Trĩnh của ngàì là Trĩnh Nữ Maria. Nhưng vì Đự́c Maria là đặ́ng đồng trĩnh: đồng trĩnh trước khi sinh con, đặ́ng khi sinh con, và sau khi sinh con. Khi đượ̣c Tổng Thần Gabriel đệ̀ cập đến vai trò làm mẹ Đặ́ng Cứu Thế trong ngày Truyền Tin, Mẹ đã trả lời rõ ràng: *“Việ̣c ấy xậ́y ra thế nào đượ̣c, vì tôi giự̃ mình đồng trĩnh”* (Luca 1:34). Từ sự đồng trĩnh của Đự́c Trĩnh Nữ Maria, đã cho thấy đự́c đồng trĩnh của Thặ́nh Giuse. Có thể nói một cách hợp lý rằng đự́c đồng trĩnh của Đự́c Maria làm rặ̀ng ngọ̀i đự́c đồng trĩnh của Thặ́nh Giuse, và nhờ đự́c đồng trĩnh của Thặ́nh Giuse mà đự́c đồng trĩnh của Mẹ Maria đượ̣c bảo đảm như đã đượ̣c Thặ́nh sử Máttêu ghi lại: *“Sau đây là gộ́c tích của Đự́c Giêsu Kitô: bà Maria, mẹ Ngàì đã đị̃nh hôn với Giuse. Nhưng trước khi hai ọ̉n bà về chung sống với nhau, bà đã mang thai do quyẹn nặ́ng Chúa Thặ́nh Thần. Giuse chồng bà, là người công chính không muộ́n tộ́ giác bà, nên đã đị̃nh tâm bỏ bà cách kín đáo”* (Máttêu 1:18-19).

Để hiểu thêm về đự́c đồng trĩnh cao cả ấy, ta cũng nên biết thêm rằng trên nguyên tặ́c, Đự́c Maria là vợ của Thặ́nh Giuse. Bọ̉n phận hay trách nhiệm làm vợ của một phụ nữ trong đời sống hôn nhân gia đị̃nh gắn liền với bọ̉n phận và trách nhiệm làm mẹ. Do đó, sinh lý trong hôn nhân, không nhự̃ng chỉ là phượng tiện truyền sinh, mà cũng là một hành độṇg của tình yêu đôi lứa, của sự gắn bó vợ chồng. Ở đây, Giuse và Maria đã nâng giạ́ trị hôn nhân và đời sống vợ chồng lên một mức thặ́nh đự́c trọn hảo, tuyệt vời nhờ vào đự́c đồng trĩnh của hai đặ́ng. Cả hai đã sống với nhau và đối xử với nhau như các thiên thần trên trời như Chúa Giêsu đã mặc khải: *“Quả thật, trong ngày sống lại, người ta chẳng lấy vợ, lấy chồng, nhưng sẽ giộ́ng như các thiên thần trên trời”* (Máttêu 22:30). Có thể một số người cho rằng cuộc sống vợ chồng như thế là không ai thực hiện đượ̣c, nhưng Phaolô Tông Đồ cũng đã cho biết, người ta có thể sống như thế khi viết: *“Nhự̃ng ai có vợ hãy sống như không có vợ”*. (1 Cor 7:29)

Thặ́nh Giuse đã làm nổi bật và kiện toàn tình yêu cao cả dành cho Đự́c Maria khi tôn trọng sự đồng trĩnh của Đự́c Mẹ, mặc dù sau này qua lời thiên thần Ngàì mới biết đó là ý muộ́n và ý đị̃nh của Thiên Chúa: *“Giuse con Đavít đừng ngại nhận Maria làm vợ, vì người con bà cưu mang là do quyẹn nặ́ng Chúa Thặ́nh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân mình khỏi tội. Tất cả sự việ̣c này xảy ra là để ự́ng nghiệm lời Chúa phán xưa qua miệ̣ng ngôn sứ: “Này đây, Trĩnh Nữ sẽ thụ thai và sinh con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Emmanuen, nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta”* (Máttêu 1:20-23). Một người không có tình mến thặ́m sâu, không kính sợ Thiên Chúa như Thặ́nh Giuse, thì nhự̃ng lời ấy vẫn không ngăn cản đượ̣c ý đị̃nh và ước muộ́n của bản nặ́ng, nhất là bản nặ́ng ấy đượ̣c xử dụng trong hoàn cảnh hợp tình, hợp lý và hợp pháp như trong đời sống vợ chồng. Và điều này càng làm cho Thặ́nh Giuse trở thành cao cả, và đáng mến biết bao.

KHIÊM NHƯỜNG

Sau đự́c đồng trĩnh của Thặ́nh Giuse, ta hãy nhìn tới đự́c khiêm nhường của ngàì.

Như đã đượ̣c nhắc tới trong Thặ́nh Kinh, Thặ́nh Giuse xuất thân từ dòng tộc Đavít. Ngàì là một người thuộc hoàng tộc. Điều này càng làm cho đự́c khiêm nhường của Ngàì thêm sáng

chối, nếu đem cộng thêm thiên chức cao cả mà Thiên Chúa đã ban cho Ngài là “làm chồng đồng trinh của Đức Maria, và làm cha nuôi Chúa Cứu Thế”.

Cả dân tộc Do Thái thời bấy giờ và trong suốt thời gian Cựu Ước, ngày đêm trông mong sự xuất hiện của Đấng Cứu Thế. Ai trong các thiếu nữ Sion cũng muốn mình lấy chồng, và mơ màng một ngày nào đó được làm mẹ Đấng Thiên Sai. Đó là sự nôn nóng và nô nức tự nhiên, hợp tình, hợp lý. Một giấc mơ thánh thiện.

Một cách tương tự, ai trong các thanh niên Do Thái lúc bấy giờ mà chẳng muốn mình làm cha Đấng Thiên Sai. Còn gì vinh dự, hãnh diện và hạnh phúc hơn là từ gia đình mình, từ dòng dõi mình xuất hiện Đấng Cứu Thế. Đây là một vinh dự lớn và không dễ gì đã có ai bỏ qua. Nhưng trường hợp của Thánh Giuse lại khác hẳn. Ngài sẵn sàng bỏ qua ý tưởng đó, chỉ muốn sống một cuộc đời khiêm nhường. Ngài đã chỉ vì yêu mến Thiên Chúa mà chấp nhận vai trò và danh dự làm “cha nuôi” Đấng Thiên Sai mà thôi.

Thánh Giuse đã rất giản dị, bình dân, và khiêm tốn. Thánh Kinh không thấy chỗ nào nói tới việc Đức Maria nhận mình là Mẹ Thiên Chúa - Đấng Thiên Sai. Cũng vậy, không thấy chỗ nào Thánh Giuse đã nói, hoặc cho ai biết mình là cha của Đấng Thiên Sai. Cả hai, Đức Maria và Thánh Giuse không những không nói cho ai biết về cái bí mật mà mọi người đang hăm hở kiếm tìm ấy, mà cũng không hành xử như một người làm mẹ hay làm cha của Đấng Cứu Thế. Đây là một hành động hết sức khiêm nhường. Một nhân đức sáng ngời và trỗi vượt của Thánh Giuse trong những nhân đức phi thường mà Ngài đã sống với trong cuộc hành trình dương thế của mình bên cạnh Đức Maria và Chúa Giêsu.

KHÓ NGHÈO

Giàu có về ân sủng và nhân đức, nhưng cuộc sống trần thế của Thánh Giuse luôn luôn lộn độn với cái nghèo. Người ngoài sẽ không biết rõ được gia đình của Giuse và Maria nghèo đến thế nào nếu như không có biến cố Giáng Sinh tại Belem. Thánh Kinh ghi rõ, cả hai đều bị từ chối và không tìm được một nơi trú ngụ giữa các hàng quán quanh thành. Luca đã ghi lại chi tiết nghèo của thánh gia trong thời gian lưu lại ở Giêrusalem: *“Bà sinh con trai đầu lòng, quấn tã lót và đặt trong máng cỏ, vì họ không tìm được chỗ trong các quán trọ”* (Lc 2:7). Có thể là vì số người đã nhiều mà các quán trọ không đủ phòng ốc. Cũng có thể là nhìn thấy Maria đang mang thai và như đang gần ngày sinh. Nhưng lý do nghèo của hai người là chính. Có tiền bạc đầy đủ và giàu có thì kiếm đâu không có phòng trọ? Nhưng vì nghèo, nên cả hai đã phải tạm trú tại một chuồng bò ngoài thành. Và trong hoàn cảnh ấy, Thiên Chúa đã hạ sinh và ở giữa chúng ta.

Sự nghèo nàn của thánh gia còn được thấy khi trong nghi lễ hiến dâng Hai Nhi Giêsu. Vì nghèo không đủ tiền mua những lễ vật giá trị hơn, nên cha mẹ của Giêsu chỉ mua được một đôi chim gáy hay một cặp bồ câu non (x Lc 2:22-24), những lễ vật thuộc giới bình dân và nghèo. Nhưng đó là một cái nghèo tự nguyện. Một đời sống nghèo của người công chính, không chộp giật, không bon chen, và không tham lam. Với số vàng, nhũ hương và mộc dược ba nhà đạo sĩ dâng tặng trong lần họ đến bái yết Hai Nhi Giêsu chắc dư dùng cho gia đình nếu như Giuse và

Maria có lòng tham lam muốn giữ làm của riêng. Nghề thợ mộc ở vào thời điểm của Thánh Giuse chắc cũng không phải là nghề không kiếm ra tiền, nhất là với tay nghề vững chãi, kinh nghiệm, cộng với sự nhiệt tâm, chịu khó của ngài. Do đó, cái nghèo của Thánh Giuse hiển nhiên là một đức nghèo trọn lành của Phúc Âm. Nó phát xuất từ tâm hồn đơn sơ, phó thác và tin tưởng hoàn toàn nơi Chúa Quan Phòng.

Đặt chân đến Nazareth, khách hành hương như hơi thất vọng với một thành phố mà cho mãi đến ngày nay vẫn hiện lên nét nghèo, với đường xá chật chội, gập ghềnh sỏi đá, nhà cửa không gì mấy khang trang. Nazareth bây giờ cũng chỉ có thể so sánh với những thành phố nghèo ở Việt Nam, Lào, Cao Mên, Mễ, Phi luật tân, hay một nước nào đó bên Phi Châu, trung Đông kém mở mang. Thành phố gồm những căn nhà nhỏ bé, những hẻm đường với những cửa hàng buôn bán bày ra cả lối đi. Đường vào thánh đường Cana hẹp, khó đi, luồn lách qua các ngõ hẻm.

Nhưng đây lại là nơi Thánh Gia lập nghiệp và định cư, nơi Con Thiên Chúa ẩn dật, che dấu thân phận Thiên Chúa của Ngài cho đến khi xuất hiện công khai năm lên 30 tuổi. Gần ba mươi năm sống trong thôn làng nhỏ bé này, chắc Chúa rành rẽ đường đi, nước bước. Và vì có dịp làm quen với những người nghèo, nếp sống nghèo nên sau này Chúa thường dùng những ví dụ thực tế, dễ hiểu của đời thường để nói về những mầu nhiệm nước trời. Thí dụ, dụ ngôn người gieo giống, hạt cải, cây vả, cây nho... ngay cả đến hình ảnh của một người con phung phá, ông phú hộ.

Nghèo và những người ở đây cũng chân chất đến nỗi chính Nathanael khi được Philip mời gia nhập đoàn với các Tông Đồ, đã tỏ ra hoài nghi về Chúa Giêsu vì Ngài xuất thân từ Nazareth: “Ở Nazareth có gì hay ho đâu” (Gioan 1:46). Ý ông nói: “Đất sỏi làm gì có chạch vàng?”. Vĩ nhân làm sao xuất thân từ nơi khỉ ho cò gáy như thế? Không chỉ có Nathanael là người Bethsaida đồng quê với Phêrô và Andrê, ngay trong dân làng Nazareth họ cũng tỏ dấu nghi ngờ Chúa Giêsu khi họ nghe Chúa giảng dạy và làm những phép lạ: “Bởi đâu ông ta được như thế? Ông ta được khôn ngoan như vậy nghĩa là làm sao?” (Mácô 6:2).

ÂM THÂM

Do khiêm nhường và tâm tình khiêm tốn, nên Thánh Giuse đã hoàn toàn âm thầm và giữ đúng vai trò trung gian của mình giữa Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Giữa Mẹ Maria, Chúa Giêsu và Đấng đã ủy thác cho mình việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ.

Trong thực hành, ít ai ở vào địa vị như ngài mà lại âm thầm, và khuất tịch được như Ngài. Ai mà không thích danh giá. Không muốn được xưng tụng với danh hiệu này, danh hiệu khác, nhất là khi thực sự mình có danh giá, có địa vị, và chỗ đứng trong xã hội. Ai bằng Đức Maria, thiếu nữ Sion tuyệt vời, tràn đầy ơn phúc như lời Tổng Thần Gabriel trong ngày truyền tin: “*Hãy vui lên, Đấng đầy ơn sủng. Thiên Chúa ở cùng bà*” (Lc 1:28). Còn Isave, chị họ thì ca tụng: “*Em có phúc hơn mọi phụ nữ*” (Lc 1:42). Ai bằng Giêsu, Con Một Thiên Chúa làm người. Đấng là chủ tể vũ trụ. Nắm trong tay hai bảo tàng vô giá ấy, mà không huênh hoang, không

muốn nổi nang, và luôn luôn khuất tịch, thì chỉ có Thánh Giuse mới làm được. Và cũng chính vì ngài đã làm được chuyện này, nên đã xứng đáng được gọi là công chính.

Trước xưởng mộc của Thánh Giuse ở Nazareth, là một tượng đồng của ngài. Dáng vẻ suy tư trầm ngâm nhưng hiền từ, trong tay có cầm một cây gậy nở hoa. Bức tượng diễn tả đúng với con người của Giuse, người mà Thánh Kinh gọi là công chính: “Giuse chồng bà là người công chính” (Mátthêu 1:19). Khách hành hương với lòng sốt sắng, yêu mến đã xoa vào hai đầu gối bức tượng khiến mòn đi. Họ làm vậy phải chăng với ngụ ý trút bỏ những gánh nặng nề trên bước đường dương thế cho thánh nhân, và nhờ ngài ra tay nâng đỡ. Tôi có cảm tưởng như những gánh nặng mà khách hành hương đã trút bỏ lên hai đầu gối kia nhiều lắm.

Thánh Kinh đã ghi rõ Giuse làm nghề thợ mộc. Là thợ mộc, nên ông cần phải có một xưởng mộc. Cái nghề thợ mộc của ông sau này đã bị người ta đem ra dè bửu khi nói về Chúa Giêsu: “Họ hỏi, đây chẳng phải là Giêsu con ông Giuse, người mà chúng ta biết cả cha lẫn mẹ sao” (Gioan 4:42). “Đây chẳng phải là con bác phó mộc sao?” (Mátthêu 13:55).

TRUNG TÍN

Sau cùng là sự trung thành tuyệt đối của Thánh Giuse trong sứ mạng bảo vệ Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Ngài đã trung thành công việc được trao phó một cách tự nguyện và với tinh thần trách nhiệm: “*Giuse đừng sợ, hãy nhận lấy Maria làm vợ, vì người con bà cựu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần*” (Mátthêu 1:20). Thánh Kinh ghi tiếp: “*Khi tỉnh giấc, Giuse đã nhận Maria về nhà mình*” (Mátthêu 1:24).

Từ ý thức sâu xa trách nhiệm mình trước mặt Thiên Chúa, Thánh Giuse ngày đêm để ý chu toàn dù gặp những thử thách và đau khổ. Đau khổ đầu tiên là biến cố Giáng Sinh của Chúa Giêsu. Đau khổ thứ hai là khi nghe lời tiên báo của Simêon tại đền thờ trong ngày dâng Hai Nhi Giêsu như luật định. Chẳng nói ra thì ai cũng biết rằng, những mũi gươm tinh thần mà Simêon nói về Maria thì ít nhiều Giuse cũng mang nó trong lòng, vì ngài là người chồng hoàn hảo nhất, và không thể nào lại không chia sẻ những đau khổ - dù là tinh thần - với người vợ của mình.

Trong biến cố đem Hai Nhi Giêsu và Mẹ của Ngài chạy trốn qua Ai Cập để trốn thoát cảnh lùng bắt của Hêrôđê. Giữa mùa Đông giá lạnh, và phải làm lũi đoạn trường đưa vợ con chạy trốn, cảnh tượng này một người chồng, người cha có trách nhiệm không thể nào lại không đau lòng và lo lắng. Theo những nhà khảo sát Kinh Thánh, chưa đầy 4 năm ở bên Ai Cập, Thánh Giuse đã phải di chuyển chỗ ở đến 21 lần vì tránh sự dòm ngó của người nhà Hêrôđê.

Với tinh thần trách nhiệm, Thánh Giuse không những lo lắng lúc đem Hai Nhi và Đức Maria chạy trốn, mà cả khi về lại quê cha đất tổ. Mặc dù lúc ấy Giêsu đã lớn, nhưng Thánh Giuse không thể không cảm thấy băn khoăn, lo lắng. Mátthêu đã ghi lại những suy tư của ngài: “*Khi nghe tin Aùckhêlao đã kế vị cha là Hêrôđê, cai trị miền Giuđêa, nên ông sợ không dám về đó. Sau khi được mộng báo, ông lui về miền Galilêa và đến ở một thành kia gọi là Nagiarét*” (Mátthêu 2:22-23).

Nhưng có lẽ biến cố gia đình thất lạc tại Đền Thờ đã chạm đến tinh thần trách nhiệm của ngài một cách sâu xa hơn cả như Thánh Kinh đã ghi nhận: *“Sau ba ngày, hai ông bà mới tìm thấy con trong Đền Thờ, đang ngồi giữa các thầy tiến sĩ, vừa nghe, vừa đặt câu hỏi. Khi thấy con, hai ông bà sửng sốt, và mẹ Người nói với Người: “Này con! Sao con lại xử với cha mẹ như vậy? Con không thấy cha con và mẹ đã phải đau lòng tìm con sao!”* (Luca 2:46;48).

Thánh Kinh đã khen tặng những người trung tín. Chúng ta có thể nhìn thấy giá trị và kết quả của đức tin trung của Thánh Giuse khi nhìn vào công việc hoàn thành của Chúa Giêsu trong việc cứu chuộc nhân loại. Nhìn vào cuộc đời thánh đức của Đức Maria. Điều này đã cho thấy Thánh Giuse không những sống thánh thiện cho mình, mà còn dùng sự thánh thiện ấy để hoàn tất việc bao bọc và dưỡng nuôi Hài Nhi Giêsu, và Mẹ Thánh của Ngài để chuẩn bị cho Thiên Chúa dùng trong công trình cứu chuộc.

Cựu Ước đã ca tụng Abraham là cha của những kẻ tin. Tân Ước đã ca tụng Thánh Giuse là người công chính. Abraham dâng con là Isaac làm của lễ như Thiên Chúa truyền, Thánh Giuse cũng đã cùng với Đức Maria dâng Chúa Giêsu cho Thiên Chúa trong Đền Thánh để làm của lễ hiến tế và cứu chuộc nhân loại. Thánh Giuse đã dùng cả đời mình để yêu thương, săn sóc, nuôi dưỡng và bao bọc của lễ này. Và Ngài xứng đáng được đó nhận những lời ca tụng của Hội Thánh: *“Do gắn bó chặt chẽ với các mẫu nhiệm khởi đầu trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa, Ngài trở nên mẫu gương về lòng khiêm nhường và nhân ái, những điều làm cho đức tin Kitô giáo có được những phẩm giá cao cả; và thể hiện những nhân đức nhân bản và đơn sơ, cần cho con người trở nên môn đệ tốt lành và đích thực của Chúa Kitô.”* (Sắc Lệnh Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, 01.05.2013)

Thánh Tiến Sĩ Têrêsa d’Avila đã nói về quyền năng và thần thể của Thánh Giuse:

“Tôi thấy không lần nào xin sự gì cùng Thánh Giuse mà không được như ý. Dường như Thiên Chúa ban ơn cho các Thánh giúp ta việc này, việc khác. Nhưng kinh nghiệm cho tôi biết Thánh Giuse giúp chúng ta trong mọi trường hợp. Tôi lấy danh Chúa mà xin những ai không tin lời tôi hãy thử mà xem”. Ite ad Joseph - Hãy đến cùng Giuse.

VỀ MỤC LỤC

NHÂN MÙA CHAY THÁNH, CẦN NÓI QUA VỀ MỐI NGUY CƠ TO LỚN ĐẾN TỪ MA QUỲ KẺ THÙ LUÔN CẢM DỖ CON NGƯỜI LÀM SỰ DỮ, SỰ TỘI KHIẾN MẤT HY VỌNG ĐƯỢC CỨU RỜI ĐỂ VÀO NƯỚC TRỜI HƯỞNG PHÚC THIÊN ĐÀNG

Hỏi: Xin cha giải thích về sự có mặt của ma quỷ cảm dỗ con người trên trần thế này.

Trả lời:

Nói về ma quỷ (devils, ghosts) chúng ta cần phân biệt phân biệt hai loại sau đây:

- 1- Trước hết là có những hiện tượng kinh dị mà nhiều người đã gặp thấy và tin đó là có hồn ma người chết hiện về để nhát đảm người còn sống. Cụ thể, cách nay trên 60 năm, trong làng của cha mẹ tôi ở thuộc tỉnh Hà nam, mẹ tôi đã kể cho tôi nghe về một bà kia ốm đau đã lâu ngày, chữa chạy tốn nhiều tiền mà không khỏi bệnh, nên sinh buồn phiền chán nản sao đó. Cho nên hôm lễ kính Thánh Cả Giuse- ngày 19 tháng 3- .Quan Thầy của làng. Bà ta đã xua các con cháu đi lễ hết và ở nhà một mình, bà đã treo cổ tự tử trong nhà. Người con gái lớn đang đi lễ ở nhà thờ bỗng cảm thấy có gì không yên trong lòng nên đã bỏ dở lễ về nhà thì thấy mẹ đang treo cổ chết. Chị đã tháo giây cho bà lặn xuống, bế đặt lên giường rồi tri hô lên là mẹ tôi trúng gió chết!. Thoạt đầu dân làng cũng tin như vậy, vì bà này đã ốm đau lâu ngày. Nhưng sau khi đem bà đi chôn ở nghĩa trang của làng, thì lạ thay có đàn chim lạ đông vô số kể, to và đen như quạ bay ở đâu về đâu từ nghĩa trang nơi chôn bà kia đến nóc nhà bà ở. Một sự sợ hãi đã lan rộng khắp trong làng đến nỗi không ai dám ra ngoài về đêm! Và từ đó dân làng đều tin bà kia đã tự tử chết dù con cái bà đâu không nói ra cho ai biết. Chưa hết, một tối kia, bà già mẹ chồng bà kia đang ẩm cháu nằm trong giường chưa ngủ, thì con ma đã hiện về, mở cửa phòng rồi lên tiếng cười nghe rất ghê sợ. Nó tiến lại giường bà mẹ chồng nắm, gỡ mùng lên và đưa tay lạnh lẽo sờ vào mặt bà và nói: con về thăm mẹ đây! bà già sợ hãi mắng nó rằng: mày xéo ngay đi, kiếp nào về kiếp đó. Đừng về đây làm khổ cho con cháu mày nữa! Tao lấy tên cực trọng Giêsu Maria Giuse mà trừ mày! Nghe thế, con ma lại lặng lẽ đi ra vào trong đêm tối. Bà già kia đã đem chuyện hải hùng này kể cho mẹ tôi, có tôi ngồi đó nghe! eo ơ sợ quá, tôi chỉ nghe kể lại mà đã thấy sợ hãi vô cùng. Chưa hết, còn chuyện lạ nữa là mỗi năm trước ngày Lễ kính Thánh Giuse, ngày 19 tháng 3, đàn chim lạ kia lại bay về làng, đậu từ nghĩa trang chôn bà tự tử kia đến nóc nhà của bà ấy ở. Sau Lễ, chúng lại bay đi khỏi làng! chính tôi- khi ấy- đã cùng đám trẻ trong làng đi đánh đuổi những con chim kia bay về làng trước ngày Lễ Kính Thánh Giuse. Nhưng từ 60 năm nay sống xa quê hương, tôi không biết đàn chim kia còn bay về làng mỗi năm nữa không. Tôi dự định về thăm VN trong năm nay (năm 2020) và sẽ về quê ở làng Doãn, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà nam để hỏi những người lớn tuổi trong làng về hiện tượng ma quái nói trên. .

Ở Mỹ cũng có hiện tượng tương tự. vì có những nhà được gọi là “**Haunted houses**” (có ma ám ảnh) không ai dám ở vì tin là có ma hiện ra nhát người sống. Bản thân tôi, khi còn làm phó xứ ở một giáo xứ kia, có một giáo dân người Mỹ-Tây Cơ một hôm đã đến xin tôi làm phép nhà cho bà ta vì bà nói thỉnh thoảng về đêm, bà nghe có tiếng la hét và tiếng nước chảy từ phòng tắm kế bên phòng ngủ của bà, mặc dù trong nhà chỉ có hai vợ chồng già và không ai sử dụng phòng tắm về đêm! Tôi đã đến làm phép nhà cho bà và sau đó không thấy bà nói gì về việc sợ hãi kia nữa.

Như vậy, chắc chắn có những “hiện tượng bất thường” xảy ra mà người ta gán cho là có ma quỷ xuất hiện dưới nhiều hình thức để nhất đảm hay quấy phá người sống. Giáo Hội không đưa ra một giải thích rõ nào về những hiện tượng này, mặc dù tin có chuyện ma quỷ ám hại con người nên cho đến nay, Giáo Hội vẫn sử dụng phép “trừ quỷ, trừ tà” (Exorcism) được Giáo Quyền địa phương trao cho một linh mục nào thi hành khi cần đến.

Xưa kia, khi còn đi rao giảng Tin Mừng Cứu Độ, Chúa Giêsu cũng đã nhiều lần “trừ quỷ” nhập vào làm khổ nhiều người. Điển hình là trường hợp có người kia đã bị một lũ quỷ nhập và hành hạ rất khốn đốn. Chúa đã trừ chúng ra khỏi nạn nhân và cho chúng nhập vào đàn heo và lao xuống vực thẳm chết hết. (Lc 8: 26-31). Lại nữa, “các thần ô uế, hãy thấy Đức Giêsu thì sấp mình dưới chân Người và kêu lên: **Ông là Con Thiên Chúa. Nhưng Người đã cấm ngặt chúng không được tiết lộ Người là ai.**” (Mc 3: 11-12).

Quỷ la lên khi bị Chúa trừ ra khỏi các nạn nhân của chúng và không cho phép chúng nói Người là ai (Lc 4: 40-41). Tin Mừng Thánh Matthêu cũng thuật lại trường hợp một người bị quỷ ám khiến cho mù lòa và câm. Chúa đã trừ quỷ ra khỏi anh ta khiến anh lại được trông thấy và nói được. (Mt 12: 22-23). Đặc biệt, Chúa đã trừ 7 quỷ ám hại một phụ nữ tên là Maria Ma-đa-la. (Lc 8 : 2) . Bà này sau đó đã đi theo Chúa cho đến khi Người chết trên thánh giá. Bà cũng là phụ nữ đầu tiên đã đến viếng Mộ Chúa sáng ngày thứ nhất trong tuần và đã được gặp Chúa hiện ra và bảo đi loan báo tin mừng Chúa Phục Sinh cho các môn đệ Người. (Mt 28: 1-10; Ga 20: 11-18)

Thánh Phaolô cũng nhân danh Chúa Kitô để trừ quỷ nhập vào một phụ nữ chuyên nghề bói toán, đồng bóng:

“Nhân danh Đức Giêsu-Kito, ta truyền cho người phải xuất khỏi người này. Ngay lúc ấy quỷ thần liền xuất ra” (Cv 16: 18)

Nhưng phải nói ngay là, những trường hợp quỷ nhập và ám hại người sống nói trên, kể cả những chuyện ma quỷ hiện hình để quấy phá người sống, tất cả chỉ có tác dụng làm cho người ta sợ hãi, khốn khổ về thể xác mà thôi, chứ không có gì phải lo sợ về phần hồn.

Điều đáng lo sợ về phần hồn, hay phần rỗi của mọi người chúng ta là có loại ma quỷ **không hiện hình để phá phách, hay ám hại ai về thể xác, nhưng vô hình cám dỗ con người** với nhiều chiến lược tinh xảo khiến cho rất nhiều người đã và đang ngã theo chúng để làm những sự dữ, sự tội như chúng ta thấy rõ bộ mặt của chúng trong cách sống của biết bao người ở khắp nơi trên trần thế xưa và nay. Đó là những kẻ đang giết người, giết thai nhi, hãm hiếp phụ nữ. oán thù muốn làm hại người khác. Đặc biệt đó là những kẻ đang buôn bán phụ nữ, bắt cóc trẻ em để bán cho bọn ma cô tú bà hành nghề mãi dâm và ấu dâm (child prostitution) rất khốn nạn và tội lỗi ở nhiều nơi trên thế giới tục hóa, vô luân vô đạo này. Tất cả những kẻ đã và đang làm những sự dữ nói trên đều đã bị chi phối hay cám dỗ bởi thứ ma quỷ gọi là Satan và bè lũ

2- Đó là Quỷ Satan và bè lũ:

Loại “ma quỷ” này không hiện ra để làm cho ai phải khiếp sợ, nhưng lại vô hình ám hại con người cách đáng sợ hơn, với những mưu chước cám dỗ rất tinh vi và thâm độc để mong lôi kéo con người ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa, làm nô lệ cho chúng khiến mất hy vọng được cứu rỗi. Để vào Nước Trời vui hưởng Thánh Nhan Chúa, là Nguồn mọi an vui và hạnh phúc mà của cải tiền bạc trần gian không thể mua hay đổi trác được

Đó chính là loại ma quỷ mà Thánh Phêrô đã cảnh cáo và ví chúng như “**sư tử đói rảo quanh tìm mồi cắn xé.**” (1 Pr 5: 8)

Đây là thứ quỷ mà Kinh Thánh và Giáo lý của Giáo Hội nói về “**một Thiên Thần đã sa ngã để trở thành quỷ Satan**” và kéo theo các Thiên Thần khác nổi lên chống lại Thiên Chúa và không hề ăn năn sám hối xin tha thứ để vĩnh viễn là những kẻ phản loạn, muốn lôi kéo con người đi theo chúng để chống lại Thiên Chúa là tình yêu, công bình và thánh thiện. (x. SGLGHCG số 391-394)

Thánh Gioan, trong Sách Khải Huyền, đã gọi loại ma quỷ hay Sa-tan này là Con Mãng xà, tức Con Rắn xưa:

“Bấy giờ tôi thấy một Thiên Thần từ trời xuống, tay cầm chìa khoá vực thẳm và một dây xích lớn. Người bắt lấy Con Mãng Xà, tức là Con Rắn xưa, cũng là ma quỷ hay Sa-tan, và xích nó lại một ngàn năm.” (Kh 20: 1-20)

Nói rõ hơn, loại ma quỷ này được xem như “**những Thiên Thần đã sa ngã**” vì đã kiêu căng chống lại Thiên Chúa và đã bị đạo binh thiên quốc của Tổng lãnh Thiên thần Mi-ca-e đánh bại.

Đây mới là loại “ma quỷ” mà chúng ta phải khiếp sợ và đề phòng để không sa vào cạm bẫy của chúng như Thánh Phêrô đã ân cần nhắc nhở chúng ta sau đây:

“Anh em hãy sống tiết độ và tỉnh thức, vì ma quỷ, thù địch của anh em, như sư tử gầm thét rảo quanh tìm mồi cắn xé.” (1 Pr 5: 8)

Như sư tử đói rảo quanh tìm mồi ăn sống nuốt tươi thế nào, thì ma quỷ cũng ngày đêm rình rập để cướp lấy linh hồn chúng ta bằng mọi mưu chước cám dỗ như vậy.

Như thế, loại ma quỷ này mới chính là kẻ thù nguy hiểm nhất mà chúng ta phải tỉnh thức đề phòng, và nương nhờ ơn Chúa để chống lại chúng hầu được sống trong tình thương của Chúa và có hy vọng được cứu rỗi nhờ công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô.

Quỷ Satan và bè lũ “**rảo quanh cõi đất và lang thang khắp đó đây**” như chính Satan đã trả lời Thiên Chúa khi nó muốn thách đố Thiên Chúa về lòng tin và yêu mến của ông Gióp

trong cơn thử thách nặng nề. Chúa cho phép nó được đụng chạm đến của cải, tài sản của ông Gióp nhưng không được đụng đến mạng sống của ông. (Gióp 1: 9: 12)

Chính vì mục đích của chúng là lôi kéo con người ra khỏi tình thân với Chúa nên Quỷ Satan và bè lũ đã và đang xô đẩy quá nhiều người xuống vực thẳm hư mất đời đời, vì đã dại dột nghe theo chúng để phạm những tội ghê gớm như giết người hàng loạt, phá thai không gớm tay, hận thù, trộm cướp, ham mê khoái lạc (Hedonism) và dâm ô thác loạn, chối bỏ Thiên Chúa để tôn thờ tiền bạc và của cải vật chất, buôn bán phụ nữ và trẻ nữ để bán cho bọn ma cô tú bà hành nghề mãi dâm và ấu dâm rất khốn nạn, và tội lỗi, trong khi đứng dưng trước sự đau khổ, nghèo đói của biết bao người không may mắn ở khắp nơi trên thế giới. Đặc biệt ở các quốc gia độc đảng, độc tài, tham quyền cố vị để vơ vét của cải, làm giàu cho bản thân và phe nhóm, trong khi nhắm mắt bịt tai trước những bất công xã hội và suy thoái nặng nề về luân thường đạo lý. Tất cả một lời: thế giới đang sống với **văn hóa của sự chết** vì Satan đang thống trị quá nhiều người ở khắp nơi trên thế gian tục hóa, vô luân vô đạo ngày nay.

Từ thuở đầu tiên, chính quỷ Satan, trong hình thù con Rắn, đã cám dỗ bà Eva ăn trái cấm trong Vườn Địa Đàng, khiến con người đã mất tình thân với Thiên Chúa và mang sự chết vào trần gian như ta đọc thấy trong Sách Sáng Thế., và Thư Rôma của Thánh Phaolô. (x. St 3: 1-6; Rm 5: 12)

Sau này, cũng chính quỷ Satan đã dám đến cám dỗ Chúa Giêsu ba lần trong rừng vắng, nơi Chúa ăn chay cầu nguyện. Chúa đã đánh bại và quát mắng nó: “ **Satan kia xéo đi.**” (Mt 4 : 10)

Chúa đã đánh bại Satan với Thần Khí của Thiên Chúa như lời Người đã nói với dân chúng chứng kiến việc Người trừ quỷ ra khỏi một nạn nhân bị nó làm cho câm và mù mắt:

“...còn nếu Tôi dựa vào Thần Khí Thiên Chúa mà trừ quỷ thì quả là triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông.” (Mt 13: 28)

Sau này, cũng Satan đã “**nhập vào Giuđa**” sau khi môn đệ này ăn miếng bánh Chúa trao cho trong đêm Tiệc Ly cuối cùng. Và y đã ra đi trong đêm tối để thi hành việc trao nộp Chúa cho bọn Thượng tế và kỳ mục Do Thái. (Ga 13 : 27)

Trước đó, Chúa Giêsu cũng đã nói với Phêrô về hiểm họa cám dỗ của Satan như sau:

“Si-mon, Si-mon ơi, kìa Satan đã xin được sàng anh em như người ta sàng gạo.” (Lc 22: 31)

Sàng như sàng gạo, nghĩa là cám dỗ mãnh liệt cho ta sa ngã. Vì thế, Chúa đã nhắc thêm cho Phêrô và các môn đệ Người phải luôn tỉnh thức mà cầu nguyện như sau:

“Anh em hãy canh thức mà cầu nguyện kẻo sa chước cám dỗ. Vì tinh thần thì hăng hái, nhưng thể xác lại yếu đuối.” (Lc 14: 38)

Chúa phải nhắc các môn đệ Người và tất cả chúng ta như vậy vì Người biết rằng Satan và bè lũ luôn rình rập từng giây từng phút để cám dỗ con người phạm tội nghịch cùng Thiên Chúa như chúng luôn thù nghịch Thiên Chúa và không muốn cho ai thuộc về Thiên Chúa nữa.

Tóm lại, ma quỷ là một thực thể không thể chối cãi được. Chúng có mặt cách vô hình trên trần gian, sau khi đã phản nghịch cùng Thiên Chúa và bị trục xuất ra khỏi Thiên Đàng như Kinh Thánh và giáo lý của Giáo Hội dạy. Chúng quả thực là kẻ thù đáng sợ cho mọi người tín hữu chúng ta, vì âm mưu thâm độc của chúng muốn lôi kéo chúng ta ra khỏi tình thương và tình thân với Chúa, khiến ta mất hy vọng được cứu rỗi nhờ công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô.

Do đó, muốn được cứu rỗi, muốn thuộc về Chúa để hưởng Thánh Nhan Người trên cõi vĩnh hằng, chúng ta không thể coi thường sự có mặt của ma quỷ hằng tỉnh thức và rình rập bên ta ngày đêm để cám dỗ ta làm những gì trái nghịch với tình thương, công bình và thánh thiện của Thiên Chúa là Cha cực tốt cực lành; Đấng giàu lòng yêu thương nhưng ghét mọi tội lỗi, vì tội lỗi là do ma quỷ gây ra như Thánh Gioan Tông Đồ đã dạy dưới đây:

“Ai phạm tội thì là người của ma quỷ

Vì ma quỷ phạm tội từ lúc khởi đầu

Sở dĩ Con Thiên Chúa xuất hiện

Là để phá hủy công việc của ma quỷ.” (1Ga 3:8)

Vậy chúng ta phải luôn tỉnh thức, luôn cầu nguyện và đề phòng để không sa chước cám dỗ của ma quỷ, là kẻ triệt để khai thác sự yếu đuối của bản tính con người và gương xấu của thế gian, của môi trường xã hội để mong xô chúng ta xuống vực thẳm hư mất đời đời cùng với chúng.. Cho nên, muốn được cứu rỗi để vào Nước Thiên Chúa mai sau, tất cả chúng ta, những người may mắn có được đức tin, phải cương quyết chống lại Satan và bè lũ để không phạm tội và mất hy vọng được cứu rỗi nhờ công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô.

Chúa Kitô đến trần gian để hy sinh mạng sống mình làm **“giá chuộc cho muôn người”** (Mt 20:28) nhưng Chúa không tiêu diệt hết mọi tội lỗi và kẻ gây ra tội lỗi là ma quỷ. Do đó, muốn được cứu rỗi để vào hưởng hạnh phúc Nước Trời với Chúa sau khi hoàn tất hành trình con người trên trần thế này, chúng ta chớ quên sự có mặt của tội lỗi và ma quỷ để phải liên li chiến đấu chống lại chúng với ơn Chúa phù giúp cho đến phút sau cùng của mỗi người chúng ta trên trần gian này. Phương pháp hữu hiệu để chiến thắng tội lỗi và ma quỷ là phải siêng năng cầu nguyện vì **“ không có Thầy anh em không làm gì được.”**(Ga 15:5) Nghĩa là không có ơn Chúa phù giúp thì chúng ta không dễ vượt qua mọi cám dỗ của ma quỷ, của xác thịt yếu đuối và lôi cuốn mạnh mẽ của thế gian với quá nhiều gương xấu và dịp tội.

Tóm lại, tội lỗi và ma quỷ có mặt trong trần gian và ở quanh mỗi người chúng ta để mong lôi kéo chúng ta ra khỏi tình thương và thân tình với Chúa khiến mất hy vọng được cứu rỗi nhờ công nghiệp cứu chuộc vô giá của Chúa Kitô. Do đó, muốn chiến thắng ma quỷ và tội lỗi, mọi người tín hữu chúng ta phải luôn cầu nguyện, nhất là năng rước Mình Thánh Chúa Kitô để được tăng sức mạnh thiêng liêng trong cuộc chiến chống tội lỗi và ma quỷ là kẻ gây ra mọi tội lỗi qua các cơn cảm dỗ liên lỉ và tinh quái của chúng. Amen.

Ước mong những giải đáp trên thỏa mãn câu hỏi đặt ra. Amen

Lm. Ngô Tôn Huân, Doctor of Ministry

VỀ MỤC LỤC

CÂU CHUYỆN TRÀNG HẠT MÂN CÔI TRONG MÙA DỊCH COVID – 19...

Chuyện đã cũ và chỉ xin phép được kể lại :



Trên một chuyến xe lửa về Paris, một sinh viên trẻ tuổi ngồi bên một cụ già...Chỉ ít phút sau khi tàu chuyển bánh, cụ già rút trong túi áo ra một tràng chuỗi hạt...và từ từ chìm đắm trong cầu nguyện...Người sinh viên quan sát cử chỉ của ông cụ với chút khinh thường của một người trẻ có học...Khi thấy ông cụ thoáng mở mắt, anh chàng ta vội nắm lấy cơ hội :

-Thưa ông, hình như ông vẫn còn “bám” vào những thứ nhảm nhí này ?!

-Đúng thế, người bạn trẻ, tôi vẫn “tin”, vẫn “bám” vào việc cầu nguyện với tràng hạt Mân Côi...Còn cậu thì sao ? Cậu không tin ư ?

Một cách ngạo mạn, “người bạn trẻ” phá lên cười và quả quyết:

-Lúc nhỏ tôi tin, nhưng bây giờ...làm sao tôi có thể tin vào những chuyện như thế nữa chứ...Thưa ông, khoa học đã thực sự mở mắt cho tôi...Ông cứ tin tôi đi : hãy quăng chuỗi tràng hạt và hãy học cho biết những khám phá mới, ông sẽ thấy rằng những gì ông tin từ trước đến giờ đều là mê tín dị đoan...

Ông cụ nhẹ nhàng và điềm tĩnh hỏi anh chàng sinh viên:

-Cậu vừa nói về những khám phá mới của khoa học...Cậu có cách nào giúp tôi hiểu được điều này không ?

Anh chàng sinh viên hăng hái đề nghị:

-Ông cứ cho tôi địa chỉ, tôi sẽ gửi đến cho ông một quyển sách...Ông tha hồ đi vào thế giới của khoa học...

Cụ già từ từ rút trong túi áo mình ra một tấm danh thiếp và trao cho cậu sinh viên...Đọc tấm danh thiếp, anh chàng sinh viên im lặng cúi đầu...và – khi ông cụ tiếp tục tròng chuỗi với đôi mắt lim dim – anh chàng đã nhẹ nhàng rời sang toa khác...Tấm danh thiếp ấy ghi : **“Louis Pasteur – viện nghiên cứu khoa học Paris”**...

Dĩ nhiên là không ai trong chúng ta – và hy vọng các bạn trẻ cũng thế - mà không biết đến Louis Pasteur (1822 – 1895) – nhà hóa học, nhà vi sinh vật học người Pháp với những phát hiện về nguyên tắc tiêm chủng, lên men vi sinh...Qua người đồ đệ của ông là Albert Calmette (1863 – 1933) – một bác sĩ, nhà vi khuẩn học, nhà miễn dịch học – Viện Pasteur Sài Gòn được thành lập năm 1891...Sau đó là Viện Pasteur Hà Nội năm 1925, Viện Pasteur Đà Lạt năm 1936...Riêng Viện Pasteur Nha Trang được thành lập năm 1895 do bác sĩ và là nhà vi khuẩn học Alexandre Yersin (1863 – 1943)...Ông qua đời tại Nha Trang và mộ phần ông được đặt tại Suối Dầu...Người viết cũng nhân cơ hội này để có đôi ba chi tiết nho nhỏ về những nhân cách lớn ấy...



Đức Ông Alfred Xuereb, thư ký cũ của Đức Phan-xi-cô, đã từng chia sẻ về ngài với Vatican Radio : *“ Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô không phí một phút nào ! Ngài làm việc không ngừng nghỉ, và khi thấy cần một khoảng dừng , ngài nhắm mắt lại và chẳng làm gì cả, mà chỉ ngồi đó và đọc kinh Mân Côi. Tôi nghĩ là ngài lần hạt ít nhất ba chuỗi mỗi ngày. Ngài bảo với tôi rằng: “Việc này giúp tôi nhẹ nhõm. Chuỗi Mân Côi là lời kinh đi cùng tôi, và đó cũng là lời kinh của người thường và các vị thánh...Đó là lời kinh từ trái tim tôi.” Và rồi sau khi đọc kinh xong, ngài lại lao vào công việc.”*

“Đó là lời kinh của người thường và các vị thánh...” – đây cũng là lý do người viết chọn bức ảnh đầu cho chuyện cầu nguyện với tràng hạt Mân Côi – một hoạt động nền móng của đời sống những người tin, và – ngay từ đầu mùa Chay – Chúa Giê-su nhắc nhở : *“Hãy vào phòng, đóng cửa lại, và cầu nguyện cùng Cha anh em”* (Mt 6 , 6a)...Lời kinh của “người thường”, nhưng hình ảnh rất đáng trân trọng ấy chắc là khó gặp trong hôm nay...nên là của “các vị thánh”...và sẽ mang rất nhiềuƠn Chúa đến trong thời COVID-19 để nhân loại lành và

thánh hơn ở Mùa Chay 2020 này... Chắc chắn COVID-19 sẽ được nhắc đến trong những tràng chuỗi của Đức Thánh Cha và của mỗi chúng ta...

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp

VỀ MỤC LỤC

Ý NGHĨA VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHỨNG NGHIỆM

LTS. "Thánh Thần, Hơi thở sống động của Giáo Hội" của ĐHY Suenens được dịch ra Việt ngữ gồm 3 cuốn. BBT sẵn lòng gửi cho ai muốn nhận một lần trọn bộ qua email để tham khảo. Xin chân thành cảm ơn.

Hồng Y L.J. Suenens

THÁNH THẦN, HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI

Quyển một

Nguyễn Đăng Trúc và Nguyễn Chính Kết
chuyển dịch ra Việt ngữ

Chương VI

Ý NGHĨA VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHỨNG NGHIỆM

Hơi thở Thánh Thần đã đến đánh thức các năng lực còn thiu ngủ trong Giáo Hội, đẩy lên những đoàn sủng còn ẩn khuất để truyền ban sức sống và niềm vui vốn là bản sắc của tuổi xuân và nếp sống Giáo Hội qua mọi thời đại lịch sử.

Lời chúc Giáng Sinh của Đức Phaolô VI
gửi các Hồng y ngày 21-12-1973

Chứng nghiệm tôn giáo tôi vừa mô tả đặt ra cho tất cả các vị hữu trách trong Giáo Hội một vấn đề suy xét tế nhị. Trước tiên phải nghiên cứu, rồi sau đó thử xác định ý nghĩa và tầm quan trọng của chính chứng nghiệm này.

1. Hiện diện và suy xét cần trọng

Đối diện với một sự kiện gì khác lạ xảy đến, như một bất ngờ đến từ Chúa Thánh Thần, người ta có thể có nhiều thái độ khác nhau: hoặc đón nhận nhưng suy xét với tiền kiến thuận lợi, hoặc ngờ vực không chấp nhận, hoặc bồng bột hứng khởi quá mức.

Tại Công Đồng, người ta đã bàn thảo nhiều về bốn phận cốt nghĩa «*các dấu chỉ thời đại*», nghĩa là phải đọc được những mời gọi của Thiên Chúa qua các nhu cầu của con người. Không bao giờ được quên phận vụ cần thiết này. Nhưng còn có bốn phận đọc ra những dấu chỉ mà Thiên Chúa ghi trên bầu trời, bên ngoài bối cảnh lịch sử xã hội thông thường, như trường hợp ngôi sao ở Bêlem đã mời gọi các đạo sĩ lên đường tìm kiếm. Khi gặp sự can thiệp nào đó của Thiên Chúa, bốn phận đầu tiên của chúng ta là phải tự đặt mình trong tư thế sẵn sàng. Chúng ta hẳn biết trước rằng tư tưởng của Thiên Chúa không phải là tư tưởng của chúng ta, và đường lối của Ngài không phải là đường lối của chúng ta (Is 55,8). Và chúng ta cũng tin rằng Thiên Chúa giàu xót thương, Ngài luôn xem sự khốn quẫn của chúng ta như lời kêu cứu đến Ngài. Vậy mà chưa bao giờ Giáo Hội bị khủng hoảng trầm trọng hơn bây giờ: dưới cái nhìn của con người thì cơ hồ như hết phương cứu chữa. Người ta không còn biết tìm giải cứu ở đâu ngoài Thiên Chúa: vì chỉ có ơn cứu độ nơi Danh Ngài.

Và giờ đây người ta thấy tái xuất hiện trên bầu trời Giáo Hội những biểu hiện của Thánh Thần, có vẻ tương tự như những biểu hiện mà các thế hệ Kitô giáo đầu tiên cảm nhận được. Sách Công Vụ Tông Đồ, các thư của Thánh Phaolô như mặc lại một sức sống mới, như thể Thiên Chúa đi vào vào lịch sử chúng ta thêm một lần nữa.

Trong câu văn được trưng dẫn ở đầu chương này, Đức Phaolô VI nói đến những năng lực đang thiu ngủ bỗng bừng dậy, những đoàn sủng đang ẩn tàng bỗng dấy lên. Cái nhìn của Ngài hẳn nhiên không chỉ giới hạn vào phong trào được gọi là đoàn sủng, nhưng những lời Ngài nói ra không phải được chọn lựa một cách vô tình.

Bản tính con người của chúng ta thường sợ Thiên Chúa can thiệp vào các công chuyện của mình, dù những công chuyện này đang có chiều hướng xấu đi. Chúng ta luôn chống lại bất cứ sự can thiệp nào đến từ bên ngoài như một nguy cơ bị vong thân. Chúng ta e sợ một sự khôn ngoan nào đó nằm ngoài khuôn khổ các luật lệ của chúng ta. Chỉ nghĩ đến việc Thiên Chúa can thiệp là chúng ta cảm thấy khó chịu. Chúng ta bỏ không thêm đọc những đoạn Kinh Thánh không phù hợp với cái khung tư tưởng của chúng ta; gần gũi với Thiên Chúa chỉ tổ làm chúng ta bất an. Chúng ta không thừa nhận sự gần gũi ấy mỗi khi nó mang một khuôn mặt quá cụ thể và làm đảo lộn nếp sống hàng ngày của chúng ta. Thế nhưng đứng ra chúng ta phải thật sự sợ mình không kịp thời nhận ra Thiên Chúa đang đến gần, sợ Ngài hện mà mình không gặp được, khi Ngài đến gõ cửa chúng ta.

Nếu có lãnh vực nào đó chúng ta cần đến huấn quyền – từng được thần học giải minh và được truyền thống và sự khôn ngoan từng trải xác thực – của Giáo Hội, thì đó chính là lãnh vực rộng lớn và tế nhị của đời sống tâm linh. Một hôm tôi nghe có người định nghĩa chức giám mục là «*đoàn sủng giúp phân định các đoàn sủng*». Đây không chỉ là một định nghĩa mà còn là một lời mời gọi chúng ta gánh lấy trách nhiệm; không được lẩn tránh bốn phận phục vụ Giáo Hội này của mình.

Khi sự việc xảy đến, dù muốn hay không, các mục tử được mời gọi phải phát biểu ý kiến và đưa ra những hướng dẫn. Các ngài không nên tránh né bốn phận bằng chủ trương «*đợi xem*», vì nếu vắng chủ chăn, bầy chiên sẽ tan tác. Chính chủ chăn chứ không phải bầy chiên phải chịu trách nhiệm về chuyện đi lạc này.

Đoàn sủng của các mục tử không phải là phản ứng tự động. Để đoàn sủng ấy có giá trị, người được mời gọi lên tiếng trước tiên phải có những thông tin chính xác, đa diện, càng gần nguồn gốc nguyên thủy càng tốt. Tránh đưa ra những phán quyết vội vã chỉ dựa vào các ấn

tượng, hay dựa vào một vài trường hợp đáng tiếc mà thân phận con người không sao tránh khỏi. Đoàn sủng về trí phán đoán được xây dựng trên sự cẩn trọng; sự cẩn trọng đòi hỏi ta phải xét đến tận cùng các sự việc, cân nhắc giá trị từng ý kiến hoặc từng nhân chứng. (Nhưng có sự cẩn trọng phạm tục và cẩn trọng siêu nhiên). Con người chúng ta thường dễ muốn thận trọng theo kiểu “ăn chắc”; nhưng chúng ta không được dừng lại đây để quên sự cẩn trọng siêu nhiên đang nhắc nhở chúng ta nên lo sợ không nhận ra được hành động của Thiên Chúa đang ở trong Giáo Hội và vì Giáo Hội. Chúng ta cần thiết phải cầu xin Thiên Chúa mở trí thông minh của chúng ta để chúng ta nhận ra Ngài cũng như công việc của Ngài, dẫu đôi khi công việc ấy khiến trí khôn ngoan hạn hẹp của chúng ta hoang mang, ngỡ ngàng.

Trong trường hợp này, để phán đoán cho đúng, bằng cách này hay cách khác phải tự đặt mình vào bên trong: một chứng nghiệm được phán đoán đúng nhất từ bên trong. Người ta có thể tưởng tượng ra đủ thứ «*hình thức hiện diện*» khác nhau, nhưng hình thức nâng đỡ thực sự là giải pháp tích cực có thể định hướng và hội nhập phong trào canh tân vào Giáo Hội. Theo tôi, điều quan trọng nhất là các giám mục phải đáp lại lời tỏ bày đầy cảm động mà hội nghị quốc tế đầu tiên ở South Bend năm 1973 ngỏ với các ngài. Không ai có thể quên cảnh hoan hô nhiệt liệt của hai mươi lăm ngàn thành viên khi diễn giả nhấn mạnh rằng mọi người đều muốn sống hiệp thông chặt chẽ với các mục tử Giáo Hội. Sự hiện diện và hướng dẫn của các mục tử không nên có tính cách áp đặt, độc đoán: Tất cả những luật lệ quá khắt khe sợ rằng chỉ là phản ứng hấp tấp và sẽ phương hại cho sự sống và sự hồn nhiên. Đức Giêsu đã chẳng đề nghị chúng ta đôi khi cứ để mặc cỏ lùng mọc lên giữa hạt giống tốt để khỏi làm hại đến vụ gặt sắp đến đó sao? Và vụ gặt này đúng là được mùa và bội thu. Với tư cách giám mục, chúng ta có bổn phận tôn trọng sự tự do thánh thiện của con cái Thiên Chúa, mà vẫn phục vụ họ như những «*người phục vụ niềm vui*» (x. 2Cr 1,24). Sự khôn ngoan siêu nhiên của Giáo Hội và các vị thánh mà Giáo Hội đã sản sinh ra hẳn sẽ đem lại nhiều lợi ích cho mọi người.

Đó là ý nghĩa huấn dụ mà Đức Thánh Cha Phaolô VI ngỏ với các đại biểu của Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng toàn cầu, qui tụ tại Grottaferrata từ ngày 9 đến 11 tháng 10 năm 1973. Hôm ấy, sau cuộc tiếp kiến chung, Đức Thánh Cha đã tiếp riêng một nhóm đại biểu các nhà lãnh đạo đến từ các lục địa khác nhau. Nhóm này cùng đi với Đức TGM Hayes thuộc giáo phận Halifax (Canada), và Đức GM McKinney người Mỹ. Sau đây là toàn bản bài diễn văn của Đức Thánh Cha ngỏ với nhóm trên đăng trong tờ *Osservatore Romano* ngày 11 tháng 10 năm 1973. Chúng tôi thêm vào trong móc đơn một số lời ứng khẩu của Đức Thánh Cha, như bản được đăng trong tờ *New Covenant* tháng 12 năm 1973.

[Cha rất lưu tâm đến những gì các con đang thực hiện. Cha đã nghe nói về những điều xảy ra giữa các con và cha lấy đó làm vui mừng. Cha có nhiều câu hỏi muốn nói với các con, nhưng thời gian không cho phép].

« Giờ đây cha mong nói chuyện với các con, những người tham dự đại hội ở Grottaferrata. Các con thân mến, cha xin chia vui cùng các con về trào lưu Canh Tân đời sống thiêng liêng đang được thực hiện trong Giáo Hội hôm nay dưới nhiều hình thức và tại nhiều địa điểm khác nhau. Trong cuộc Canh Tân này ta thấy xuất hiện một số điểm chung: ham thích cầu nguyện sâu xa, riêng một mình hoặc chung với cộng đoàn, quay về với chiêm niệm, nhấn mạnh việc ngợi khen Thiên Chúa, ước muốn dâng mình trọn vẹn cho Đức Kitô, sẵn sàng đáp lại lời mời gọi của Thánh Thần, chuyển chú đọc Thánh Kinh hơn, sống tình huynh đệ một cách đại độ cởi mở, ước muốn góp phần phục vụ Giáo Hội. Qua tất cả điều ấy, cha có thể nhận ra công trình kỳ diệu và kín đáo của Thánh Thần, là linh hồn của Giáo Hội.

Đời sống thiêng liêng trước hết dựa trên việc thực hành các nhân đức Tin, Cậy và Mến, lấy việc tuyên xưng đức tin làm nền tảng. Việc tuyên xưng này được ủy thác cho các mục tử trong Giáo Hội để các vị ấy gìn giữ đức tin tinh tuyền, và giúp nó triển nở trong tất cả mọi hoạt động của cộng đồng Kitô hữu. Thật thế, đời sống thiêng liêng của các tín hữu thuộc phạm vi trách nhiệm hoạt động mục vụ của mỗi giám mục trong giáo phận của mình. Đây là dịp thuận lợi đặc biệt để nhắc lại cho các ngài điều này trước sự hiện diện của những viên men Canh Tân đang dấy lên bao hy vọng!

Và lại, ngay cả trong những chứng nghiệm tuyệt vời nhất về Canh Tân, cỏ lùng vẫn có thể trà trộn với những hạt giống tốt. Vì thế, sự phân biệt rất cần thiết. Đây là bổn phận của những vị có trách nhiệm trong Giáo Hội. «Các vị ấy có bổn phận đặc biệt, không phải là

dập tắt Thánh Thần, mà là xem xét mọi thứ để chỉ giữ lại những gì tốt lành» (x. 1Tx 5,12 và 19-21; GH 12). Như thế các ơn huệ của Thánh Thần được sắp xếp nhằm phát triển thiện ích chung trong Giáo Hội (x. 1Cr 12,7).

Cha sẽ cầu nguyện cho các con được tràn đầy Thánh Thần, được sống trong niềm vui và ân sủng Ngài. Xin các con cầu nguyện cho cha cũng như cha luôn nhớ đến các con khi dâng thánh lễ».

2. Xem quả biết cây

Chính tôi đã tiếp xúc tại chỗ với các vị lãnh đạo và các nhà thần học về sự bùng nổ tâm thức tôn giáo này tại Hoa Kỳ và các nơi khác. Vì thế, tự nhiên tôi muốn nêu lên những điểm chung mà ở đâu tôi cũng thấy có. Nếu các đoàn sủng thực hư thế nào thường khó mà phân biệt được, thì ngược lại các hoa quả của Thánh Thần mà Thánh Phaolô nói đến lại luôn luôn dễ nhận ra (Gl 5,22 -23).

Đức Giêsu đã khuyên ta xem quả để biết cây. Tiêu chuẩn này rất chắc chắn. Nhiều cuộc điều tra mới đây của những người có những lập trường khác nhau đều đi đến những kết luận tích cực giống nhau. Trong số đó phải kể đến phán đoán tinh tế nhưng nhiệt thành của mục sư Appia, phụ trách việc liên lạc của Liên Hội Tin Lành Pháp với Giáo Hội Công Giáo. Mục sư này đã thực hiện một cuộc thăm dò rất tỉ mỉ với một nhóm đại biểu Pháp. Phán đoán của vị này rất giống với kết luận của tôi và của những người cộng tác với tôi, đã từng đích thân tìm hiểu ở hiện trường.

Tôi xin kể ra đây một vài kết quả đáng lưu ý mà người ta đã biết đến, nhưng không sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

Đức Kitô làm trung tâm

Trước hết, người ta nhận thấy linh đạo nền tảng ấy rõ ràng hướng về Đức Giêsu, được sống bằng chứng nghiệm cụ thể trong mối tương quan thân mật. Đức Kitô, «*Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần*» được lưu tâm trước hết. Sự thân tình đôi bên đã biến thành một cuộc gặp gỡ mà trong đó Đức Giêsu khởi xướng cuộc đối thoại và trao đổi, đồng thời mời gọi chúng ta tham dự vào. Sự việc này như giúp khám phá nét linh động của Kitô giáo, nó không còn như một ý thức hệ hay một «*chủ thuyết triết học*», mà như một cuộc gặp gỡ với con người thật sự và sống động nơi Đức Giêsu. Một Giêsu được nhìn nhận là Đấng Cứu Thế, là Thầy, là Mục Tử, là Đường, là sự Thật, là sự Sống, là Alpha và Omega, cho chính mình cũng như cho nhân loại. Nên nhớ rằng Đức Giêsu, trọng tâm của phong trào Canh Tân, chính là Đức Giêsu trong đức tin của chúng ta: Ngài là Con Thiên Chúa, đến trong xác phàm, là Thiên Chúa do Thiên Chúa sinh ra, là Ngôi Lời ở cùng và ở trong Thiên Chúa. Nơi Ngài trọn vẹn thần tính cư ngụ trong xác thể. Ngài đã chịu đau khổ vì chúng ta, chỉ dạy cho chúng ta con đường sống. Mọi quyền hành trên trời dưới đất đã được trao cho Ngài. Ngài cho chúng ta tham dự vào sản nghiệp của Ngài là Thánh Thần rất thánh thiện.

Sự thân mật mới mẻ này với Chúa Giêsu, được thể hiện trực tiếp chứ không còn qua trung gian bức màn các ý tưởng «*về Đức Giêsu*» nữa; từ cuộc gặp gỡ cụ thể này một đặc trưng thứ hai phát sinh: đó là ý thức mới mẻ về cầu nguyện, coi cầu nguyện là lắng nghe Chúa nói. Nói về Thiên Chúa là một chuyện còn nói với Thiên Chúa lại là chuyện khác. Giữa hai chuyện này có sự khác biệt lớn lao.

Đời sống cầu nguyện

Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng thực hiện việc đào sâu đời sống cầu nguyện, cầu nguyện riêng tư cũng như cầu nguyện cộng đồng. Tâm hồn mở rộng đón nhận Thánh Thần thâm nhập sâu xa hơn, Ngài là «*Đấng thấu suốt cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa*» (x. 1Cr 2,10), Đấng dẫn đưa chúng ta đến với Chúa Cha và giúp chúng ta sống màu nhiệm Ba Ngôi. Nỗi khát khao Thiên Chúa triển nở khiến họ thích gia tăng và kéo dài việc cầu nguyện để cảm nhận được nhiều hơn ánh sáng và sự hiện diện của Thánh Thần. Khi cầu nguyện có lúc họ im

lặng, có lúc nói nhỏ, có lúc lại hát lên trong bầu khí tĩnh tâm, vui tươi, thư thái; có một cái gì đấy hấp dẫn họ khiến họ cầu nguyện một cách tự phát. Người ta thấy lời khuyên của Thánh Phaolô gởi tín hữu Êphêso được thể hiện từng chữ: «*Hãy thấm nhuần Thánh Thần. Hãy cùng nhau đối đáp những bài Thánh Vịnh, thánh thi và thánh ca do Thánh Thần linh ứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa. Trong mọi hoàn cảnh và trong mọi sự, hãy nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha*» (Ep 5,18,20).

Phẩm chất cầu nguyện cũng đáng làm ta ngạc nhiên. Tuy không loại bỏ việc xin ơn và xin chuyển cầu, nhưng cách cầu nguyện này có điểm nổi bật mà chúng ta không quen thực hiện khi cầu nguyện riêng, đó là những lời thuần túy *ngợi khen Thiên Chúa*. Câu «*hãy ngợi khen Chúa*» được lặp lại nhiều lần không khác gì điệp ca A-lê-lu-ia trong mùa Phục Sinh. Nó nói lên tình yêu của họ vì chính Thiên Chúa và ở trong Ngài.

Giới trẻ đặc biệt ưa thích và đánh giá cao kiểu cầu nguyện có đặc tính tự phát này. Đó là kiểu cầu nguyện hồn nhiên, bằng cả thân thể để diễn tả một cách phù hợp những tâm tình khi cầu nguyện, chẳng hạn giơ cao tay lên hoặc nắm tay nhau biểu lộ sự hiệp thông. Cầu nguyện kiểu này rất ích lợi cho những ai muốn từ bỏ tính vị kỷ, muốn thoát khỏi những ngại ngùng và những thành kiến cố hữu của mình. Đáng khác, theo như tôi đánh giá, những lời cầu nguyện tự phát này là một ân sủng cho Giáo Hội ngày nay; vì nhiều biểu lộ sùng kính bình dân như giờ thánh, lần chuỗi, dâng Thánh Giá, v.v... hiện nay đã biến mất hay cơ hồ biến mất khỏi Giáo Hội, tạo ra một lỗ hổng tâm linh. Chúng ta cần có phương thuốc chữa trị.

Kiểu cầu nguyện này – là hình thức chuyển tiếp giữa cầu nguyện thuần túy cá nhân và cầu nguyện phụng vụ chính thức – còn có thể giúp phổ biến và đẩy lên việc cầu nguyện trong các gia đình hay trong những cộng đoàn hết sức khác nhau: như các giáo xứ, các tổ chức, đoàn thể, hội dòng, tu viện. Lời cầu nguyện đoàn sùng tự phát có thể đóng góp rất nhiều vào việc tìm lại ý nghĩa của cầu nguyện đích thực vốn bắt nguồn từ sự sống và được biến đổi tùy theo môi trường. Hình thức uyển chuyển của lời cầu nguyện ấy cũng có thể giúp cho một bộ phận nào đó trong phụng vụ thêm linh động. Hơn nữa nó cởi mở đón nhận tất cả những biểu hiện của Thánh Thần, nhờ vậy tự nhiên nó có thể là cách cầu nguyện hòa điệu, diễn tả phong phú kho tàng hồng ân của Thiên Chúa.

Có người chê bai lối cầu nguyện tự phát vì cho rằng nó biểu lộ quá nhiều cảm xúc. Ta nên phân tích sâu sát hơn phản ứng tiêu cực này. Người ta bài bác việc biểu lộ «*xúc cảm*» khi cầu nguyện, nhưng kỳ thực lại cảm thấy thích tính cách linh hoạt thiết thân với Chúa khi cầu nguyện. Chúng ta quá quen thuộc với khuynh hướng vụ hình thức, chuộng lễ nghi, thích quy ước «*xưa-nay*» khi cầu nguyện, nên rất dễ e dè ngại ngùng. Chúng ta sợ phải biểu lộ con người thực của mình trước Thiên Chúa và trước người khác. Từ đó bản năng tự vệ khiến ta lấy cớ là «*quá chuộng cảm xúc*» để bài bác những gì trong thực tế chỉ là thái độ thành thực khi cầu nguyện mà thôi.

Chúng ta tránh né biểu lộ tâm tình khi giao tiếp với Thiên Chúa hoặc có thể nói chúng ta muốn một lối cầu nguyện chung chung, không thân thiết chi như thuộc về những Giáo Hội khô cứng và trơ trụi. Cần chống lại việc lạm dụng lối hiểu lời Đức Giêsu khi Ngài mời gọi chúng ta thờ phượng Thiên Chúa *trong tinh thần và chân lý*. Chúa Kitô đã nhập thể, tôn giáo của Ngài đầy tính con người và hấp dẫn mọi người. Thứ đạo đức nào xa lạ với nhân tính đều không phù hợp với lý lẽ của mầu nhiệm Nhập Thể. Đức Giêsu đã đến để cứu chuộc toàn bộ con người, bao gồm cả tình cảm của họ.

Cầu nguyện đoàn sùng thiết yếu được tài bồi qua việc chuyên cần đọc Thánh Kinh. Đọc Thánh Kinh đóng một vai trò quan trọng trong thời gian tụ họp nhau cầu nguyện, cũng như trong đời sống cá nhân và tập thể. Khi tái khám phá Kinh Thánh, người ta cảm thấy một sự khao khát mới về Lời Chúa, nhưng không phải khao khát trước tiên về mặt chú giải – dù vẫn không coi thường công việc này – mà khao khát về mặt sự sống. Đức Giêsu nói: «*Lời của tôi là thần và là sự sống*» (Ga 6,63). Người ta cảm thấy lời của Ngài trở thành lương thực. Tôi nghĩ đến ngôn sứ Giêrêmia: «*Gặp lời Chúa con đã nuốt vào, Lời Ngài làm con hoan hỷ*» (Gr 15,16).

Phong trào Canh Tân góp phần làm cho khoa chú giải tiến triển, không phải vì đưa ra những giải đáp mới mẻ mà vì đã đặt ra những câu hỏi mới; phong trào mời gọi ta tìm hiểu bản văn sâu sát hơn nữa, khởi đi từ cuộc sống.

Ân sủng mà phong trào Canh Tân đem lại là đọc và sống Lời Chúa một cách sâu xa. Ân

sủng này được thể hiện bằng nhiều cách, với sự quan tâm tiếp xúc với Lời Chúa và hoàn cảnh sống cụ thể. Nếu có được một người hướng dẫn có năng cách hiện diện để giúp đỡ các nhóm khỏi rơi vào tình trạng bảo căn cực đoan hoặc giải thích tùy tiện thì thật là quý hóa!

Cầu nguyện và «nói tiếng lạ»

Người ngoài đến tham dự lần đầu tiên một buổi tụ họp cầu nguyện kiểu đoàn sủng sẽ lấy làm lạ khi thỉnh thoảng nghe người trong nhóm cầu nguyện hay hát bằng những ngôn ngữ lạ. Khi tiếp xúc lần đầu, người ta sẽ bối rối bởi những biểu lộ tự phát qua lời nói này, vì những âm phát ra nối tiếp nhau chẳng ăn khớp thành câu nói có ý nghĩa, ngay cả đối với chính người phát ra những lời ấy. Cần phải hiểu đích xác sự việc này. Không được quan trọng hóa hay giảm nhẹ giá trị lời cầu nguyện bằng thứ tiếng dị thường ấy.

Không kỳ bí...

Theo lối giải thích thông thường của phái Ngũ Tuần được khá nhiều người trong họ chấp nhận, thì đây có thể là thứ ơn lạ lùng khiến người ta nói tiếng lạ mà chính họ (người nói) chẳng hiểu gì. Vả lại, việc nhận được ơn này cũng có thể bảo chứng rằng người ta đã thực sự được rửa trong Thánh Thần. Như chúng ta đã nói, theo truyền thống Công Giáo, ơn nói tiếng lạ không phải là lối trắc nghiệm của «*Phép Rửa trong Thánh Thần*». Bây giờ tôi xin nói thêm ở đây: theo tôi, việc «*nói tiếng lạ*» không có nghĩa là nói bằng một thứ ngôn ngữ lạ lùng nào đó không ai biết, mà chính người nói cũng không hiểu được. Ngược với quan điểm đã được phổ biến rộng rãi, thậm chí ngay cả trong môi trường đoàn sủng không thuộc phái Ngũ Tuần, tôi không tin rằng cách diễn tả ấy có ý nghĩa như thế. Nói thế không có nghĩa là trong một vài trường hợp họa hiếm, như được xếp vào khuôn khổ phép lạ, người ta vẫn có thể chứng kiến có một lối nói lạ lùng xảy ra trong lúc cầu nguyện. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng phải nhấn mạnh đến sự hiếm hoi của trường hợp này, và phải đề phòng tất cả mọi hình thức chủ trương tìm cảm giác mạnh. Theo tôi, đây không phải là một thứ ngôn ngữ kỳ bí, thiên phú, từ trời xuống: ý nghĩa của nó phải tìm ở một bình diện khác.

Cũng chẳng bệnh hoạn...

Trái ngược hẳn cái nhìn trên, những người quan sát, nhất là trong giới phân tâm học, thường nhún vai xem hiện tượng nói trên là một thứ bệnh lý, là những cảm xúc bùng nổ, là cuồng loạn tập thể, là trò trẻ con. Nhưng lối hiểu biết khoa học thật sự lại không quyết đoán như thế. Một trong những chuyên gia giỏi nhất về vấn đề này, ông William J. Samarin, giáo sư nhân chủng học và ngôn ngữ học tại đại học Toronto, sau khi điều tra sâu rộng trong thời gian dài tại nhiều quốc gia, đã kết luận bằng một xác quyết rất rõ ràng là hiện tượng nói tiếng lạ ấy chẳng có gì là bất thường hay bệnh hoạn; và ông ta đã trưng dẫn nhiều bằng cứ về kết luận ấy.¹ Nếu chẳng phải là mầu nhiệm, chẳng là bệnh lý, thì phải hiểu hiện tượng này thế nào cho thích đáng?

Kỳ thực là gì?

Trước tiên phải nhận ra rằng đây là một phương thức biểu hiện được đề cập trong Thánh Kinh. Người ta tìm được tới ba chục chỗ ám chỉ hiện tượng này. Chẳng hạn trong Tân Ước, sách Công Vụ Tông Đồ (Cv 2,4-11; 10,46; 19,6), các thư của thánh Phaolô (1Cr 12,30; 13,1; 14,2.39); và Tin Mừng Mác-cô (Mc 16,17) thuật lại việc Đức Giêsu hứa với các môn đệ rằng họ sẽ nói được những thứ tiếng lạ. Dù chú giải thế nào đi nữa, đây vẫn là một hiện tượng được Kinh Thánh công nhận là có thực và khá thường xuyên. Thánh Phaolô bảo rằng «*ơn*» này ít quan trọng nhất trong tất cả các ơn, chính ngài cũng được ơn này và mong ước những kẻ khác cũng có, nhưng cần phải cẩn thận để ơn này xảy ra theo chiều hướng tốt lành trong các buổi cầu nguyện cộng đồng. Vì thế, người ta không thể phủ nhận nền tảng của nó trong Thánh Kinh. Ngoài ra người ta cũng tìm thấy ơn này trong truyền thống sống động của Giáo Hội; ban đầu khá phổ biến, sau đó hiếm hơn, ngoại trừ trong các tu viện hay trong đời sống các thánh.

¹ William J SAMARIN, *Tongues of men and angels* (Ngôn ngữ của con người và thiên thần), Mac Milan Company New York, 1972.

Các thần học gia có bốn phân nghiên cứu điều này hơn nữa, không chỉ trong các bản văn mà trong cuộc sống. Tôi xin ghi ra đây vài suy tư cá nhân nhưng không tham vọng cho rằng đó là những suy tư rất ráo hoặc cuối cùng.

Theo tôi, điều quan trọng là trước tiên phải lưu ý rằng, nhờ phép rửa tội, mỗi Kitô hữu sau khi nhận lãnh Thánh Thần đều sở hữu tất cả ơn trên dưới dạng tiềm năng. Những biểu hiện hữu hình hay việc thực hiện các ơn ấy cho ta thấy sự hiện diện sẵn của chúng: người tín hữu không tạo ra sự hiện diện của các ơn ấy được. Nhưng lối hiểu Thánh Kinh kiểu «*ôm chân chữ*» (hay là chấp vào chữ) có thể dẫn đến chuyện coi các ơn Thiên Chúa ban như những đồ vật: đừng quên điều ấy! Người ta đâu thể hạ thấp giá trị ơn «*nói tiếng lạ*» khi đặt nó vào bình diện tự nhiên; điều gọi là tự nhiên đó sẽ trở thành siêu nhiên trong cảnh vực được Chúa Thánh Thần thúc đẩy cầu nguyện. Hơn nữa, nên nhớ rằng theo một nghĩa nào đó, tất cả đều là ân huệ, «*tất cả đều là ân sủng*».

Hình thức cầu nguyện hồn nhiên ấy - đi trước suy nghĩ của trí phán đoán - nằm trong khả năng của người cầu nguyện. Nó vẫn là một sinh hoạt của nhân tính bình thường. Đây là một hình thức biểu lộ thành lời nói không bị chi phối bởi một lối cấu trúc ngôn ngữ nhất định. Phương thức biểu lộ này, vốn quen thuộc với những nền văn minh khác, và thật ra không đến nỗi xa lạ với tập tục của chúng ta như người ta nghĩ. Hãy thử nghĩ đến khung cảnh từng bừng hoan hỉ khi cất tiếng hát A-lê-lu-ia trong một thánh lễ Phục Sinh có hát bình ca thì sẽ thấy. Hãy thử quan sát một em nhỏ dùng cách thức diễn đạt này để biểu lộ ra niềm vui của em thì biết. Người ta bảo cầu nguyện bằng tiếng lạ đối với việc cầu nguyện cũng giống như nghệ thuật trừu tượng đối với lối vẽ biểu tượng vậy. Theo tôi, lối so sánh này rất hay.

Người ta cũng thường so sánh ơn nói tiếng lạ với ơn trào nước mắt. Ai cũng có thể khóc khi xúc động, và đôi khi người nghệ sĩ có thể làm cho ta ứa nước mắt: tất cả những chuyện ấy đều bình thường. Tuy nhiên, có một ân sủng gọi là ơn than khóc, được truyền thống tâm linh lâu đời trong Giáo Hội nhìn nhận, thậm chí còn được diễn tả bằng nghi thức. Đây là một hình thức biểu lộ tâm linh sâu xa để nói lên điều khó có thể nói lên được, chẳng hạn như tâm tình thống hối, tôn thờ hay biết ơn trước Thiên Chúa. Nếu đem phân tích, những giọt lệ này chẳng khác gì những giọt lệ thông thường, nhưng ý nghĩa tôn giáo của nó vượt lên trên tính vật chất của nó. Từ đó, chúng ta có thể suy ra để thâm hiểu vấn đề.

Giá trị tôn giáo của «ơn nói tiếng lạ»

Sau khi thử định vị cách cầu nguyện này, việc còn lại là nhận định cụ thể giá trị thiêng liêng của nó. Có quá nhiều chứng từ – cả chứng từ của tôi nữa – xác nhận rằng cách cầu nguyện này là một hình thức (đi đến vô chấp) giải tỏa *bản ngã*, tháo gỡ và giải phóng nội tâm trước Thiên Chúa và tha nhân. Nếu khởi thủy, người ta chấp nhận tâm tình khiêm tốn để đi vào lối cầu nguyện này – như liềm lĩnh chấp nhận về ấu trĩ và tức cười bên ngoài – thì không lâu họ sẽ cảm nhận được niềm vui khi khám phá ra một phương cách cầu nguyện mới vượt trên qui ước ngôn ngữ và lối suy luận trí não. Nó đem lại bình an và hân hoan. Cách cầu nguyện này không loại trừ bất kỳ cách cầu nguyện nào khác và có thể thực hành một mình hay tập thể. Khi được biểu hiện thành một bài hát mà cả tập thể tự ứng tấu tại chỗ, lời cầu nguyện này thường gây ấn tượng tốt đẹp lạ thường, tạo nên một tâm tình tôn giáo mạnh mẽ nơi những người khiêm tốn lắng nghe.

Nếu Thánh Phaolô coi ơn huệ này là bé nhỏ nhất trong các ơn – dù chính ngài vẫn cũng được ơn này – phải chăng là vì nó giống như một con đường dẫn đến các ơn khác, hay như một thứ cửa thấp, muốn vào thì phải khom mình xuống mới vào được? Hành vi khiêm tốn và tinh thần trẻ thơ đưa ta đến với Nước Thiên Chúa. «*Nếu các người không trở nên như trẻ nhỏ ...*», người ta biết câu này của Đức Giêsu, câu ấy ý nghĩa rất sâu xa. Ơn huệ không cần trí trí não này tạo ra một lối thoát trong hệ thống bảo thủ và tự vệ của chúng ta: nó giúp ta vượt qua một thứ ngưỡng cửa, đưa ta đến sự giải thoát và quên mình để hướng đến Thiên Chúa. Đối với những người sẵn sàng từ bỏ mình, thì sự từ bỏ ấy khiến cho tâm hồn và thể xác của người ấy thuộc về Thánh Thần, Đấng luôn giang tay rộng đón chúng ta. Dầu chỉ là điểm khởi đầu nhưng không kém quý giá, vì ơn huệ này thể hiện sự tự do nội tâm của con cái Thiên Chúa.

Karl Barth đã mô tả ơn cầu nguyện bằng tiếng lạ như «*một nỗ lực diễn tả những gì không thể diễn tả được*». Thánh Phaolô thì bảo rằng «*Chính Thánh Thần can thiệp cho chúng*

ta bằng những lời rên siết khôn tả» (Rm 8,26). Ta cần hợp lòng hợp ý với lời cầu nguyện kỳ diệu, không thành câu cú này, và cứ để Thiên Chúa thay ta ca tụng, cảm tạ Ngài về thứ tình yêu «*vượt trên mọi hiểu biết*» của Ngài (Ep 3,19). Nói theo ngôn ngữ tâm lý học thì có thể đó là tiếng nói của tiềm thức nói với Thiên Chúa. Đó là cách tiềm thức chúng ta diễn tả tương tự như trong các giấc mộng, tiếng cười, tiếng khóc, hình vẽ, nhảy múa. Nó diễn ra trong chiều sâu tâm thức chúng ta: nhờ vậy người ta có thể chữa trị hiệu quả những vết thương tiềm ẩn làm đời sống nội tâm không phát triển được.

Nói chung, phải thú nhận rằng chúng ta hết sức ngại ngùng khi biểu lộ ra ngoài những tâm tình tôn giáo sâu xa đối với Thiên Chúa cũng như đối với tha nhân. Ngay cả các linh mục hay các tu sĩ cũng cảm thấy phải vượt qua bao nhiêu khó khăn mới có thể «*tự bộc lộ bản thân mình*» về chiều sâu tâm linh cho anh em bạn bè, mà ngày ngày chỉ biết sống bên cạnh nhau một cách hời hợt. Chúng ta đã bị co cứng trong nét chuộng hình thức và ưa thích nghi lễ; sau bao nhiêu thế kỷ thụ động, các cộng đoàn Kitô hữu chúng ta vừa mới thức tỉnh để đón nhận lối diễn tả mang tính cộng đồng trong phụng vụ. Chúng ta vẫn chưa tìm ra hơi ấm thích hợp cho một buổi lễ, một cử hành đầy tình huynh đệ. Bữa giá đang tan từ từ. Mới đây, Đức Phaolô VI có cảnh báo việc cầu nguyện theo kiểu sáo mòn và việc lạm dụng những công thức soạn sẵn. Nay người ta đang khám phá ra một vài phương thức cầu nguyện mới mẻ, diễn tả qua cử chỉ toàn thân thể và hiệp thông với nhau.

Người ta cũng ngày càng quan tâm đến những phong cách sống và phong cách cầu nguyện mới chịu ảnh hưởng triết học đông phương, và người ta chú tâm nghiên cứu nhiều hơn về cách cầu nguyện của những dân tộc không phải Âu Châu, đỡ sợ cứng hơn chúng ta.

Đương nhiên giới trẻ đi theo chiều hướng này. Việc cầu nguyện bằng tiếng lạ không còn là chuyện cổ xưa nữa, nó có thể là một yếu tố canh tân trong nhiều lãnh vực.

Vì thế, không nên ngạc nhiên khi thấy tái hiện một phong cách cầu nguyện vốn không xa lạ gì với truyền thống tâm linh chân thực. Một khi người ta đã có thể tự biểu lộ những tâm tình tôn giáo một cách tự do, người ta sẽ cảm thấy thực sự có nhu cầu phải chia sẻ với người khác những tâm tình của mình. Người ta sẽ cảm thấy bình thường và hữu ích khi mình có thể ca ngợi, thờ phượng, tôn vinh, yêu mến Thiên Chúa theo tất cả những cách diễn tả mà mình thấy thích hợp, - theo mỗi cách rung vang của những sợi dây trong cây đàn - . Việc cầu nguyện bằng tiếng lạ đối với những ai nắm được ý nghĩa của nó là một trong những cách diễn tả ấy.

Theo tôi, quan niệm như thế thì việc cầu nguyện bằng tiếng lạ sẽ làm cho đời sống tâm linh phong phú hơn. Chính vì thế tôi không ngần ngại xếp nó vào số các hoa trái của ân sủng.

Cầu nguyện và hoạt động xã hội

Mới đầu người ta lo xa rằng, nhấn mạnh vào việc cầu nguyện là hỗ trợ cho một số người có khuynh hướng sùng đạo một cách ích kỷ, tạo hố ngăn cách giữa đời sống thiêng liêng và việc dân thân hoạt động xã hội, là xa rời trần thế. Họ nói rất đúng: có đức tin không phải chỉ là cứ ngược mắt lên nhìn Chúa để chiêm ngưỡng Ngài, mà còn phải nhìn vào thế giới nữa, nhưng bằng đôi mắt của Đức Kitô.

Tuy nhiên, nhờ những lời cảnh giác như thế, người ta đã tiên liệu và tìm được một lối cân bằng hữu hiệu qua những sáng kiến dân thân xã hội khác nhau xuất phát từ các nhóm cầu nguyện. Chung chung, những hành động dân thân xã hội này có tính cách trực tiếp và nằm trong tầm tay, hơn là những phong trào tập thể rộng lớn. Nhưng cả hai thứ ấy – cầu nguyện và hoạt động – không loại trừ nhau; và sự hiệp thông trong lời cầu nguyện hẳn hướng đến toàn cộng đồng huynh đệ nhân loại, hàm ngụ tất cả những thăng trầm xã hội và chính trị mà thế giới đang sống.

Ý thức cuộc sống Giáo Hội

Một đặc trưng khác nữa: thông thường, người ta nhận thấy lối cầu nguyện trên diễn tả lòng hiếu thảo đối với Giáo Hội; người cầu nguyện nhìn nhận Giáo Hội là người mẹ tâm linh, trên mặt định chế lẫn nơi chiều kích bí tích. Vì không thiên hữu hay thiên tả về mặt ý thức hệ, Phong Trào Canh Tân Đoàn Sủng quy tụ được những khuynh hướng Kitô giáo hết sức đa

dạng. Nhờ sống tình huynh đệ chan hòa người ta vượt qua được những đối cực xung đột. Việc gặp nhau trong lời cầu nguyện tạo nên những yếu tố mạnh mẽ chống lại những chia rẽ sâu xé nhau. Những gì đã xảy ra cho thấy kết quả mang lại sẽ không nhỏ. Nói chung, người ta được hít thở thứ không khí trong lành, xa hẳn những tranh chấp, cay chua, châm chích nhau. Làm như thế chính là cùng nhau xây dựng Giáo Hội trên một nền tảng duy nhất là Đức Giêsu, Ngài vừa là Chúa vừa là Đấng Cứu Độ.

Hiển nhiên chúng ta mong ước cho đặc trưng Công Giáo (= phổ cập) này tồn tại và lớn mạnh lên trong các nhóm đoàn sủng. Mọi hình thức ưu tuyển rồi sẽ tàn lụi: không có thứ Kitô hữu siêu-đẳng.

3. Ý nghĩa và tầm quan trọng của chứng nghiệm

Xem quả biết cây là một cách trắc nghiệm có giá trị đối với mọi công việc của Thánh Thần; chúng ta vui mừng khi thấy rất nhiều biểu hiện của Thánh Thần đáp ứng được tiêu chuẩn ấy.

Nếu tôi đã nói phong trào Canh Tân là sự biểu hiện ưu việt của Thánh Thần vào thời buổi hiện tại thì không có nghĩa đó là một sự biểu hiện độc hữu, thay thế mọi biểu hiện khác. Xin đừng hiểu sai tư tưởng của tôi. Tuy nhiên, tôi chắc chắn tin rằng chúng ta đang đứng trước một ân sủng đặc biệt dành cho Giáo Hội, nếu chúng ta biết đón nhận ơn ấy, hướng dẫn từ bên trong cách hoạt động của nó, bảo vệ nó khỏi những giả trá mà Thần Dữ không ngừng tạo nên, và để ơn ấy thấm nhập vào chính lối sống – cá nhân cũng như tập thể – của chúng ta.

Người Kitô hữu «bình thường»

Mọi phong trào của Thánh Thần đều mời gọi chúng ta tự vấn bản thân, đồng thời tự vấn về việc đáp ứng của chúng ta đối với ân sủng và về chân tính Kitô hữu của mình.

Trong chứng nghiệm tôi đang phân tích, điều làm tôi chấn động là nó buộc tôi phải thay đổi cách nhìn để đọc lại các thư thánh Phaolô và sách Công Vụ Tông Đồ mà tôi tưởng mình đã biết rồi. Khi đột nhiên thấy những biểu hiện của Thánh Thần dấy lên tương tự như những biểu hiện nơi Tân Ước, tôi liền tự đặt cho mình câu hỏi: những Kitô hữu thời Giáo Hội nguyên thủy có phải là những Kitô hữu thuộc loại đặc biệt, phi thường mà hiện nay không còn nữa, hay chính chúng ta là những Kitô hữu có đức tin yếu kém *«dưới mức bình thường»*? Tôi cảm thấy buộc phải tự vấn về những chuẩn mực của đức tin Kitô giáo và sự gắn bó của tôi với Đức Giêsu. Thánh Phaolô quả quyết: *«Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi»* (Gl 2,20), tôi có thật sự tin điều ngài nói không? và tôi có tin rằng điều ngài nói ấy có thể áp dụng cho mọi Kitô hữu là những người phải dám tin rằng Đức Kitô mong muốn tiếp tục thực hiện bởi họ và qua họ điều mà chính Ngài đã thực hiện khi còn ở trần gian không? Và thậm chí họ còn làm được cả những việc lớn lao hơn chính Ngài đã làm, như Ngài đã hứa rõ ràng không (xem Ga 14,12)?

Tự vấn như thế buộc chúng ta phải nhìn một cách mới mẻ về nguồn nguyên thủy nhất, nền tảng nhất nơi Kitô giáo: đó là gắn bó với sự sống của Đức Kitô trong Thánh Thần. Từ đó xét xem các hệ quả vô hình ...và hữu hình từ sự gắn bó ấy. Tôi biết rằng, cách tuyệt vời nhất để thử nghiệm niềm tin Kitô giáo là dựa vào đức ái, nhưng điều ấy không loại trừ những dấu hiệu khác về sự hiện diện của Đức Kitô, những dấu hiệu mà chính Ngài đã cho chúng ta thấy rõ ràng, chúng được thể hiện ngay hôm sau ngày Thánh Thần Hiện Xuống (x. Mc 16,17-18). Khi thấy tái hiện một số hình thức của Kitô giáo thời nguyên thủy, tôi cảm thấy tôi được mời gọi nhìn lại chính mình như nhìn vào trong gương. Và đo lường sức mạnh và sự sâu rộng của đức tin Kitô hữu nơi tôi trong thế kỷ 20 này, bằng cách so sánh lối sống đức tin ấy với đức tin của người Kitô hữu ở thế kỷ thứ nhất.

Sự thánh thiện «thông thường»

Điều làm tôi ngạc nhiên nữa là bỗng dưng tôi thấy Thánh Thần biểu hiện tràn đầy nơi các Kitô hữu thuộc đủ mọi thành phần. Những sinh viên ở Pittsburgh, ở Ann Arbor và những nơi

khác là người Kitô hữu bình thường. Họ chẳng phải là những vị ẩn tu hay những chuyên gia về sự thánh thiện cao vời: họ là những Kitô hữu như mọi người. Họ làm tôi nhớ lại lời Thầy chí Thánh khi Ngài tạ ơn Cha Ngài vì «*đã giấu kín không cho những bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn*» (Lc 10,21).

Đây là sự cởi mở đón nhận Thánh Thần và các ân huệ của Ngài, không phải nơi những Kitô hữu tuyên hứa vươn lên đỉnh thánh thiện, mà nơi những Kitô hữu chỉ muốn sống đức tin của mình ở nơi mình đang sống. Trước kia ai dám bảo rằng những ơn như ơn tiên tri, ơn giải thích, ơn chữa bệnh, ơn làm phép lạ có thể được ban cho bất cứ Kitô hữu nào sống đức tin của mình? Chúng ta thường coi những ơn này như những ơn mà chỉ các thánh hoặc các tín hữu... sắp được phong thánh mới có được. Điều này đáng ta lưu tâm và suy nghĩ. Chúng ta nên xem lại giáo huấn của Giáo Hội về đề tài này và sẽ hiểu rất nhiều điều hay. Tôi xúc động khi thấy Công Đồng Vatican II đã dành chương V trong *Hiến chế Giáo Hội (Lumen Gentium)* để nhắc lại một cách quả quyết ơn gọi nên thánh của mọi Kitô hữu. Và ngạc nhiên khi thấy Thánh Thần như đang hoạt động giữa chúng ta theo chiều hướng này trên một bình diện rộng lớn. Chúng ta còn nhớ rằng những khảo luận tu đức của chúng ta ngày xưa chỉ lo phẩm trật hóa sự thánh thiện dựa trên mức độ hiểu biết về «*các tình trạng hoàn thiện*». Trong kim tự tháp ấy, giáo dân bị xếp vào phần thấp nhất, còn các tu sĩ chiêm niệm thì ở chóp đỉnh. Nhà giáo luật thì xếp các kinh sĩ của La-tran lên hàng đầu. Còn Công Đồng Vaticanô II thì hết sức nhấn mạnh rằng sự thánh thiện là ơn gọi chung của mọi Kitô hữu.

Việc dân chủ hóa sự thánh thiện như thế đã chẳng lôi kéo người ta chú ý nhiều như những cải cách «*dân chủ*» khác. Tuy nhiên tiếng gọi của Công Đồng vẫn còn đó, và tôi hết sức vui mừng về những đáp trả mà Thánh Thần thúc giục thực hiện, theo sự phong phú của các ơn gọi và dưới những khía cạnh đa dạng nhất.

Những biểu hiện mà Thánh Thần hứa ban

Một khi đã chấp nhận tin rằng Đức Kitô đang sống và hoạt động nơi mỗi Kitô hữu, thì tự nhiên chúng ta cũng tin rằng Đức Kitô vẫn tiếp tục tự biểu hiện giữa chúng ta. Đức Giêsu nói với những kẻ chống báng Ngài: «*Nếu các ông không tin vào tôi thì ít ra hãy tin vào những việc tôi làm*» (Ga 10,38).

Những việc Ngài làm chính là những dấu chỉ và những phép lạ như chữa lành bệnh nhân, chiến thắng quyền lực sự ác, nói tiên tri, giảng giải Thánh Kinh, những lời dạy mà chỉ có những người có uy quyền mới nói được, hay những lời mà chưa từng có ai nói được. Tất cả những gì biểu lộ quyền năng Thiên Chúa nơi Đức Giêsu thì người ta cũng thường thấy nơi các môn đệ Ngài. Chẳng hề có sự gián đoạn giữa người Thầy là Đấng chữa lành kẻ bại liệt với Phêrô và Gio-an là những người nói với kẻ bại liệt nơi Cửa Đẹp: «*Nhân danh đức Giêsu Kitô người Na-da-rét, anh hãy bước đi!*» (Cv 3,6).

Tất cả đều bởi cùng một Chúa Kitô, cùng một Thánh Thần.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi công cuộc Canh Tân của Thánh Thần dấy lên những biểu hiện đoàn sủng. Sự khác biệt giữa đức tin của chúng ta và của những Kitô hữu đầu tiên chính là mức độ cởi mở và đón nhận kho tàng ơn sủng của Thánh Thần. Và trong sự so sánh này chúng ta ở phần yếu kém hơn.

Điều chúng ta còn thiếu chính là nhận thức chính xác về chân tính Kitô hữu của chúng ta: Chúng ta không dám tin, bằng một đức tin đầy hy vọng, rằng tất cả mọi ân huệ phong phú của Thánh Thần vẫn luôn luôn sẵn sàng phục vụ Giáo Hội Chúa. Chúng ta chưa nhấn mạnh cho đủ rằng chúng ta rất giàu có vì có toàn bộ kho tàng của Thiên Chúa. Trong đức tin, chúng ta phải khiêm tốn nói lên điều ấy và đón nhận tài sản ấy với lòng trông cậy. Người Kitô hữu phải biết mình là ai: họ thực sự chính là con của Thiên Chúa, là người thừa tự Nước Trời, nhưng trong thực tế họ tỏ ra không biết điều ấy. Họ có được những gia tài thiêng liêng, nhưng đang bị chôn vùi vì không biết chúng hiện hữu. Vì không tin đủ nên họ không nhận ra kho tàng ấy.

Vì trong nhiều trường hợp tôi thấy có dấu hiệu chứng tỏ những biểu hiện của Thánh Thần là chân thực, nên tôi phải đọc lại các bản văn Thánh Kinh bằng một đôi mắt khác. Các bản văn ấy nói về các đoàn sủng của Thánh Thần như một cái gì hết sức bình thường trong các cộng đoàn nguyên thủy. Tôi biết sách Công Vụ Tông Đồ không phải là một tài liệu khảo cổ học, nên tại Công Đồng, tôi đã bênh vực đặc tính linh hoạt của các đoàn sủng. Nhưng bảo vệ

một luận đề mà mình tin chắc chắn là đúng là một chuyện, còn có được những sự kiện để chứng minh luận đề ấy khi bị chất vấn lại là chuyện khác. Việc nêu lên thắc mắc trong sự kiện này là phận vụ của mỗi một chúng ta. Riêng tôi, điều làm tôi ngạc nhiên nơi những chứng nghiệm đang xảy ra không phải là sự mới mẻ của chúng mà là sự tái xuất hiện truyền thống đã có ngay từ nguyên thủy, và việc tái khám phá ra điểm xuất phát của chúng ta.

Việc canh tân phụng vụ đưa chúng ta trở lại điểm xuất phát là phòng Tiệc Ly ở Giêrusalem vào chiều thứ năm Tuần Thánh.

Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng mời gọi chúng ta chiêm ngắm chính phòng Hội (phòng tiệc ly) ấy vào buổi sáng ngày Thánh Thần Hiện Xuống. Hiểu rõ hơn các nguồn gốc của mình là một ân sủng, cho dầu chúng ta cho rằng mình vốn đã biết rồi. Và ý thức sâu xa hơn chân tính Kitô hữu của chúng ta cũng là một ân sủng.

4. Một luồng ân sủng đang thổi đến

Để hiểu được ý nghĩa của Phong Trào Canh Tân Đoàn Sùng và tầm quan trọng thật sự của nó, ta không nên sử dụng những phạm trù có sẵn, và nhất là không nên xem đây là một phong trào đứng cạnh những phong trào khác, hoặc tệ hơn nữa, cạnh tranh với những phong trào ấy. Thực sự không phải như thế, mà đây chính là một tác động của Thánh Thần trên tất cả mọi Kitô hữu, dù là giáo sĩ hay giáo dân. Đây là một luồng ân sủng đang thổi đến, làm cho chiều kích đoàn sùng vốn tiềm tàng trong Giáo Hội được ý thức ở mức cao nhất. Vì theo định nghĩa, mọi Kitô hữu đều có đoàn sùng; điều khiến họ khác với những người khác chính là ý thức sống động – ít nhiều tùy người – về thực tại nền tảng mà nhất thiết mọi Kitô hữu đều có.

Như thế, đây không phải là một phong trào đặc thù được hiểu là có cơ cấu tổ chức, và các thành viên được kết nạp phải có một bốn phận nào đó được quy định rõ rệt. Để tham gia trào lưu này, người ta không bị đòi hỏi phải gia nhập vào một nhóm cầu nguyện có tổ chức. Đức Kitô có nói: «*Quả thật, ở đâu có hai hoặc ba người tụ họp lại vì danh ta, thì ở đó có Ta*» (Mt 18,20). Dựa trên con số khiêm tốn này thì lời cầu nguyện nào phát sinh giữa một vài Kitô hữu có thể được gọi là cầu nguyện cộng đồng. Thánh Thần thổi cách nào và thổi nơi nào tùy ý Ngài. Ngài không cần phải có khuôn khổ đặc biệt nào mới xâm nhập được vào những môi trường đa dạng nhất : giáo dân đủ mọi tầng lớp, các cộng đoàn và dòng tu đủ loại (chẳng cần thay đổi linh đạo của mình), đều cởi mở đón nhận trào lưu này; tôi dám liều tiên đoán rằng tương lai nó sẽ tràn ngập một cách kín đáo, êm nhẹ vào các tòa giám mục..., các hội đồng giám mục..., các Thượng Hội Đồng tại Rô-ma.

Các Kitô hữu tha thiết với trào lưu này thích gặp nhau để cùng nhau chia sẻ niềm tin, hy vọng và tình yêu huynh đệ được canh tân của mình, và để hiệp thông trong bầu khí cầu nguyện tự phát mà họ cảm thấy thoải mái - vì không dè dặt và ngại ngùng. Sự kiện đó không có nghĩa là tạo ra một Giáo Hội trong Giáo Hội; nhưng đây chỉ là những Kitô hữu cảm thấy hạnh phúc vì được cùng là Kitô hữu với nhau trước mặt Đức Kitô, và sẵn sàng phục vụ tha nhân ở những nơi mà Chúa Quan Phòng xếp đặt cho họ.

Một trong những vị hữu trách ở Ann Arbor là Stephen Clark, muốn đánh tan mọi hiểu lầm, đã nhấn mạnh: «*Chúng tôi chẳng cố tìm điều điều gì đặc biệt cả; chúng tôi chỉ thử sống Kitô giáo trong quyền năng của Thánh Thần... Chính Thánh Thần mới quan trọng, chứ không phải chúng tôi... Chúng tôi không mong người ta đồng hóa phong trào Canh Tân này với công cuộc canh tân Giáo Hội. Nhiều điều khác đang xảy ra do Thiên Chúa tác động. Công việc của Thánh Thần mới là nền tảng. Tuy nhiên việc tái khám phá quyền năng này của Thánh Thần là một phần thực sự thiết yếu cho bất cứ cuộc đổi mới nào của Giáo Hội. Điều ấy phải nhất thiết tác động lên nhiều lãnh vực khác nhau như phụng tự, phụng vụ, cuộc sống cộng đoàn, công cuộc phục vụ xã hội và tông đồ*».²

Trong bài tường trình tại đại hội quốc tế ở South Bend, với đề tựa là *The Holy Spirit is no longer a ghost* (Thánh Thần không còn là một bóng ma), cha dòng Tên John C. Haughey có

² Stephen CLARK, *Where are we headed?* (Chúng ta được dẫn đến đâu?) Phục vụ Canh Tân đoàn sùng, Notre Dame, Ind., 1973, trang 18-20.

nhận xét chính xác và nhấn mạnh rằng các vị hữu trách đã không nói đến «*phong trào*» đoàn sủng mà nói về Đức Kitô. Ngài còn thêm: «*Người ta càng tham gia vào trào lưu này thì người ta càng ít tập trung vào phong trào này xét như là một tổ chức, nhưng lại càng quan tâm đến những tác động của Thánh Thần nơi chính mình và nơi cộng đoàn tín hữu mà người ta tham gia*».³

«*Những người lãnh đạo*» tự phát của «*phong trào*» này - tôi buộc phải để trong ngoặc kép những từ không thích đáng - thừa nhận là lý tưởng của phong trào là mong được biến mất đi. Một ký giả người Mỹ đã đặt tựa đề cho vấn đề này: «*A movement that wishes to die*» (Một phong trào cầu mong được chết). Thật là chính xác: tham vọng của họ là tự xoá mình càng sớm càng tốt, một phần nào tương tự, nhưng ở cấp độ khác, như các phong trào Thánh Kinh và phụng vụ cũng đã biến đi; và chúng ta hy vọng rằng mai một phong trào đại kết cũng sẽ chấm dứt, ngày mà toàn thể Giáo Hội đều chấp nhận sự thôi thúc hiệp nhất của Thánh Thần. Người ta mong ước sẽ có ngày trào lưu này biến mất khi nó đã đạt được mục đích, tựa như nước trong những dòng sông phải mất đi tên của mình khi chảy vào biển cả.

Vì sợ lạm dụng hay sợ việc định hướng sai lạc luôn luôn có thể xảy ra, có kẻ như bị cám dỗ bác bỏ những gì - mà theo lương tri của tôi - có mang dấu ấn của Thiên Chúa. Tôi mong có thể lặp lại với người ấy lời của Ga-ma-li-en nói với những Kitô hữu đang được biến đổi bởi một biến cố Hiện Xuống nào đó: «*Vậy giờ đây, tôi xin nói với quý vị: hãy để mặc những người này. Cứ cho họ về, vì nếu ý định hay công việc này là do người phạm, tất sẽ bị phá hủy, còn nếu quả thật là do Thiên Chúa, thì quý vị không thể nào phá hủy được, không khéo quý vị lại thành những kẻ chống Thiên Chúa*» (Cv 5,38-39).

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

SÚP LỖ XANH

Súp lơ xanh (broccoli) được giới ăn uống coi như “*Viên Ngọc Dinh Dưỡng Quý Giá*” và được trồng bán quanh năm, nhiều nhất là từ mùa Thu tới mùa Xuân.

Thành phần dinh dưỡng

Súp lơ xanh không có chất béo, rất ít muối và năng lượng, nhưng lại có nhiều chất chống oxy hóa, beta carotene, sinh tố C, chất xơ, folic acid, calci và kali. Nước chiếm khoảng 90% trọng lượng rau.

Nửa cân súp lơ xanh có một lượng sinh tố C tương đương với 4 kg trái cam hoặc hai trăm quả táo.

Khi nấu, một số lớn sinh tố C bị tiêu hủy, nhưng vẫn còn nhiều hơn trong trái cam tới 15% và có lượng calci tương đương với sữa.

Một bát súp lơ xanh (khoảng 250 ml) nấu chín có 100mg calci, 500mg kali, 125mg sinh tố C, 5g chất đạm, 8g carbohydrat, 3 gr chất xơ, 1.2 mg sắt và chỉ cung cấp 45 calori.

Súp lơ xanh cũng có một ít *bioflavonoids*, *thiamin*, *niacin*, các chất chống oxy hóa.

Công dụng y học

³ Trong *America* (Châu Mỹ), 15-6-1973.

Súp lơ xanh có khoảng 30 hóa chất mà nhiều nghiên cứu cho là có công dụng ngăn ngừa ung thư, nhất là ung thư vú. Đó là chất *indole carbonol* làm tiêu bớt kích thích tố *estrogen* thường được coi như có nguy cơ gây ra ung thư này.

Súp lơ xanh cũng làm giảm nguy cơ tăng huyết áp, tai biến động mạch não, bệnh tim mạch, giảm biến chứng của bệnh tiểu đường, giảm nguy cơ bị bệnh loãng xương, giảm *cholesterol* xấu.

Súp lơ xanh có nhiều folate nên giúp giảm thiểu nguy cơ trẻ sơ sinh khuyết tật gây ra do người mẹ thiếu sinh tố này. Một đọt súp lơ xanh có 110mcg folate, bằng một nửa nhu cầu hàng ngày.

Năm 1978, bác sĩ *Saxon Graham* của viện Đại Học Nữ Uớc ở thành phố Buffalo, công bố kết quả cuộc nghiên cứu với một nhóm bệnh nhân ung thư ruột già và một nhóm người không bị ung thư. Theo kết quả nghiên cứu này thì có một sự tăng gia rõ rệt về nguy cơ mắc bệnh ung thư ở những người ăn ít rau cải, trái lại có một sự giảm thiểu rõ rệt những nguy cơ ấy ở người ăn nhiều bắp su, su tí hon và súp lơ xanh.

Năm 1983, bác sĩ *Graham* lại tìm thấy là các thực vật thuộc họ cải còn có tác dụng chống sự phát triển tế bào ung thư bàng quan.

Cũng năm 1983, nhiều nhà nghiên cứu ở Hy Lạp, khi phân tách thực đơn của 100 bệnh nhân ung thư đại tràng, đã khám phá ra một đặc tính chung của nhóm bệnh nhân này, đó là họ ăn thịt nhiều hơn, ít ăn rau, cải. Theo các vị này thì muốn có tác dụng chống ung thư, các loại rau, cải phải được ăn thường xuyên chứ không phải chỉ ăn một hay hai lần một tuần.

Cũng như các rau thuộc họ cải (*Brassicaeae*), súp lơ xanh có chứa hóa chất *goitrogene*. Khi ăn thật nhiều cải bắp, hóa chất này gây khó khăn cho cho sự sử dụng iod của tuyến giáp. Tuyến sẽ sản xuất ít kích thích tố *thyroxine*. Để sản xuất thêm *thyroxine* đủ dùng cho cơ thể, tuyến giáp buộc phải tăng nhanh kích thước, tạo thành bướu cổ. Những người có bệnh tuyến giáp nên lưu ý. Còn đối với người bình thường, khi ăn súp lơ xanh vừa phải và có dùng muối iod thì lượng *goitrogene* không đủ để gây ra tác dụng xấu.

Dùng trong ăn uống

Súp lơ xanh có thể ăn sống, nhưng gây nhiều hơi nên nhiều người thích nấu chín. Hấp với ít nước hay xào vừa chín tới, rau giòn, thì còn nhiều sinh tố và chất dinh dưỡng hơn là luộc quá chín, ăn mất ngon lại mất đi một phần chất bổ.

Súp lơ xanh sau khi luộc chín hoặc đông lạnh giảm tới 40% lượng sinh tố C.

Phần ngọn ngoài cùng của súp lơ xanh chứa nhiều beta- carotene hơn là phía trong cuống.

Luộc súp lơ xanh với nước lạnh đun sôi dần thì sinh tố C bị phân hủy nhiều hơn là đợi khi nước đã sôi rồi mới cho súp lơ xanh vào. Lý do là khi bắt đầu sôi, nước sinh ra oxygen làm phân hủy sinh tố C. Vì thế, nên đợi nước sôi một lát cho hết bọt rồi hãy bỏ broccoli vào nồi.

Phần cuống của broccoli lâu chín hơn đầu hoa, nên cần nấu cuống trước, kéo phần đầu quá nhũn. Đậy vung để tránh mùi hăng hăng của rau bay khắp nhà trong khi nấu. Súp lơ xanh

tươi cần khoảng mười phút để nấu chín, còn rau giữ đông lạnh chỉ cần sáu bảy phút, vì trước đó đã được chần qua rồi.

Lựa và cất giữ broccoli

Rau càng xanh đậm càng nhiều chất dinh dưỡng. Súp lơ xanh có quanh năm. Rau giữ đông lạnh cũng ngon như rau tươi.

Khi mua, nên chọn rau còn xanh tươi, các nụ khép kín, chắc thịt và có nhiều hoa non. Tránh rau có cuống quá cứng, hoa non đã ngả màu vàng.

Gói súp lơ xanh trong bao nylon, cất trong tủ lạnh để bảo vệ sinh tố C và có thể để dành tới vài tuần lễ. Đối với súp lơ xanh, ánh sáng và sức nóng đều làm phân hủy sinh tố C.

Rau đông lạnh cũng ngon nhưng còn ít sinh tố C hơn vì rau đã được chần qua để tránh rau tiếp tục chín muồi trong ngăn đá. Nếu làm chín vừa phải trong lò vi-ba thì giữ được nhiều sinh tố này hơn.

Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức

VỀ MỤC LỤC

NHẬU

LỜI TẠM BIỆT:



**Quán trọ đời chân trần nay đã mõi,
Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.**

Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:

"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...

"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.

Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.

Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

NHẬU

Một trong những chứng bệnh của phe đờn ông con giai, khiến cho quý bà quý cô nhiều khi phải nhăn mặt “âm thầm gậm nhấm nỗi đốn đau cô đơn” của mình, đó là chứng bệnh nhậu.

Để diễn tả nỗi đốn đau vò vố ấy, người ta đã nhái theo bài hát “Hòn vọng phu” như sau :

- Bao nhiêu đêm cầm roi đứng đợi chồng về,

Bao nhiêu đêm vòng tay đứng nghe chồng thề.

Không hiểu bên Thụy sĩ, người ta nhậu ra làm sao và nhậu theo phong cách nào ? Chứ còn tại Việt Nam, người ta nhậu ở mọi nơi, trong mọi lúc và với bất kỳ lý do nào. Vui cũng nhậu, buồn cũng nhậu và thậm chí muốn nhậu là nhậu, chẳng cần lý do nào sớt.

Vì vậy, phong trào nhậu cứ “liên tục phát triển”. Chả thế mà đất nước mình thuộc vào hạng nghèo rớt mùng tơi, nhưng lại có mặt đầy đủ những thứ bia nổi tiếng trên thế giới và hàng năm người ta sản xuất ra không biết bao nhiêu triệu lít bia.

Rồi trong những ngày gần đây tại Saigon, xuất hiện hàng loạt những “làng nướng”, làng “lẩu”...Cứ chiều chiều đi ngang qua những thứ làng này, mùi thịt thà cá mú bốc lên làm điếc mũi hàng xóm. Tất cả những điều ấy, gã đã có dịp trình làng.

Riêng hôm nay, gã sẽ nhìn hiện tượng nhậu dưới góc độ của anh đờn ông cũng như của chị đờn bà, để rồi đi đến một kết luận cụ thể, đó là ta phải nhậu như thế nào cho đáng mặt mày râu.

Tuy nhiên, trước khi đi sâu vào chi tiết, gã xin đề cập tới vị sư tổ của trường phái nhậu, đó chính là Lưu linh.

Theo sách vở thì Lưu linh tự là Bá luân, người đời Tấn. Ông thuộc nhóm “thất hiền”, tức là một trong bảy vị hiền tài ở Trúc lâm, tính tình phóng khoáng, thích uống rượu lại giỏi thơ văn. Ông đã để lại cho đời một bài thơ bất hủ, ca ngợi cốt cách phong lưu của việc uống rượu. Bài thơ ấy mang tựa đề là “tửu đức tụng”. Chả thế mà trong “Cung oán ngâm khúc” có câu :

- Cờ tiên, rượu thánh ai bằng,

Lưu linh, Đế thích là làng tri âm.

Tục truyền rằng : vào một đêm trăng thanh gió mát, ông ngồi uống rượu và ngâm thơ với các “chiến hữu” trên một chiếc thuyền. Trong lúc cao hứng, ông đứng lên, loạng choạng bước tới mũi thuyền. Nhìn thấy vầng trăng lung linh dưới đáy nước mà cứ ngỡ là lơ lửng trên bầu trời, ông liền giang tay nhảy xuống ôm lấy trọn vầng trăng và bị thế là...dòng nước cuốn trôi.

Từ đó cho đến nay, dân bợm nhậu vốn thường được gọi là đệ tử của Lưu linh và tôn ông làm sư tổ của mình.

Nhiều người cho rằng :

- Đối với phần lớn đờn ông con giai, thì tình yêu đi vào trái tim thường phải rẽ qua ngã đường của bao tử.

Điều đó chứng tỏ rằng anh đờn ông con giai nào cũng khoái ăn ngon. Thế nhưng, đồ ăn thịnh soạn mà thiếu chất cay cay để đưa mỗi thì cũng hóa thành nhạt nhẽo như người xưa đã bảo :

- Cỗ không rượu như kiệu không cộ. Đi rước kiệu mà không có cha chủ sự thì còn ra cái thể thống chi nữa.

Chính vì vậy, rượu đã xuất hiện từ một thuở rất xa xưa và có mặt trên từng cây số nơi các dân tộc, từ đông sang tây, từ cổ chí kim và làm thành nét đẹp riêng của văn hóa. Chả thế mà trong ngành du lịch, người ta đã đưa ra chiêu bài nền “văn hóa ẩm thực” của dân tộc mình để thêm phần hấp dẫn hầu dễ bề móc túi du khách.

Gã không biết ai là người đầu tiên đã chế biến nên rượu. Thôi thì đành dựa vào Kinh thánh vậy. Theo sách Sáng thế ký : sau cơn đại hồng thủy, khi nước đã rút hết, thì Noe đã trông nho và làm rượu. Ông cũng đã nhậu một châu túy lúy với những xị rượu đầu tiên của mình.

Và thế là chuyện nhậu được phổ biến và trở thành một tập tục của loài người. Hai tên bạn khổ rách áo ôm lâu ngày gặp nhau, thế nào cũng phải làm xương xương với nhau vài táo. Các chính khứa hội đàm “mĩ” nhau và khi cuộc hội đàm kết thúc, thế nào cũng phải có màn chiêu đãi tiệc tùng.

Cũng bởi lẽ ấy, mà các cụ ta ngày xưa đã bảo :

- Nam vô tửu như kỳ vô phong, có nghĩa là đờn ông con giai mà không biết uống rượu thì như cờ treo mà không có gió. Ủ rữ.

Gã xin ghi lại nơi đây tâm sự buồn của một anh con giai không biết nhậu, được đăng trên báo “Phụ nữ Chủ nhật” :

“ Khi còn độc thân mỗi lần được bạn bè mời đi dự đám tiệc, tôi đều phải len lén chọn những bàn tập trung phái nữ và cũng chọn cho mình một loại thức uống giống y như họ là một chai...nước ngọt! Trong lúc bạn bè cùng “hệ” đang hí hửng với những ly bia vàng óng, sóng sánh bọt, tung bừng hô vang “Zdoô, zdoô...” một cách hết sức sôi động, thì tôi chỉ biết cầm cúi gập lầy gập để cho đến món cuối cùng hầu được...ra về! Đến khi lập gia đình, điều kém nầy lại càng được bộc lộ rõ ràng hơn. Ngay vào ngày cưới, thường chú rể là người “bị” uống nhiều nhất. Hết bàn này đến bàn khác, hết người này chúc mừng đến người kia mời mọc. Mặc dù đã “tự nhủ lòng” phải kiềm chế tối đa để bảo đảm cho một đêm tân hôn...cực kỳ tỉnh táo, nhưng trước những lời chúc tụng quá ư chân thành của bạn bè, của bà con hai họ, tôi cũng ráng gồng mìn...uống, như để nuốt cạn từng lời chúc mừng chí tình chí nghĩa ấy! Cho tới bàn cuối cùng, tôi chỉ còn nhớ được mang máng hình như có ai đó đã...vác tôi ra xe taxi rồi đưa về nhà trước khi tàn tiệc cưới! Đến khi giật mình tỉnh giấc đã là bảy giờ sáng của ngày hôm sau và điều chắc chắn rằng trong đêm tân hôn đó, chú rể vẫn còn là chú rể và tất nhiên cô dâu cũng vẫn còn là cô dâu, chẳng chút mảy may xây xước. Đâu đã hết, điều kém may mắn ấy vẫn còn theo đuổi tôi cho đến bây giờ. Chẳng là gia đình bên vợ tôi rất đông người, bốn anh em trai cộng thêm với ba người anh cột chèo, vị chi là bảy người và ai cũng uống bia như uống...nước mía, chỉ lẽ loi mình tôi là “yếm thế”. Những lúc giỗ tết, tôi chỉ còn biết ngồi khép nép bên vợ để được “che chở” khỏi bị ép uống...Có thể nhiều bà vợ cứ nghĩ chồng mình không biết uống rượu là một điều hạnh phúc, nhưng các bà đâu có thể hiểu hết được những “nỗi thẹn thùng” của các ông mỗi khi đụng chuyện. Đàn ông đàn ang như tôi mà không biết uống rượu

quả đáng xấu hổ. Vì thế, nếu cho tôi một điều ước, tôi sẽ chẳng do dự nói ngay rằng : Phải chi tôi cũng biết...nhậu”.

Nếu như cô gái lỡ thời đã tâm sự :

- Không chồng khổ lắm chị em ơi!

Thì hẳn anh chàng này cũng phải lớn tiếng mà kêu lên :

- Không nhậu khổ lắm anh em ơi!

Đã vậy, nhiều lúc chẳng muốn nhậu mà cũng vẫn bị nhậu và bắt buộc phải nhậu, thì nào có khoái, có vui sướng gì cho cam. Dĩ nhiên ở đây gã không bàn tới những vị sáng say chiều xỉn tối lẫn quay, thuộc hàng cao thủ võ lâm, bợm nhậu mãn tính hay dân ghiền hạng nặng, dám vỗ ngực tuyên bố :

- Thà bỏ...vợ còn hơn bỏ...nhậu.

Nhưng chỉ xin đề cập đến những đáng thường thường bậc trung, mỗi khi nhậu đều có những lý do chính đáng và lắm lúc có cả giấy phép của...bà xã nữa. Vậy tại sao những đáng ấy lại nhậu, hay nói một cách khác, những đáng ấy nhậu để làm gì ? Dựa vào một bài báo trên “Phụ nữ Chủ nhật” gã xin bổ túc và đưa ra những lý do khiến người ta nhậu một cách rất chính đáng.

Lý do thứ nhất, đó là phải nhậu thì mới có tiền.

Mới nghe qua lời phát biểu này thì thấy nó có vẻ vô lý, bởi vì theo luật kinh tế : càng đông vui thì lại càng hao. Nhậu miết thì thẻ nào cũng mắc chứng “viêm màng túi” kinh niên. Thế nhưng, nếu suy nghĩ một chút, gã thấy cũng đúng.

Có một anh bạn, chủ một doanh nghiệp tư nhân, vốn được xem là “chuyên gia” nhậu. Gọi điện thoại tìm anh ta thường được nghe con gái anh ta trả lời :

- Ba con đi nhậu rồi.

Vợ anh ta phải “thay” chồng quán xuyến công việc sản xuất , trông coi cơ sở kiêm luôn nghề...”chỉ điểm” :

- Anh ấy đang ngồi với ông nọ, ông kia ở quán...

Còn anh ta thì lại tâm sự :

- Nhậu hoài chán lắm, ở nhà với vợ con thích hơn, nhưng có nhậu mới ký được nhiều hợp đồng làm ăn. Hoàn tất hợp đồng, lời lỗ gì cũng lại...nhậu tiếp để kiếm hợp đồng mới, cứ thế mà nhậu quanh năm.

Có lẽ đúng như vậy. Thời buổi kinh doanh cạnh tranh khốc liệt, cơ sở của anh ta thì nhỏ, vốn ít nhưng đều đều có hợp đồng để làm, đủ trả lương công nhân, nhà xưởng, điện nước, thuế má và quan trọng nhất, đã nuôi sống cả gia đình bố mẹ, vợ chồng và ba cô con gái. Tuy rằng trong đó có công sức không ít của người vợ : hiểu chồng và giúp chồng.

Lý do thứ hai đó là nhậu để tỏ ra có tí quyền, tí chức và cũng bẽ thế như ai.

Một anh bạn khác, ngoài những tiệc nhậu ở nhà hàng được người ta mời, anh ta cũng thường tổ chức nhậu tại nhà với danh nghĩa là đám giỗ. Giỗ bên nội, rồi giỗ bên ngoại. Khách được mời toàn những nhân vật có “máu mặt”, thiên hạ nhìn vào phải nể phục sát đất quyền cao chức trọng của anh ta. Có lần người ta thắc mắc không biết là giỗ ai, hỏi ra mới hay :

- Giỗ người em họ của ông nội, mà khi mất mới có vài tuổi, gia chủ cũng chẳng còn nhớ tên là gì, nên chỉ gọi là giỗ...ông trẻ!

Lý do thứ ba đó là nhậu để thắt chặt tình bè bạn.

Như trên gã đã nói : hai tên bạn cũ lâu ngày gặp nhau thì chỉ cần làm mấy ly là sống lại biết bao nhiêu kỷ niệm êm đẹp của một thuở xa xưa. Hơn thế nữa, khi rượu đã ngấm vào lục phủ ngũ tạng, lúc bấy giờ các chiến hữu tha hồ mà “nổ”, sẵn sàng tỏ lộ tâm can tì phế của mình. Những chuyện không thể nói với bà xã, thì lúc này là lúc thuận tiện nhất để tuôn ra rông rỗng cho các chiến hữu.

Nếu ở nhà :

- Nhất vợ nhì giới.

Còn bây giờ và ở đây :

- Trời chỉ bằng cái vung, thì bà xã chắc chắn cũng chẳng là cái thứ gì cả.

Rượu mở mang trí hóa, giải bớt cơn sầu và làm cho tình nghĩa tuôn chảy tràn trề và lai láng khiến các chiến hữu sẵn sàng cảm thông, không phải chỉ chín bỏ làm mười, mà nhiều khi chín bỏ làm mười một mười hai không chừng. Và khi tới màn chót của vở kịch, các chiến hữu sẽ hôn nhau chùn chụt, hay ôm lấy nhau mà khóc thút thít, lâm ly bi đát hơn cả đòn bà con gái bội phần.

Sau cùng, lý do thứ tư đó là nhậu để nói cho thiên hạ biết rằng :

- Ta đây là loại đòn ông chính hiệu con nai vàng.

Thực vậy, bộ râu là dấu chỉ để phân biệt đòn ông đòn bà, như các cụ ta ngày xưa đã bảo :

- Đòn ông không râu bất nghì,

Đòn bà không vú lấy gì nuôi con.

Thế nhưng, ngoài bộ râu ra, việc nhậu cũng đã trở nên dấu chỉ để phân biệt đòn bà đòn ông. Sở dĩ như vậy vì dân nhậu hầu như toàn đòn ông, còn đòn bà hầu như chẳng thấy...nhậu bao giờ.

Gã chỉ xin nói “hầu như” mà thôi, bởi vì cũng có những chị đòn bà uống rượu như hũ chìm và cũng có những chị đàn bà...mọc râu mọc ria, oai ra phết. Trong khi đó lại có những anh đòn ông chỉ biết “phá mồi” và cảm thì nhăn nhui trơn tru, có vác kính lúp ra soi cũng chẳng tìm thấy được một cọng râu.

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn, đó là khi nhậu sừng sừng, người ta mới dễ bề tỏ ra mình là đáng “nam nhi đại trượng phu”. Gã tìm thấy trên báo “phụ nữ Chủ nhật” tâm sự của một anh bạn đi tìm “bản lãnh đòn ông” trong việc nhậu như thế này :

“Sau khi lấy vợ, nếu không đi nhậu, các chiến hữu cho rằng bây giờ tôi sợ vợ, “không xài được”. Tự ái nổi lên, chứng tỏ ta đây không sợ ai hết. Thế là từ đó tôi luôn luôn sống trong tình trạng “bạn nhậu một bên và em một bên”. Cho đến lúc vợ tôi “tuyên chiến” với nhậu, nàng luôn than vãn cần nhàn, kêu ca, nổi giận bảo rằng thật bất hạnh khi kết hôn với một cái...hũ hèm, thì tôi thực sự hoảng hốt. Buồn quá, tôi lại tiếp tục tìm vui trong men nhậu. Khi nhậu, tôi được các chiến hữu tung hô, được em út tôn sùng và nhiều thứ mà lúc tàn canh tôi không có được...Trong bàn nhậu tất cả đều bình đẳng, hơn thế nữa, nó giải tỏa biết bao buồn bực. Cùng lúá với tôi, bạn bè nhiều đứa đã giàu sang thành đạt, còn tôi vẫn cứ quên. Nhưng trong bàn nhậu, “nhà ngói cũng như nhà tranh”, tôi cũng ngon như ai nếu biết chịu chơi và chịu chi...Vợ tôi cho rằng tôi là người yếu đuối, nhưng khi nhậu tôi thấy mình có đủ “bản lãnh đờn ông”.

Bản lĩnh đờn ông này được bạn cảm nhận khi rượu đã thấm vào như sau :

Bạn cảm thấy mình là người thông minh. Ý kiến bạn hoàn toàn đúng và dĩ nhiên ý kiến kẻ khác hoàn toàn sai. Bạn sẵn sàng “nhả ngọc phun châu” với bất kỳ ai, về bất cứ đề tài nào, còn thiên hạ đang vênh tai hướng tới bạn để lắng nghe. Rốt cuộc, sự cãi vã là điều không thể tránh khỏi khi mọi người đều...thông minh.

Bạn cảm thấy mình là người giàu nhất trên thế giới, thậm chí sẵn sàng bao luôn bữa tiệc, hay mua thêm rượu mời mọi người cùng uống, bởi vì bạn luôn có sẵn một núi tiền. Đối với bạn, thân xác chỉ là cát bụi, danh vọng chỉ là mây khói và tiền bạc chỉ là...bùn đất mà thôi.

Bạn cảm thấy mình là người gan dạ, sẵn sàng đánh nhau với bất cứ ai. Chỉ cần một lời nói trái tai, lập tức người ấy trở thành kẻ thù của bạn. Không một ai có thể đánh bạn phun máu đầu, bởi vì bạn không hề lùi bước trước bất kỳ đối thủ nào. Bạn là người gan dạ cơ mà. Khi đã xỉn rồi, bạn cứ giữa đường mà đi, mặc cho xe cộ thì nhau tránh. Thậm chí, bạn còn dám bò bằng “bốn chân” về nhà trước mặt vợ con và hàng xóm.

Bạn cảm thấy mình là người lịch sự, bởi vì bạn luôn mồm xin lỗi thiên hạ. Thậm chí khi bị va vào cột đèn sưng u cả đầu, thế mà bạn vẫn cứ đứng xin lỗi cho tới bao giờ cái cột đèn trả lời mới thôi. Có khi bạn xin phép chủ nhà để đi về tới mười lần mà vẫn luẩn quẩn chưa ra khỏi được phòng nhậu.

Bạn cảm thấy mình là người rất cẩn thận, thậm chí còn nhớ móc chân vào sườn xe đạp trước khi làm một giấc ngủ ngon lành ngay bên lề đường.

Sau cùng, bạn cảm thấy mình là người có trí nhớ tốt bởi vì những việc tưởng chừng như đã qua đi từ đời tám tai ông Bành tổ, thế mà bạn vẫn nhớ và nhắc đi nhắc lại hàng chục lần, chỉ vì sợ kẻ khác quên hay không hiểu.

Những biểu lộ “bản lĩnh đờn ông” trên đây khi rượu vào, nếu ở mức độ trung bình thì tạo được một bầu khí vui vẻ và đôi lúc đem lại nét dễ thương, nhưng nếu đi tới chỗ thái quá, chắc chắn sẽ tạo nên những bất ổn, bởi vì :

- Rượu thì trắng, nhưng uống vào sẽ làm cho mặt đỏ và nhuộm đen tư cách.

Gã xin ghi lại nơi đây bài thơ của Đặng Châu :

- Đêm qua anh đi nhậu về,

Đợi anh, em thấy tái tê cõi lòng.

Khi đi lịch sự đàng hoàng,

Khi về xất bắt, xang bang phát rầu.

Nào đâu chiếc kính đổi màu,

Cái máy di động mua đầu mùa xuân.

Nào đâu cái mũ phớt đen,

Cái “dây bao tử”...mất luôn, khỏi tìm.

Nói ra sợ tiếng sợ tằm,

Van anh, anh hãy giữ thân giữ mình.

Như xưa anh vốn hiền lành,

Cứ ăn nhậu miết, riết thành hư thân.

Muốn cho vợ quý, con thương,

Van anh sớm bỏ con đường bê tha.

Đêm qua anh đi nhậu về,

Đàng hoàng lịch sự bay đi...rất nhiều.

Từ đó, gã tự hỏi :

- Phe đồn bà con gái sẽ nhìn hiện tượng nhậu như thế nào và sẽ nghĩ gì về kẻ say xỉn ?

Công bằng mà nói :

- Phe đồn bà con gái không uống rượu, nhưng lại rất khổ vì rượu.

Không cần nói ra thì ai cũng biết những hậu quả nghiêm trọng rượu đã gây nên. Nếu nhậu ở nhà thì mệt cho bà xã, vừa phải lo nấu nướng, lại vừa phải lo thu dọn. Chiến trường thật ngổn ngang và nồng nặc khi cuộc vui vừa tàn. May phúc nếu các chiến hữu còn tỉnh táo biết đường về và ông chồng leo lên giường ngủ một giấc. Bằng không, các chiến hữu cứ ngồi cù cửa, hát hồng hay tâm sự còm với nhau, còn ông chồng lại quay ra quậy phá, chửi bới hàng xóm, đánh đập vợ con thì quả thật là hết nước nói.

Trái lại, nếu nhậu ở tiệm chắc chắn sẽ phải hao tốn giữa lúc kinh tế gia đình đang gặp nhiều khó khăn, đồng thời cũng không đảm bảo được sự trong sáng. Có giới mới biết. Ấy là gã chưa đá động tới những tai hại về sức khỏe, nhất là về hạnh phúc, bởi vì hầu hết các gia đình lục đục hay hục hặc với nhau phần lớn đều có chung một hiện tượng, đó là ông chồng say xỉn.

Một tác giả thuộc phe kẹp tóc, sau khi quan sát những biến động trong khu xóm, đã ghi nhận như sau :

“Có hai gia đình ly dị thì cả hai ông chồng đều là những hũ hèm, dù họ đều là những người có học, một ông kỹ sư và một ông phó giám đốc. Có ba phụ nữ góa bụa còn khá trẻ, thì ba người chồng của họ đều chết vì rượu. Một người chồng vì say, gây ra tai nạn giao thông bị chấn thương sọ não. Một người khác không say nhưng lại do một kẻ say tông vào anh, gây thương tích nghiêm trọng và anh đã mất ở bệnh viện. Một người chồng khác qua đời vì đã “tự

tử dần” trong rượu, bởi vì rượu đã hủy hoại lá gan lẫn nhân cách của anh ta...Và cho dù không gây ra điều gì nghiêm trọng chẳng nữa, thì chẳng người vợ nào hứng thú khi ông chồng mỗi tối về nhà với bộ mặt đỏ gay, mồm sặc mùi rượu và “ấn tượng” hơn là còn nôn thốc nôn tháo. Một phụ nữ có đứa con đau ốm liên miên, chị bảo vì nó là “đứa con của tối thứ bảy”. Chồng chị hay nhậu mỗi cuối tuần và sau khi đã ngà ngà ông ấy liền tìm đến chị và kết quả là đứa con duy nhất của họ cứ oặt ẹo hoài...Một bà mẹ suốt đời quá khổ vì có ông chồng uống rượu, nên khi cô con gái xinh đẹp tới tuổi lấy chồng, có bao chàng trai theo đuổi, bà chỉ yêu cầu chàng rể tương lai một điều kiện duy nhất, đó là không uống...rượu”.

Theo một tài liệu mới đây của Hội đồng Giám mục Pháp, thì hàng năm tại nước này có tới 40.000 người chết vì rượu và rượu là nguyên nhân thứ ba gây nên tử vong, sau bệnh ung thư và các bệnh tim mạch. Vì thế, các Giám mục Pháp không ngần ngại gọi rượu là chất ma túy độc hại.

Trước những hậu quả ghê gớm ấy, theo gã ghi nhận thì lập trường cánh đờn bà con gái được chia thành hai phe.

Phe thứ nhất là phe chống đối quyết liệt, nhất định không thỏa hiệp với nhậu. Phải dùng mọi biện pháp từ yêu thương đến cứng rắn khai trừ rượu cho bằng được. Chẳng hạn trong những dịp giỗ tết, phải giảm bớt lượng rượu tối đa, phải nghe ngóng và khi thấy có hơi men trong nhà, thì lập tức và kiên quyết dập tắt.

Phe thứ hai là phe nghĩ rằng : già néo thì đứt dây, trước một hiện tượng hiển nhiên không thể xóa bỏ được, đành phải tìm giải pháp sống chung với rượu. Cũng như đồng bào vùng đồng bằng sông Cửu long, năm nào cũng bị ngập nước, nên đành phải đưa ra những cách thể sống chung với lụt. Giải pháp này được một chị mô tả như sau :

“Không cho ông đi thì không được, vì làm sao mà ngăn chặn. Tôi đành vót vát : anh nhậu in ít thôi. Dĩ nhiên là tôi được nghe ông hứa những lời ngọt ngào như rót vào tai : Ừ, anh biết rồi, chỉ phá mỗi chứ uống có vài lon...Tranh thủ việc ông còn biết nể vợ và nghe lời vợ mà tôi kèm bớt, giữ ông ở nhà được bữa nào hay bữa nấy. Ví dụ có ai mời thì tôi lấy lý do sinh nhật con, kỷ niệm ngày gặp nhau, quen nhau, yêu nhau, cưới nhau...để tổ chức tại nhà cho ông bớt đi. Thậm chí đến cả lần cãi nhau đầu tiên, tôi cũng tổ chức kỷ niệm bằng một bữa ăn thịnh soạn ngon lành. Thế mà cũng không giữ chân được ông mọi nơi mọi lúc. Dù cứng tay chiều chồng, buộc được ông ở nhà một tháng, thì con ma men trong người ông ít ra cũng sống hết một hai ngày. Mà những ngày ấy thì ôi thôi không sao kể xiết. Nói ra thì ông bảo : Có phải ngày nào anh cũng đi đâu, có phải anh mè mớ gì đâu. Tiền lương anh nộp hết cho em. Lâu lâu mới nhậu một bữa thì phải cho anh nhậu lâu lâu chứ ? Chồng tôi vốn rất hiền và thương vợ, tuy lúc sỉn ông có quậy, nhưng là quậy hiền, nên tôi vừa giận lại vừa buồn cười, vừa tức lại vừa thương mà chẳng thể nào bỏ ông được. Bạn có biết không, ông lấy có lâu lâu mới được vợ “thả” cho đi một lần, nên ông cũng thả giàn luôn, tới khi “lết bánh” mới về. Đến nhà, ông dùng khổ nhục kế như tự đá vào vách, đập đầu vào tường...để mình thấy tội nghiệp, sợ ông đau, trúng gió nên ráng mà lôi ông vào giường để xoa dầu. Vậy mà ông còn làm eo, có chịu đi liền cho đâu. Cứ nằm ì ra đó...Đó là lúc xin chưa tới bến, chứ còn khi tới bến rồi, ông mở cửa tủ mà tưởng mở toa lét, báo hại bao nhiêu quần áo đều bị ướt đẫm, phải mang đi giặt...Rồi lại còn cái nạn chờ chồng, chỉ có những bà có chồng nhậu mới thấu hiểu. Chuyện mất tiền, mất xe, thậm chí cả tai nạn đâu phải là hy hữu. Mà đang vui, chẳng ông nào chịu điện thoại về một tiếng vì ngán bị bạn chê là sợ vợ, mà ông cũng không muốn gọi vì ngán bị mình cảm ràm làm ông mất vui. Thà cứ xả lảng đi rồi về chuộc lỗi sau vậy. Dù đang giận và đang tức, mà thấy ông chân nam đá chân chiêu lò dò về đến nhà, ngã vật xuống đất, thì nổi vui mừng đã chế ngự được bao nhiêu tức giận...Thôi thì giảm được chừng nào hay chừng nấy. Cũng đành chấp nhận giải pháp sống chung với rượu. Miễn là ông biết hạn chế, biết yêu thương mình lúc tỉnh, thì mình cũng sẵn sàng chiều ông mỗi khi ông xỉn”.

Trước khi kết luận, gã xin kể lại một vài mẩu chuyện trên báo “Công an Thành phố” để làm giảm bớt bầu khí căng thẳng.

Mẩu chuyện thứ nhất được gọi là “nụ hôn kinh hồn”. Đây không phải là là nụ hôn “cầu xực” làm mất cái lỗ tai đối thủ của võ sĩ Mike Tyson trong một trận đấu quyền anh đầy tai tiếng. Mới đây ông Hai, một đệ tử Lưu linh, vì quá hứng trong một chầu nhậu đến “quỳnh cà ná”, đã ôm lấy ông Tư, người cùng xóm, tỉ tê tâm sự, rồi đột nhiên cắn một phát, tiện đứt cái lỗ tai của chiến hữu do tình cảm trào dâng như men rượu đế. Sau đó vì quá hối hận, ông Hai đã cầm dao chặt phăng ngón tay trở của mình để mong...chuộc lại lỗi lầm!

Mẩu chuyện thứ hai được gọi là “người có võ gồng”. Trong một bữa nhậu, khi đã xừng xừng, một anh bạn bèn nổ :

- Tao có võ gồng. Một khi đã gồng lên thì dao chém vào đều bật tung ra hết.

Thấy các chiến hữu không tin, anh ta bèn xắn áo lên, đưa ra một cánh tay gân guốc và bảo :

- Cho tụi bay thử.

Nghe vậy, một chiến hữu bèn vác dao làm liền. Phập một nhát, tay anh ta đầm đìa những máu. Và thế là anh ta hét toáng lên :

- Tao nói giỡn, tại sao tụi bay lại làm thật.

Từ những điều vừa trình bày, gã xin lặp lại câu hỏi :

- Phải nhậu như thế nào cho đáng mặt mày râu ?

Theo gã nghĩ :

- Tự bản chất rượu không phải là điều xấu.

Bởi vì chính Thánh vịnh cũng đã viết :

- Chúa ban rượu ngon làm no thỏa lòng người.

Và thánh Phaolô còn khuyên Timôthê như sau :

- Vì con đau bao tử, nên hãy cố mà dùng một chút rượu.

Các bác sĩ cũng nói :

- Uống ít rượu mỗi ngày, có thể làm giảm nguy cơ tim mạch.

Sở dĩ rượu dẫn tới những hậu quả xấu là do người uống rượu không biết kèm chế và không biết tự đặt cho mình những lần mức, những giới hạn.

Thực vậy, khi ngồi vào bàn nhậu, phải biết giữ lấy nhân cách của mình. Rồi lại còn phải biết khi nào nên uống, còn khi nào phải si tốp. Và khi đã đủ, thì dù có bị mời mọc, cũng phải thôi và một giọt cũng không.

Một tác giả khác đã tóm lược như sau :

“Cái chính là người nhậu phải có “bản lãnh đờn ông”, biết lúc nào thì dừng lại. Hoàn cảnh gia đình mỗi người mỗi khác, nhưng tất cả đều phải nằm trong giới hạn cho phép. Mà người cấp phép lại chính là bà...vợ yêu quý của mình”.

Và như vậy :

- Mình phải làm chủ rượu, chứ đừng bao giờ để cho rượu làm chủ mình.

Chuyện Phiếm của Gã Siêu

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA